nghệ thuật

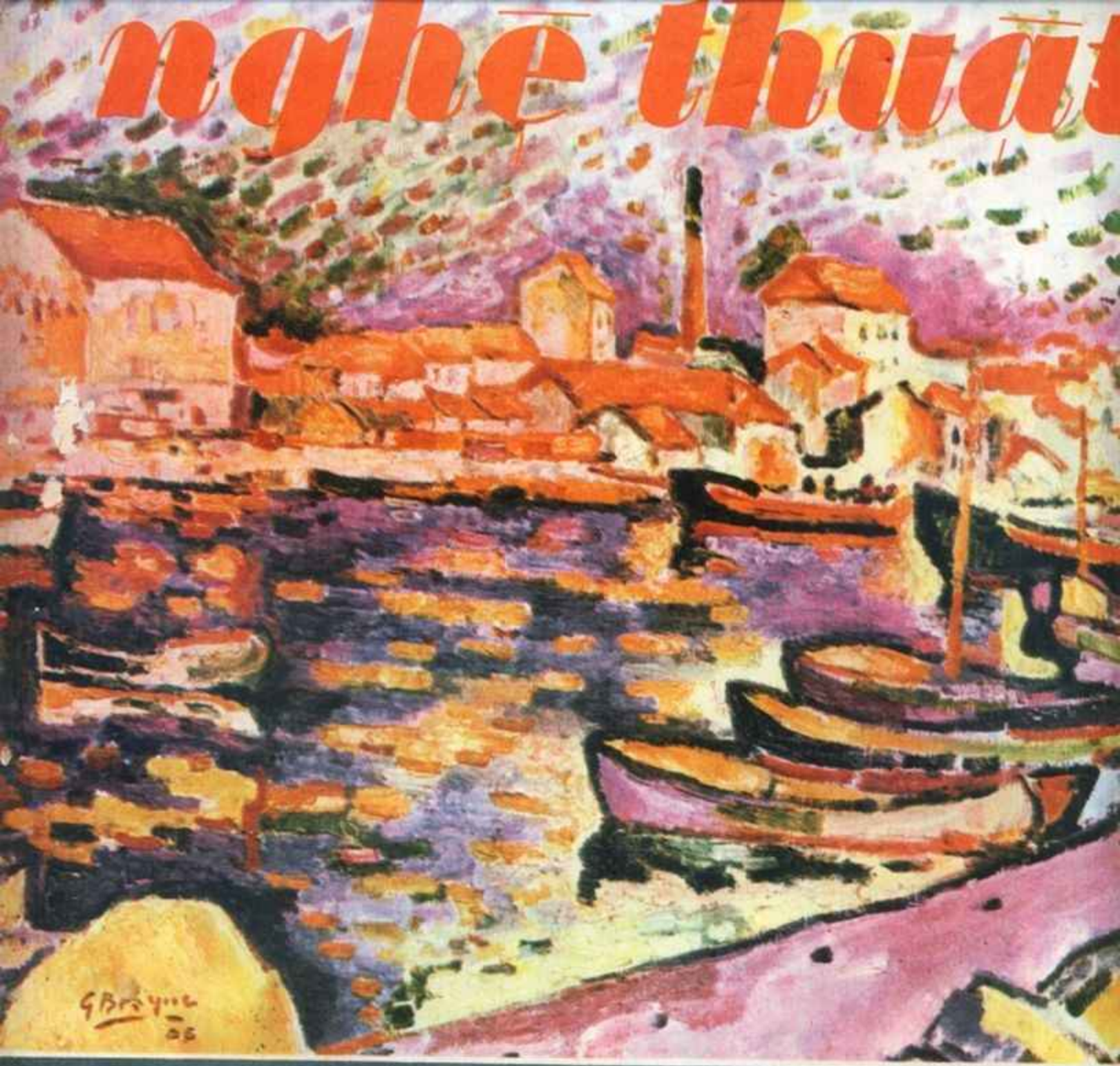

TRAN DA TƯ

LAM THƠ Ơ SAIGON

12

MỖI TUẦN CHÂN DUNG MỘT TÁC GIẢ BÙI NGỌC DUNG GIỚI THIỆU

ANNUNZIO

KHUÔN MẶT LỚN CỦA THI CA Ý

tháng mười

1965

tuy but cho mot thi si vien linh

Đang được tán thưởng nhiệt liệt tại ba rạp :

REX — ĐAINAM — PALACE

BABY DOLL
LA POUPÉE DE CHAIR

MỘT THỰC HIỆN CỰC KỲ TÁO BẠO CỦA NHÀ ĐẠO DIỄN LỪNG DANH **ELIA KAZAN**

● PHỎNG THEO MỘT KIỆT TÁC CỦA ĐẠI VĂN HÀO TENNESSEE WILLIAMS

VỚI NGHỆ THUẬT TRÌNH DIỄN TUYỆT TÁC CỦA

CARROLL BAKER ● KARL MALDEN

NHẠC HAY CỦA BẠN

Tuyển tập âm nhạc chọn lọc do TRẦN THIỆN THANH và các bạn chủ trương xuất bản.

NHẠC HAY CỦA BẠN

Nơi tập trung đầy đủ nhạc phẩm của những nhạc-sĩ tăm tiếng, được mến chuộng hiện nay : TRÚC-PHƯƠNG — TRẦN THIỆN THANH — ĐỖ KIM BẢNG — HOÀNG THANH — NHẬT BẰNG — ANH CHƯƠNG CH — HOÀNG TRANG — ANH VIỆT THU — ANH THY — HOÀNG BẢO — KIM TUẤN — DUY YÊN — QUỐC KỶ.

TRONG TẬP NHẠC ĐẦY ĐỦ, CHỌN LỌC CỦA BẠN KHÔNG THỂ THIẾU :

● 11 ấn phẩm NHẠC HAY CỦA BẠN
ĐÃ PHÁT HÀNH KHẮP NƠI

NHẠC HAY CỦA BẠN

Đã phát hành 11 ấn phẩm chọn lọc :
HAI SẮC HOA TI GÔN. Trần thiện Thanh — GIÂY PHÚT TẠ TỪ. Trần thiện Thanh — MƯA CHIỀU KỶ NIỆM. Duy Yên Quốc kỳ — HÃY TRẢ LỜI EM. Anh Chương CH — NẾU CÒN YÊU NHAU. Hoàng Bảo Kim Tuấn — CHỦ NHẬT BUỒN. Đỗ Kim Bảng — ĐỜI CÒN NHIỀU GIAN DỐI. Trần Thiện Thanh — NGƯỜI YÊU CỦA LÍNH. Anh Chương CH — TRƯỚC MẶT TÌNH YÊU. Trúc Phương — KỶ NIỆM BUỒN. Nhật Bằng — MỘT ĐỜI YÊU ANH. Trần thiện Thanh.

NHẠC HAY CỦA BẠN

● Sẽ phát hành trong tháng 11-1965 :

● CHỈ MỘT LỜI THÔI — Hoàng Thanh

● HOA BIỂN — Anh Thy

nghệ thuật

12

TUẦN BÁO VĂN HỌC NGHỆ THUẬT RA NGÀY THỨ BẢY

Giá 7 đồng

1 ĐẶC BIỆT SỐ NÀY

— Tùy bút cho một thi sĩ — VIÊN LINH

— Làm thơ ở Saigon — TRẦN DẠ TỪ

— Giới thiệu Annunzio, khuôn mặt lớn của thi ca Ý — BÙI NGỌC DUNG

2 NHỮNG ĐOẠN VĂN VIẾT VỀ THƠ

— Thơ và Lễ Chết — TRẦN TUẤN KIỆT

— Thư ngỏ gửi thi sĩ Traian — CHINH YÊN

— Nhìn lại Thơ Hôm Nay — TRẦN ĐỨC UYỂN

3 VẤN ĐỀ, NHẬN ĐỊNH

— Vấn đề khai thác gia tài trí thức của tiền nhân — TAM ÍCH

— Những khuôn mặt mới trong làng văn Pháp — JEAN-PIERRE JOSSELIN

4 THƠ — TRUYỆN NGẮN — TRUYỆN DÀI

— Sợi tóc tìm thấy — DƯƠNG NGHIỄM MẬU

— Bảo Rớt — SƠN NAM

— Thành Phố, Ngõ Hẻm — VŨ QUỲNH

— Thơ — HOÀNG LỘC — CAO THOẠI CHÂU — CHINH YÊN — SONG THANH — KIM SƯƠNG

— Cúi Đầu — DOÃN QUỐC SỸ

— Vạch một chân trời — SƠN NAM

— Viện đán đồng chủ nổi — MAI THẢO

— Anh Meaules Nguyên tác Alain-FOURNIER — Bản dịch MẶC ĐỖ

5 NHỮNG MỤC THƯỜNG XUYÊN

— Văn nghệ và cuộc sống — VŨ KHẮC KHOAN

— Những người viết mới

— Vừa xảy ra, đang nói tới... — BÙI NGỌC DUNG

NGHỆ THUẬT NĂM THỨ NHỨT • SỐ MƯỜI HAI • TUẦN LỄ TỪ 18 - 12 ĐẾN 25 - 12 - 1965

Tòa soạn, Trị sự	CHỦ NHIỆM, CHỦ BÚT	TỔNG THƯ KÝ TÒA SOẠN	TRỊ SỰ, QUẢN LÝ
233, Phạm Ngũ Lão Saigon Điện thoại : 25.861	MAI THẢO	THANH NAM	TỪ NGỌC TOẢN

Trình bày, kỹ thuật : Đặng Giao

mỗi tuần

TIẾNG NÓI MỘT TÁC GIẢ

vấn-đề khai-thác gia-tài trí-thức của tiền-nhân

● TAM-ÍCH ●

KÍCH thước gia tài trí-thức của tiền-nhân, kể cả sanh nhân văn-học cận-hiện-đại, cho người đời khai khác, thật không thể dùng thông minh của con người mà đo lường nổi. Bên Tây thì từ thời Cổ-La-Hy, đến thời La-Hy, đến thời Phục-Hưng. Bên Đông thời từ Ngũ-đế và Hạ Thương cho đến Khổng-Khâu đời Xuân-thu trở về sau. Người cận đại và hiện đại chỉ còn khai-thác và dùng vạn-hoa-kính soi vào gia tài ấy để phong-phú-hóa, nhất là để thừa hưởng. Cũng như con cháu khai thác đất sống của ông bà để lại... Nhưng chuyện đất đai thì còn giản-dị, chuyện trí thức mới thật là rắc rối, phức tạp và oái-oăm Oái oăm thật chứ chẳng phải vừa : nhỏ thì có thể gây chuyện xung đột vặt, lớn có thể gây thành chiến tranh, máu và nước mắt chan hòa... Không trách mà đã có người lăm le đem cái lợi khí ghê gớm nhất (nghĩa tốt cũng như nghĩa xấu) của loài người là ngôn ngữ ra vành móng ngựa của lịch sử và lên án chung thân. Chẳng có cách nào trừng trị nó bằng cách không dùng nó nữa : đó là việc làm của phái thiền-tông của Phật giáo. Hai ba ngàn năm trước đã có ông già Lão Đam thấy trước cái việc hai ba ngàn năm sau con cháu mới thấy rõ trừ tín đồ chân chính của thiền-tông..: ngôn ngữ gây xuyên tạc, gây hiểu lầm... và dẫn dắt theo nó tai họa nhân sinh không bao giờ dứt... trong lịch sử !

LỜI lẽ của thánh hiền để lại cho ngàn đời, thiên hạ hiểu mỗi người mỗi cách. Nay nhé, có một chữ cách-vật trong sách Đại-học mà hơn bảy chục nhà nho lớn giải thích mỗi người mỗi cách... ấy là chưa kể ông Vương-Dương-Minh ngày xửa ngày xưa đã có một dạo tưởng đâu cách vật là sáng sáng ra đăm đăm nhìn thẳng vào cây cối coi chúng lớn làm sao và nẩy nở thế nào...

Này nhé : phái duy-vật biện-chứng lật ngược lật ngược xuôi cái biện chứng pháp của Hègel thế nào chẳng biết rõ cục, đã không đa phá hết được Hégel mà lại còn làm cho trí-thức-giới ngờ rằng : suy đến cực vi cực-diệu cái hệ thống duy vật biện chứng thì cái thực-thể vật-chất của phái duy-vật thật không khác gì cái ý niệm phổ-biến và trừu-tượng (Idée universelle et

---

CHÚNG ta chưa có dịp làm quen với Gabriele D'Annunzio. Ông là một người lạ mặt, một khuôn mặt giữa những thiên tài trong văn chương Ý. Ông đã đi vào cuộc đời văn nghệ thuật Ý hậu bán thế kỷ 19 và tiền bán thế kỷ 20. Các nhà thơ, nhà văn Âu châu đồng thời chỉ coi ông là một người của văn học có tánh cách tài tử. Thực ra, không phải như thế. Ông đã đóng góp một phần không nhỏ trong nền văn chương Ý thế kỷ 20 Sở dĩ Gabriele D'Annunzio không được người đời biết đến vì các tác phẩm thi ca, tiểu thuyết của ông chỉ quanh quẩn tại Âu châu mà không được phổ biến rộng rãi tại Đông Phương. Gabriele D'Annunzio không những chỉ là một nhà thơ danh tiếng, một chính trị gia của thời phát xít thịnh hành tại Ý và Đức mà ông còn là một tiểu thuyết gia và kịch tác gia nữa. Ông là một nhà văn đầu tiên kể từ khi Dante và Machiavelli chết đi đã, gây được một ảnh hưởng sâu rộng tại khắp Âu châu. Gabriele đã chấp nhận đường lối hung bạo cùng những tư tưởng siêu việt của triết gia Nietzsche năm 1890. Ông là người đã sáng tạo ra nhà độc tài Mussolini và những nhà độc tài Nam Mỹ. Những nhà độc tài Nam Mỹ ngày nay vẫn còn. Đó là trường hợp của Fidel Castro. Castro coi Gabriele D'Annunzio là thần tượng lịch sử.

Trong các phẩm tiểu thuyết đầu tiên dưới nhan đề *Il Trionfo della Morte*, Gabriele D'Annunzio có viết: «Một quốc gia đặt căn bản và hệ thống trên sự ngang hàng và đau khổ của quần chúng chỉ là một quốc gia không tưởng. Quốc gia phải luôn luôn là một giai đoạn diễn tiến của một giai cấp đặc biệt, biết hướng về những lý tưởng trong hình thức của sự sinh tồn». Chỉ vài nét sơ qua về luận cứ chính trị căn bản của Gabriele D'Annunzio, người ta đủ thấy ông là một người có ý thức quốc gia và có thể là một nhà lãnh đạo quốc gia dù cho *Il Trionfo della Morte* chỉ là một cuốn tiểu thuyết không hơn không kém. Dường như các tác phẩm tiểu thuyết của ông chỉ xoay quanh một ý tưởng là đặt vấn đề cho con người trước thời cuộc, trước thực tại xã hội hay trước thực tại lịch sử. Trong một tác phẩm khác ông cũng viết :« Tôi rất biết ơn những người đi trước, biết ơn những người đã quá cố. Họ thuộc một nòi giống cao thượng. Họ đã đem lại cho tôi một giòng máu dồi dào và bất khuất và cũng chính họ đã mang lại cho tôi những người đàn bà đẹp bị hấp, mang lại cho tôi những vinh quang những chán chường kể cả những tuyệt vời.

« Điều mà Gabriele D'Annunzio muốn nói đến là những người đàn bà đẹp kia, ẩn tàng một thứ tình cảm phức tạp trong một xã hội Ý muôn mặt. Lời ông nói ra cũng còn là một lời cảnh cáo thẳng vào những kẻ cùng đinh của xã hội đã lợi dụng thời cơ để chèn ép, để ganh tị và tranh dành quyền lợi. Sở dĩ ông phải ghi nhận những thảm cảnh của các phụ nữ đẹp bị bọn đầu trâu mặt ngựa hiếp là ông muốn trình bày cả bộ mặt thật của xã hội Ý, một thứ xã hội bị phân hóa giữa những tranh chấp giai cấp, giữa những hành động oán thù và vô nhân đạo. Trong kịch bản *La Figlia di Jorio* Gabriele D' Annunzio đã mở ra trước mắt độc giả về cuộc sống cuồng loạn của một ngôi làng, trong đó phụ nữ Ý đáng thương bị bọn say rượu chọc ghẹo và bắt cóc đem đi hiếp. Tấn thảm kịch đó diễn ra dưới ánh nắng mặt trời giữa những mùi rượu nồng nặc và lòng ham muốn xác thịt của miền nam nước Ý,

Tiểu thuyết và kịch bản của Gabriele D'Annunzio đã lôi cuốn giới trẻ tuổi Ý lúc bấy giờ, vào những năm sau 1900, những năm mà con người mệt mỏi và đâm ra chán nản một thế hệ tiểu tư sản. Và tư tưởng của ông cũng là một tư tưởng công phẫn đầu tiên chống lại đường lối văn chương Anh dưới triều đại của nữ hoàng Victoria.

abstraite) của Hégel chứ chẳng phải cái vật chất của các nhà vật lý học vì chính cái vật chất này mới đối với cái tinh thần ! Này nhé : Kierkegard, Hégel, Sartre — kể cả ông Vũ-đình-Lưu hình như ký là Cô Liêu đã viết những bài khảo-luận rất vững rất chững về văn học mà tôi đã được đọc và đã viết bài «Con người và thiên nhiên» trong Giữ thơm Quê Mẹ số 6 ra tháng chạp dương-lịch mới rồi — mỗi người cho danh từ conscience malheureuse một nghĩa, nghĩa của họ ít nhiều khác nhau...

Này nhé : hai chữ trung dung của đức Khổng-Tử để lại... đã có người hiểu là không thái quá không bất cập và đã áp dụng vào đời sống để sống cho khỏi... quá đáng — kể cả ông Lã-đông-Lai là một bực đại-nho Trung-Quốc..., kể cả bực túc-nho Việt-Nam cận-đại là ông Dương-quảng-Hàm...

Này nhé : về cái yếu-lý của Hégel : «Tout ce qui est réel est rationnel, tout ce qui est rationnel est réel» của Hégel, cũng mạnh ai nấy hiểu theo ý mình : Jean Guéhenno thì cho rằng cái gì có thực (réel) thì hợp lý (rationnel) — hiểu mỗi chữ của yếu-lý theo nghĩa quán-lệ ; người thì nói một cách rất khó hiểu rằng thực-tại nhân-sinh bao giờ cũng hợp lý thiên nhiên ; thực ra thì yếu lý ấy phải hiểu như sau này : réel vốn là một tĩnh-từ pháp ngữ réal té là thực-tại và rationnel vốn là tĩnh- từ của pháp-ngữ raison là lý-tính. Réalité đây là thực-tại thường tích bản thể của vũ-trụ và raison đây là Lý-tính phổ-biến, thực thể cứu cánh của cuộc «hành trình» của bản- hể thường-tích trên con đường biện- hứng của nó — nói một cách khác bản-thể ấy (có tên là Ý tưởng tuyệt đối, là Idée absolue) đã tự nó trước ka mất nó, bây giờ tự nó, nó tìm được nó (à la recherche d'elle-même); cho nên trên con đường biện-hứng dài dằng dặc dài mù mịt, trong cuộc «hành-trình», vạn pháp (tôi mượn chữ nhà Phật mà tôi cho là ổn) vô-thường chỉ là phản ảnh của Thực-tại bản thể thường-tích, mang trong nó một «bóng dáng» của Thực-tại tuyệt đối ấy, đồng thời biến thành «bóng dáng» của Lý-tính phổ-biến — một ngày kia thực-tại bản thể sẽ đồng nhất với Lý-tính phổ-biến viết hoa ở điểm cùng cực của quá-trình biện-chứng của Lịch-sử. (Khi đã đồng nhất thì cái Một sẽ xuất hiện, mọi danh từ dùng để chỉ cái Một ấy mất và Ý-niệm về Thượng-đế của Hégel xuất hiện. Vì Thượng-đế của Hégel là Thượng-đế đương sinh thành (Dieu en formation) chứ không như Thượng-đế của các hệ-thống uyên-nguyên-khác dựng một Thượng-đế có trước và ngoài không-thời-gian-vạn-vật — cũng chính vì vậy mà Ludwig Feuerbach mới «phỏng» theo Hégel để nói là con người tạo Thượng-đế theo hình ảnh mình (L'homme crée Dieu à son image), ngược hẳn với Thiên-chúa-Giáo nói là Thượng-đế tạo con người theo hình ảnh của Người (Dieu crée l'homme à son image) — và đó là một trong những lý do mà Hégel và Feuerbach chẳng được Giáo-hội «thương» mà cũng bị luôn phải mắc-xích...«gián»...

Xin trở lại yếu lý «Tout ce qui est réel... : chuyển qua Nho-giáo thì «vạn-vật các hữu thái-cực», con người «minh minh đức» cho đến ngày thiên-lý thực hiện vì vạn vật — nhất là con người — chứa mầm thái-cực gọi là minh-đức, cũng như vạn-pháp đều chứa Réalité của Hégel vì mầm Raison sẽ tăng hoa cho đến ngày hai thực-thể siêu nhiên ấy đồng nhất ; và chuyển qua Phật-giáo thì con người có phật-tính, một ngày kia sẽ chùi sạch được vô-minh và đạt đến Niết có một tên khác là Niết-bàn... chẳng hạn...

Còn như Thiên-Chúa-giáo nói rằng Chúa tạo con người theo hình ảnh của Người (Dieu crée l'homme à son image) và con người đều mang chứa «bóng dáng

>

MỖI TUẦN CHÂN DUNG MỘT TÁC GIẢ

GABRIELE D'ANNUNZIO

— BÙI-NGỌC-DUNG —
giới thiệu

* * *

Trong những năm còn ở thời kỳ thanh niên, Gabriele D'Annunzio đã phụ trách cho một tờ nhật báo tại La Mã hay viết tiểu thuyết nói về đời sống vương giả của hạng người giàu sang phú quí. Cuộc đời làm báo của ông kéo dài trong 6 năm liền. Ông khởi sự dấn thân vào cuộc đời hoàn toàn phóng đãng và tiêu tư sản với Barbara Leone, người đẹp có một cuộc đời bạt tử tại La Mã. Trong tác phẩm tiểu thuyết *Il Piacere*, Gabriele D'Annunzio đã thuật lại sự thất bại của chính ông trong việc làm quen với những vị công tước, công chúa. Sở dĩ có sự thất bại chua cay đó vì ông không có tài quyến rũ các mệnh phụ. Nhưng sau đó Gabriele D' Annunzio đã giao du thân mật với công chúa Gravina. Ông sinh được nhiều con với công chúa này. Ông đã bị kết tội và bị đưa vào khám đường vì sự bất chính đối với công chúa Gravina, hơn nữa ông chưa được trưởng thành trong những năm phóng đãng to. Ông là một nhà văn đau tiên tại Ý đã dám bóc trần sự thật của một cuộc đời phóng đãng tại La Mã. Đường lối tiểu thuyết của ông thật phong phú và dồi dào. Trong giai đoạn đầu tiên này, Gabriele D' Annunzio đã cho xuất bản 10 cuốn tiểu thuyết, 8 kịch bản và sáng tác trên 10.000 câu thơ anh hùng ca (épique). Trong số những bài thơ của ông có một bài trường thiên và bất hủ hơn cả của nhà thơ hiện thực cổ điển Dante. Và cho đến bây giờ bài thơ đó của D' Annunzio vẫn không được giới văn học nghệ thuật Ý đem phổ biến rộng rãi.

Các đề tài trong những tác phẩm của *D'* Annunzio đều xoay quanh tội lỗi và tội lỗi này bắt nguồn từ sự đam mê sắc đẹp phụ nữ. Những tác phẩm này phần nhiều là những tự truyện.

Ông đã cho phổ biến một lối tư tưởng tôn thờ vẻ đẹp, một vẻ đẹp kiểu Machiavelli ca tụng vẻ đẹp lôi cuốn và khêu gợi của nàng Cesare Borgia. D'Annanzio mô tả những nhân vật anh hùng trong truyện say mê sắc đẹp mỹ nhân và sẵn sàng hy sinh để phụng sự mỹ nhân đó như một tôi đòi. Chẳng hạn như trong cuốn tiểu thuyết *La Città Morta*, Gabriele D'Annunzio đã để cho nhân vật chính là một nhà khảo cổ đáng kính trọng bị dằng xé giữa đam mê xác thịt và đưa đến việc hiếp dâm ngay bà chị mình tại vùng hoang vu Mycenae.

Tính cách hung bạo thường được các kịch tác gia chuyên về bi thảm xử dụng. Gabriele D'Annunzio đi không hoàn toàn theo đúng lệ ấy. Tính cách bi thảm của ông là để cho nhân vật diễn tả. Theo D'Annunzio thì sự hung bạo là một trạng thái liên tục trong kịch bản. Trong một vở kịch, Gabriele D'Annunzio có viết : «Từ xa, từ xa thẳm trong lòng đang bị đốt cháy của hắn, một thứ ham muốn xác thịt khơi dậy như một dòng thác lũ. Nó sắp sửa cuốn trôi những tình cảm để trở thành một ham muốn thường trực. «Ông muốn nói đến những nhân vật

>

ủa Tố Thiện (của Platon) — thì vạn-pháp của Hégel cchứa «bóng dáng» của thực-tại-tuyệt-đối mang cái tên Lý-tính phổ-biến ở cứu cánh lịch-sử — thì có gì là lạ!

Nhưng thôi bây giờ bỏ Hégel đi ngược lên Aristote để coi hậu-thế «khai-thác» gia-tài trí-thức của bực tiền-nhân ra sao! Đã có một học-giả tây-phương viết về triết-học á-đông, khi viết về Phật-giáo lại viết rằng Phật-giáo giống Aristote vì Phật chủ-trương vũ-trụ vô-thủy vô chung còn với Aristote, vũ-trụ không từng có bắt đầu và sẽ không có chấm-dứt (Il — le monde — n'a pas commencé, il ne finira pas); và khi viết về Nho-giáo thì cho cái trung dung của thầy Tử-tư soạn giống cái «trung dung» của Aristote... Mô-phật! Tôi tưởng so sánh vậy là lầm lớn; vì Phật-giáo không đặt vấn-đề Thượng-đế còn Aristote chủ trương có Thượng-đế và Thượng đế của Aristote gọi là Actepur; đồng thời cái vô-thủy-vô-chung của Aristote khác hẳn của Phật — Khác là vì, đối với Aristote, thời gian không lúc nào hết (Aepuiser) nghĩa là lúc nào cũng đương bắt đầu và đương ngưng (en train de commencer et de finir), và dịch (mouvement) là một «thực-thể» bất diệt và vô-cùng (éternel), còn cái «trung dung» của Aristote tên gọi là «juste milieu» chỉ là một nguyên-tắc về luân-lý thông thường Ngài dạy cho bá-tánh — một thái-độ sống đừng thái quá đừng bất cập; còn trung dung của Khổng khâu là cứu-cánh của vũ-trụ, đối-tượng của phần giải-thoát-luận của phần hình-nhi-thượng tức là phần cực-vi của cái học tâm-truyền (esotérique) mà tôi ngờ là trong bảy chục môn-sinh cao cấp của Ngài chỉ có hai ông Tăng-điểm và Nhan-hồi là... tâm-đắc trước hết — đó là đường đi tới Thiên-lý rất tế rất vi rất uyên-áo, và cũng con đường đó, Lão dạy đi tới Vô-Vi hay Đạo, Phật dạy đi tới Như.....

CÒN cả một ngàn lẻ một... yếu lý về triết-học ở vào tình cảnh... mạnh ai nấy hiểu theo ý mình, và lăm le chiếm độc quyền hiểu và biết — nó i sao cho hết!

LỊCH-sử càng đi vào bề sâu bề xa thì cái tình trạng khai thác gia-tài trí-thức của thánh hiền mỗi người mỗi cách... càng trầm trọng: ai cũng chiếm độc quyền hiểu cổ-nhân, ai cũng đề vào sự hiểu cổ-nhân một dung tích chủ quan lớn quá, ai cũng cho mình là đúng và kẻ khác đã lầm..... Ấy là chưa nói đến một vấn đề khác — nói tình-trạng thì đúng hơn — lo tình trạng tìm sao thất bản, kết quả càng ngày càng trầm trọng dài hàng hai ba ngàn năm của sự phần thư khanh nho của Tần-Thủy-Hoàng; tình trạng trí-thức-giới của lịch-sử muốn giải-thích thánh-hiền cách nào cũng được: nho-giáo đứt đi vì nhà Tần, qua Hán, Đường, Tống — nhất là Tống — ... Thanh, cho đến cuối thế-kỷ thứ mười chín thật đã đưa đầu cho bao nhiêu dao kéo, bao nhiêu dao thớt, bao nhiêu máy chém, bao nhiêu chân vẽ thêm cho rắn đề cho sĩ-phu làm mặt thông thái và khác đời...; tình trạng cố ý xuyên tạc cổ nhân để hướng về quyền lợi chính trị của mình...

Thật có cả một ngàn lẻ một... tình trạng, kể không hết!

● XEM TIẾP TRANG 33

ham muốn xác thịt trong đời sống xa hoa và phóng đãng của bọn trưởng giả La Mã. Tư tưởng hung bạo hay có thể gọi là bạo dâm không phải chỉ bắt nguồn chính yếu từ lớp người văn minh. Mà sự hung bạo về xác thịt của giai cấp nào đi nữa chung qui cũng tội lỗi như nhau cả.

Tóm lại kịch bản của Gabriele D' Annunzio đều được cấu tạo bằng những mẫu nhân vật đói khát xác thịt. Nhân vật của ông hầu như không có linh hồn mà chỉ có bản thể. Hay có thể nói, các nhân vật trong kịch bản của D' Annunzio là những ma quái trên con đường đi tìm nhục dục mà không cần biết sự thèm khát ấy vi phạm đến qui luật của một nền luân lý La Mã.

Cho đến thi ca của Gabriele D' Annunzio cũng vậy. Thi ca của ông là một lối đam mê tội lỗi không dứt hay thơ ông là một thứ thơ điên cuồng. Ông bơi lội trong chán chường trong những ảnh tượng phong nẫm về sắc đẹp khêu gợi của tha nhân. Như trong bài thơ *Ora Satanica*, Gabriele D' Annunzio đã kêu gào:

Ta không muốn vò xé thêm sự êm dịu của
mối tình lý tưởng
Sự êm dịu của một trái táo, của sữa
hay những bài ca
Những bài ca du ngủ trong cơn gió Tây
dìu dịu
Ta không muốn lao đầu vào những trò
chơi, chạy theo con gái
Không, hỡi quỷ Satan, chính ngươi
mà ta đã bắt vịn lấy chiếc cánh bẩn
thỉu
Đề đứng sát bên ta và ban cho ta cái
bẩn thỉu thối tha của ngươi
Ta ước ao sự điên cuồng trong linh hồn
trong cảm nghĩ
Những bài ca tội lỗi sợ hãi của các tu
sĩ
Ta căm hờn những cuộc khiêu vũ và
những âm thanh vô nghĩa
Những bộ ngực của bọn đàn bà khêu
gợi trong đêm tối
Giữa những chiếc hôn, những ly rượu,
liệu ta có điên cuồng
Satan ơi, chính ngươi mà ta yêu mến...

Trong thời gian Gabriele D'Annunzio điên cuồng vì tình yêu, ông đã sống với đủ loại phụ nữ. Trong một ngôi nhà ngoại ô thành phố Florence, trưng bày những họa phẩm thời danh của các họa sĩ Ý, ông đã sống phóng đãng thực sự, không cần biết đến tha nhân mà tha nhân của ông là đàn bà. Cũng trong thời gian này, D' Annunzio đã giao du với một mệnh phụ người Nga, Natalia Victor de Gouloubeff. Mệnh phụ này suốt ngày quanh quẩn bên ông. Bình phẩm về Natalia D'Annunzio nói: Nàng là một con người điên trong số những con mẹ điên thời đại» ông đã sáng tác được 1 vở kịch dưới nhan đề *La Mort Parfumée* trong thời gian chung sống với mệnh phụ Natalia, *La Mort Parfumée* là một câu chuyện của một con điếm sau bao lần lang chạ hết gã đàn ông này đến gã đàn ông khác, nó chán chường và tự tử. D' Annunzio đã để cho nhân vật con điếm của ông tự tử trên giường, xung quanh chất hoa hồng thành đống. Một cái chết giữa đống hoa để gột bỏ cả một cuộc đời bẩn thỉu và tội lỗi. D' Annunzio muốn cứu rỗi cho nhân vật của ông bằng cách để cho nhân vật chết một cách bình thản giữa những hương thơm của loài thảo mộc.

Bằng đi một thời gian, Gabriele D' Annunzio chán nản đường lối văn chương chỉ biết có ham muốn xác thịt và nhục dục, ông bèn đổi sang khuynh hướng chính trị trong văn chương cũng như hành động. Và ông có mặt trong quốc hội Ý. Ông là người luôn luôn bất bình và công phẫn với mọi nghị sĩ quốc hội vì đó là bản tính cố hữu của ông. Ông đã thách thức một số nghị sĩ đấu kiếm. Mới đầu, ông chủ trương theo đường lối cực hữu rồi lại chuyển sang cực tả. Bản chất nghệ sĩ của ông đã lôi cuốn ông vào

● XEM TIẾP TRANG 3

trần dạ từ làm thơ ở saigon

THÁNG rồi, đêm Saigon thường có những cơn mưa rả rích, thỉnh thoảng còn pha cả chút gió bấc nữa. Thời tiết ấy thật đáng khó chịu. Tôi đã khó chịu lắm. Và tôi làm thơ. Số thơ làm được lẽ ra in trong số này (mấy chữ « Trần dạ Từ làm thơ ở Saigon mà Đằng Giao xếp ra bìa là tên trang thơ dự tính), nhưng phút chót, tôi đã đổi ý kiến.

Tình thế chung quanh chúng ta đang có nhiều biến đổi. Biết bao nhiêu lo lắng, mong ước, dằn vặt, đợi chờ đang được nói đến. Làm đĩ, làm điếm, làm ma cô, làm áp phe, làm chính trị. Mỗi người, mỗi nghề, lúc nầy đều có những tình cảnh đặc biệt.

Thơ và người làm thơ và việc làm thơ cũng có những tình cảnh đặc biệt của chúng. Tôi không phải là kẻ suy nghĩ hay nghiên cứu thơ, mà là người làm thơ. Tôi cũng có và cũng thấy một số chuyện nên nói ra. Tôi sẽ nói những chuyện lan man ấy, thay thế cho trang thơ dự tính.

Làm thơ ở Saigon. Bề nào đó cũng là cái tên đã chọn. Vậy câu chuyện lan man của tôi xin bắt đầu từ cái hoàn cảnh đã tự đặt ra ấy.

Sống ở Sài gòn lúc này, hoàn toàn an ninh và tiện nghi, trong khi cách chúng ta một bán kính chưa đầy vài chục cây số, đủ thứ chết chóc tan nát nhục nhã đang diễn ra, tất nhiên là sung sướng. Nhưng thơ thì khác. Thơ không sợ những người anh em mệnh danh là Bộ Đội Giải Phóng, thơ không sợ B 52, không sợ bom na-pan. Thơ cũng chẳng quan tâm đến đèn điện, xe taxi, phố xá. Cho nên sống ở Sài gòn là một chuyện, mà làm thơ ở Sài gòn lại là một chuyện khác.

Các bạn làm thơ thân với tôi, theo chỗ tôi biết và nhớ, mỗi người đều có những cách thế riêng khi làm thơ. Đỗ quí Toàn, Nguyễn nghiệp Nhượng làm thơ khi tắm rửa và mặc quần áo sạch. Nguyên Sa làm thơ vào buổi trưa, cởi trần, mồ hôi nhễ nhại vì đánh vật với chữ. Viên Linh làm thơ về đêm, một tay viết, một tay đưa đi đưa lại trước mặt và miệng i ỉ đọc thơ theo điệu ru em Bắc. Nhã Ca làm thơ bằng máy chữ, lâu lâu dừng lại vài phút rồi gõ. Tú Kếu vừa làm thơ vừa đi đi lại lại và ngâm. Trần tuấn Kiệt hình như cũng thế. Còn tôi, khi làm thơ, tôi yên lặng và hút thuốc lá. Đại để, cách làm thơ của chúng tôi là thế. Mỗi đứa có những dáng điệu riêng, những thói quen riêng, nhưng nếu tôi không lầm, thì trước đây, phần lớn chúng tôi giống nhau, hay phần lớn những người làm thơ đều giống nhau, một điểm chung là: khi làm thơ, mỗi người đều cần tập trung tất cả sức sống mình có để hướng về một điểm rung động chính. Điểm hướng về ấy, có thể là một người đẹp, một tình yêu, một thái độ, hoặc cũng có thể là một phần đời sống nào đó của chính mình. Sự hướng về ấy, phải là một vận động toàn diện, liên tục. Có thế, thơ mới « ra » một cách suông sẻ, thống khoái.

Điều cần thiết căn bản chung cho việc làm thơ, mà tôi vừa nêu trên, theo chỗ tôi nhận thấy ở bạn bè tôi và chính tôi, cũng như ở hầu hết những người làm thơ ở Saigon lúc này, hình như không thể đạt đến nữa. Nhiều chuyện chéo cẳng ngổng quá, đang tuần hành chung quanh chúng ta, trong chiến tranh, trong cách mạng, trong cái sống, cái chết, cái sướng, cái khổ. Cuộc tuần hành ấy, với lối sống và lối làm việc bình thường ở Saigon lúc này, có thể bị tiếng xe cộ ồn ào lấn át, có thể bị thì giờ cấp bách đẩy vào xó và trở thành không quan trọng mấy. Nhưng với người làm thơ, khi hắn ngồi vào bàn viết, ngồi trong cái mênh mông lặng lẽ không có không được trước giờ tạo lập, thì cuộc tuần hành của những thứ tréo cẳng ngổng kia lại dư sức hiện ra, ồn ào hơn cả, náo nhiệt hơn cả. Thế là hắn, người làm thơ, bị lôi chân, kéo tay và hắn không thể tập trung hết mình vào điểm mà hắn hướng về nữa, nếu hắn không rán sức cưỡng lại những thứ phá bĩnh ấy. Việc rán sức này mệt lắm. Và làm thơ lúc này, do đó, vất vả lắm. Đó là điều tôi thường than thở với các bạn thân khi chúng tôi gặp nhau. Cái vất vả ấy, theo lối suy nghĩ rối rắm, vô tổ chức của tôi, có thể nhận thấy và qui vào ba chặng:

— Chặng thứ nhất, cái vất vả khi làm thơ của chúng ta, nói theo giọng các nhà giáo giảng Kiều, đã được « an bài » sẵn ở ngay điều chúng ta quan niệm thơ, ở ngay tiếng động từ « làm » đặt trước thơ, (*làm thơ*), như chúng ta thường nói khi chỉ công việc sáng tác thơ. Thơ, theo tinh thần phương đông, là một thứ rất an nhiên tự tại như mặt trăng, mặt trời, sao hôm, sao mai. Nói cho hợp lý hơn chút nữa, thơ, với tinh thần phương đông, như một đạo giáo, một con đường. Mặt trời, mặt trăng, sao hôm, sao mai, đạo giáo, đã có sẵn ở đó. Người ta không cần, và cũng không thể, *làm* ra những thứ ấy. Thơ cũng thế. Thi sỹ chỉ việc đợi một giờ xuất thần, dọn mình cho sạch, rồi đến với thơ, tan vào thơ, cùng biến hóa với thơ, thả hết đau khổ sung sướng phiền toái của đời sống mình cho thơ cuốn trôi đi. Và bài thơ hoàn tất, không phải như một công việc làm lụng vất lộn, mà như một cuộc chơi, chơi trăng, chơi hoa, chơi hình, chơi chữ. Nghề chơi có thể lắm công phu thật đấy, nhưng những công phu ấy được hoàn tất bằng một phong thái nhàn hạ, phong lưu, để hứng lấy hạnh phúc. Sự thật của thơ đông phương trước đây chả biết có khác thế nhiều không, nhưng trong tinh thần, đọc Lý Bạch, Tagore, Owkakura, tôi nhận thấy rất rõ điều ấy.

Quan niệm thơ an nhiên tự tại kiểu trên, đối với chúng ta, từ lâu, đã được chấm dứt. Chúng ta không « chơi thơ » nữa. Chúng ta « làm thơ ». Chúng ta không muốn chỉ hành đạo, chỉ đi trên con đường có sẵn, không muốn chỉ tan vào thơ, hưởng những thứ do thơ mang lại. Chúng ta ngông nghênh và muốn nhiều thứ hơn: muốn tự đắp, tự dọn cho mình những con đường mới, muốn tạo cho thơ những sắc thái cá biệt, và, quan trọng hơn hết, chúng ta chê thứ hạnh phúc do thơ mang lại và chúng ta muốn xách cổ thơ lên, sai khiến thơ, bắt thơ tạo ra, hoặc dùng thơ như một phương tiện *đòi hỏi những thứ ở ngoài thơ, không dính dáng gì đến thơ*, như tự do, cách mạng, công bình, bác ái vân vân.

Chúng ta muốn dùng thơ vào nhiều việc mới mẻ như thế. Tất nhiên cả thơ lẫn ta đều sẽ phải vất vả hơn trước. Bàn về chặng vất vả này, bạn tôi là Nguyễn Nghiệp Nhượng, khi

■ *Xem tiếp trang 32*

trần dạ từ làm thơ ở saigon

THÁNG rồi, đêm Saigon thường có những cơn mưa rả rích, thỉnh thoảng còn pha cả chút gió bấc nữa. Thời tiết ấy thật đáng khó chịu. Tôi đã khó chịu lắm. Và tôi làm thơ. Số thơ làm được lẽ ra in trong số này (mấy chữ « Trần dạ Từ làm thơ ở Saigon mà Đằng Giao xếp ra bìa là tên trang thơ dự tính), nhưng phút chót, tôi đã đổi ý kiến.

Tình thế chung quanh chúng ta đang có nhiều biến đổi. Biết bao nhiêu lo lắng, mong ước, dằn vặt, đợi chờ đang được nói đến. Làm đĩ, làm điếm, làm ma cô, làm áp phe, làm chính trị. Mỗi người, mỗi nghề, lúc nầy đều có những tình cảnh đặc biệt.

Thơ và người làm thơ và việc làm thơ cũng có những tình cảnh đặc biệt của chúng. Tôi không phải là kẻ suy nghĩ hay nghiên cứu thơ, mà là người làm thơ. Tôi cũng có và cũng thấy một số chuyện nên nói ra. Tôi sẽ nói những chuyện lan man ấy, thay thế cho trang thơ dự tính.

Làm thơ ở Saigon. Bề nào đó cũng là cái tên đã chọn. Vậy câu chuyện lan man của tôi xin bắt đầu từ cái hoàn cảnh đã tự đặt ra ấy.

Sống ở Sài gòn lúc này, hoàn toàn an ninh và tiện nghi, trong khi cách chúng ta một bán kính chưa đầy vài chục cây số, đủ thứ chết chóc tan nát nhục nhã đang diễn ra, tất nhiên là sung sướng. Nhưng thơ thì khác. Thơ không sợ những người anh em mệnh danh là Bộ Đội Giải Phóng, thơ không sợ B 52, không sợ bom na-pan. Thơ cũng chẳng quan tâm đến đèn điện, xe taxi, phố xá. Cho nên sống ở Sài gòn là một chuyện, mà làm thơ ở Sài gòn lại là một chuyện khác.

Các bạn làm thơ thân với tôi, theo chỗ tôi biết và nhớ, mỗi người đều có những cách thế riêng khi làm thơ. Đỗ quí Toàn, Nguyễn nghiệp Nhượng làm thơ khi tắm rửa và mặc quần áo sạch. Nguyên Sa làm thơ vào buổi trưa, cởi trần, mồ hôi nhễ nhại vì đánh vật với chữ. Viên Linh làm thơ về đêm, một tay viết, một tay đưa đi đưa lại trước mặt và miệng i ỉ đọc thơ theo điệu ru em Bắc. Nhã Ca làm thơ bằng máy chữ, lâu lâu dừng lại vài phút rồi gõ. Tú Kếu vừa làm thơ vừa đi đi lại lại và ngâm. Trần tuấn Kiệt hình như cũng thế. Còn tôi, khi làm thơ, tôi yên lặng và hút thuốc lá. Đại để, cách làm thơ của chúng tôi là thế. Mỗi đứa có những dáng điệu riêng, những thói quen riêng, nhưng nếu tôi không lầm, thì trước đây, phần lớn chúng tôi giống nhau, hay phần lớn những người làm thơ đều giống nhau, một điểm chung là: khi làm thơ, mỗi người đều cần tập trung tất cả sức sống mình có để hướng về một điểm rung động chính. Điểm hướng về ấy, có thể là một người đẹp, một tình yêu, một thái độ, hoặc cũng có thể là một phần đời sống nào đó của chính mình. Sự hướng về ấy, phải là một vận động toàn diện, liên tục. Có thế, thơ mới « ra » một cách suông sẻ, thống khoái.

Điều cần thiết căn bản chung cho việc làm thơ, mà tôi vừa nêu trên, theo chỗ tôi nhận thấy ở bạn bè tôi và chính tôi, cũng như ở hầu hết những người làm thơ ở Saigon lúc này, hình như không thể đạt đến nữa. Nhiều chuyện chéo cẳng ngổng quá, đang tuần hành chung quanh chúng ta, trong chiến tranh, trong cách mạng, trong cái sống, cái chết, cái sướng, cái khổ. Cuộc tuần hành ấy, với lối sống và lối làm việc bình thường ở Saigon lúc này, có thể bị tiếng xe cộ ồn ào lấn át, có thể bị thì giờ cấp bách đẩy vào xó và trở thành không quan trọng mấy. Nhưng với người làm thơ, khi hắn ngồi vào bàn viết, ngồi trong cái mênh mông lặng lẽ không có không được trước giờ tạo lập, thì cuộc tuần hành của những thứ tréo cẳng ngổng kia lại dư sức hiện ra, ồn ào hơn cả, náo nhiệt hơn cả. Thế là hắn, người làm thơ, bị lôi chân, kéo tay và hắn không thể tập trung hết mình vào điểm mà hắn hướng về nữa, nếu hắn không rán sức cưỡng lại những thứ phá bĩnh ấy. Việc rán sức này mệt lắm. Và làm thơ lúc này, do đó, vất vả lắm. Đó là điều tôi thường than thở với các bạn thân khi chúng tôi gặp nhau. Cái vất vả ấy, theo lối suy nghĩ rối rắm, vô tổ chức của tôi, có thể nhận thấy và qui vào ba chặng:

— Chặng thứ nhất, cái vất vả khi làm thơ của chúng ta, nói theo giọng các nhà giáo giảng Kiều, đã được « an bài » sẵn ở ngay điều chúng ta quan niệm thơ, ở ngay tiếng động từ « làm » đặt trước thơ, (*làm thơ*), như chúng ta thường nói khi chỉ công việc sáng tác thơ. Thơ, theo tinh thần phương đông, là một thứ rất an nhiên tự tại như mặt trăng, mặt trời, sao hôm, sao mai. Nói cho hợp lý hơn chút nữa, thơ, với tinh thần phương đông, như một đạo giáo, một con đường. Mặt trời, mặt trăng, sao hôm, sao mai, đạo giáo, đã có sẵn ở đó. Người ta không cần, và cũng không thể, *làm* ra những thứ ấy. Thơ cũng thế. Thi sỹ chỉ việc đợi một giờ xuất thần, dọn mình cho sạch, rồi đến với thơ, tan vào thơ, cùng biến hóa với thơ, thả hết đau khổ sung sướng phiền toái của đời sống mình cho thơ cuốn trôi đi. Và bài thơ hoàn tất, không phải như một công việc làm lụng vật lộn, mà như một cuộc chơi, chơi trăng, chơi hoa, chơi hình, chơi chữ. Nghề chơi có thể lắm công phu thật đấy, nhưng những công phu ấy được hoàn tất bằng một phong thái nhàn hạ, phong lưu, để hứng lấy hạnh phúc. Sự thật của thơ đông phương trước đây chả biết có khác thế nhiều không, nhưng trong tinh thần, đọc Lý Bạch, Tagore, Owkakura, tôi nhận thấy rất rõ điều ấy.

Quan niệm thơ an nhiên tự tại kiểu trên, đối với chúng ta, từ lâu, đã được chấm dứt. Chúng ta không « chơi thơ » nữa. Chúng ta « làm thơ ». Chúng ta không muốn chỉ hành đạo, chỉ đi trên con đường có sẵn, không muốn chỉ tan vào thơ, hưởng những thứ do thơ mang lại. Chúng ta ngông nghênh và muốn nhiều thứ hơn: muốn tự đắp, tự dọn cho mình những con đường mới, muốn tạo cho thơ những sắc thái cá biệt, và, quan trọng hơn hết, chúng ta chê thứ hạnh phúc do thơ mang lại và chúng ta muốn xách cổ thơ lên, sai khiến thơ, bắt thơ tạo ra, hoặc dùng thơ như một phương tiện *đòi hỏi những thứ ở ngoài thơ, không dính dáng gì đến thơ*, như tự do, cách mạng, công bình, bác ái vân vân.

Chúng ta muốn dùng thơ vào nhiều việc mới mẻ như thế. Tất nhiên cả thơ lẫn ta đều sẽ phải vất vả hơn trước. Bàn về chặng vất vả này, bạn tôi là Nguyễn Nghiệp Nhượng, khi

■ *Xem tiếp trang 32*

TÙY BÚT CHO MỘT THI SĨ VIÊN LINH

gửi Tô Thùy Yên

VÀO năm 1960, khi còn cư ngụ ở chùa Phú Thạnh, trong cái ướt sũng của mùa mưa, của cây cối thảo mộc xung quanh, của khu nghĩa địa riêng dành cho những người quê quán ở Bến Tre, tôi sống với một hy vọng tuyệt vời. Dù vậy cuộc đời vẫn công hãm ta không ngừng. Người bạn duy nhất của đời tôi, ngày hôm nay đã vắng, xa, ôm ấp tôi như một người bạn hiền. Và Tôn Ngộ Không, kẻ luôn luôn xuất hiện trong tình cảnh ấy. Có lúc hắn ta cân đẩu vân vượt ngàn trùng mây gió và đáp xuống mái chùa, mang tôi vào thế giới vinh hiển. Tôi tin một ngày kia thiết bảng của tôi sẽ đánh tan quỉ dữ yêu tinh, dọn sạch đường lối cho tấm thân trần tục này về nước Tây Trúc xa vời. Tôi tin tình yêu sẽ đem tôi tới nơi đang sống. Tôi tin thơ của bạn và của tôi sẽ được hát lên ở những chỗ cùng khổ khốn nạn: Chính thời gian đó tôi làm thơ mãnh liệt nhất, lăn lưng vào nó như lăn lưng vào một lý tưởng cao viễn vô cùng. Nhưng rồi một ngày kia, mở mắt giữa đời, tôi nhớ là Thơ không mang lại gì hết cho chính cuộc sống hiện tại. Tôi cũng vậy, tôi không mang lại được gì cho Thơ cả, ngoài một điều nay: nó là một ca khúc hò dô ta. Hò dô ta mà sống, như người ta hò dô ta kéo thuyền ngược một giòng sông hay sẻ gỗ giữa rừng. Bài hò ở ngoài công việc. Bài thơ ở ngoài cuộc sống. Nhưng kẻ làm thơ hò một mình, kéo mình lên một mình, ngược cái dốc một mình. Cái dốc ấy lăn xuống một Hỏa ngục, và hắn kéo hắn trở lại. Cái dốc ấy lăn xuống Thiên Đường, và hắn cũng kéo hắn trở lại. Tôi nhớ Henri Bosco có viết: ... « Mais il faut qu'il y ait quelqu'un qui parle de paradis, en enfer ». Tôi hiểu theo hai chiều: cần có kẻ nói về Thiên Đường trong Địa ngục. Và rồi cũng cần phải có kẻ nói về Địa ngục ở Thiên đàng. Nhưng mà anh biết không, lúc này chúng ta đang ở đâu? Chúng ta không ở hai nơi đó. Quả vậy mà, chúng ta đang không ở nơi này cũng đang không ở nơi kia. Chúng ta ở một nơi nào đó, tạm gọi là X. Tôi vẫn nghĩ rằng làm thơ là đem mình lên khỏi cái X đó. Cái X đó là cuộc đời. Trong cuộc nói chuyện về Thơ bây giờ của nhóm Sáng Tạo cách đây vài năm, Tô Thùy Yên nói đại ý, thơ phải hướng tới một xáo trộn, biến cái thật thành cái không thật. Thanh Tâm Tuyền nói thơ phải hướng tới một cõi Hòa Đồng. Tựu trung thi sĩ phải có một tín ngưỡng. Trong bài tùy bút này, tôi nghĩ Thi Sĩ phải Sáng Thế. Không phải là Sáng Thế cuộc đời này, nhưng là một cõi nào đó. Ngôn ngữ dưới tay thi sĩ phải là ngôn ngữ chiếu sáng bởi nhiều dấu hiệu, làm bật lên cõi vô hình bằng cái hữu hình, làm thông suốt cái ở trong bằng cái ở ngoài. Tôi nghĩ rằng khi Paul Claudel nói: « Nous vivons parmi les signes là Claudel đã nghĩ như thế — mặc dù tôi không ưa thơ của ông. Có những dấu hiệu cho chúng ta nghĩ tới cõi đời bí ẩn đó. Những dấu hiệu này nhìn thấy ở kiến trúc xưa, nhìn thấy ở lịch sử nhân văn, nhìn thấy ở tư tưởng con người. Và nhìn thấy ở tiềm thức, ở siêu thực, ở trái ngược, ở ám ảnh trong tâm hồn chúng ta. Ở kẻ thức trong ta khi ta ngủ, và ở kẻ ngủ trong ta khi ta thức. Nhưng mà sống là không thể nào nhìn thấy mình. Sống là nhìn kẻ xa lạ phân tách cuộc đời mình. Bởi vậy mà hắn suốt đời dẫn dắt anh về thế giới ấy. Và anh phải về: anh về bằng Thơ, con đường duy nhất xóa bỏ được mọi dấu hiệu vớ vẩn, đưa anh thông suốt trong cô độc, và tự do. Đưa anh tới chỗ khác. Chỗ khác, đó mới là cõi sống của Thơ anh. Chỗ khác ấy là — X.

Bây giờ tôi muốn nói tới các Thi Tập. Ví dụ là tập thơ mới xuất bản của anh A. Tôi không nhận đó là một thi phẩm. Đó chỉ là một góp nhặt rời rạc. Cách đây gần hai năm, tôi có nói với anh Đinh Hùng rằng ở Việt Nam chỉ có vài tập thi phẩm thôi, còn toàn là những tuyển tập cả. Theo tôi thì mỗi thi tập chỉ được có một chủ đề, tất cả những bài thơ trong đó phải nói về chủ đề đó, nếu không nó không xứng đáng là thi tập. Vài tháng trước đây anh Thanh Tâm Tuyền cũng đồng một như vậy khi tôi hỏi tại sao các thi sĩ ngoại quốc sáng tác nhiều. Làm thơ không cần thi hứng. Làm thơ là phải suy tưởng. Phải tạo dựng. Mỗi tập thơ là một thế giới. Thi tuyển là những thế giới. Thi tập của một tác giả không đủ khả năng làm như vậy. Nói cách khác, một thi sĩ chỉ được sống — trong một thời gian nào đó — trong một giòng thơ. Khi muốn làm một tập thơ khác, anh phải đổi một giòng thơ khác. Đó là lý do Saint-John Perse làm những tập Gió, Tuyết v. v... Và đó cũng là lý do Đinh Hùng làm Mê Hồn Ca, Truyện Lòng, hay Huy Cận thôi làm thơ kể từ tập Lửa Thiêng. (Trong một lúc khác, tôi sẽ nói tới tập thơ thứ hai của Huy Cận, Bài Ca Cuộc Đời, làm trong những năm 60, 62 cách tập thơ thứ nhất hai chục năm). Và đổi một giòng thơ là Sáng Thế một lần nữa, là ngủ đi, để kẻ lạ mặt trong ta thức dậy. « L'inconnu qui sommeille en nous s'éveille, et... pour qu'il prenne notre place ».

Có những người bạn tôi đang làm thơ từ cuộc chiến tranh này. Và chỉ nói về cái đau đớn của nó. Không phải như vậy. Chiến tranh hay hòa bình không phải là vấn đề để làm thơ. Để sống. Thơ là đi lên khỏi, là con người ở trên cao, hay dưới thấp. Các anh hãy dành việc ấy cho các nhà văn, ký giả, tu sĩ, trí thức, thương gia v. v. Có những người bạn khác của chúng tôi đang chỉ nói về thân phận mình trong cuộc đời. Các anh đang tàn phá thơ lục bát với cái buồn thu hẹp và cái ẩn ức một mình. Tôi đã có làm thơ lục bát, và ngày nay tôi sợ nó. Hãy ra khỏi và thở trong một trời mới. Cái giòng lục bát ẩn ức đã chết. Cái giòng Cung Oán Ngâm Khúc đã cạn, và phải cho nó ngủ. Ngày mai, lúc rạng đông, chúng ta phải có những vần lục bát mới mà hiện thời ta chưa rõ.

Và Tự Do. Thơ Tự Do. Đọc thơ của các bạn trẻ như tôi hoặc hơn tôi, tôi thấy có một khác biệt. Những người 18, 20 không cực nhọc lắm với cái kiến trúc cũ. Kiến trúc của ngôn ngữ tự do. Nó đã thành một cái xác. Xác ve sau một mùa hạ huy hoàng đỏ lửa. Thơ tự do ngày hôm nay mệt mỏi và cứng ngắc. Nó mới tới mà chưa trở thành. Tôi từng nghĩ là chúng ta phải quên đi những khoái cảm ngôn ngữ một thời đã là khoái cảm của thi ca. Cũng phải quên đi sự màu thuẫn nội tâm nhỏ hẹp. Quên đi cái cá nhân đang ngột ngạt từng giòng từng chữ trong thơ, lục bát cũng như tự do. Chúng ta đang làm nên

một nhân vật trong thơ và điều sai hỏng là chỉ có một nhân vật mà thôi : Nhân vật rút lui : « Thôi tôi... » Mở lớn thành phố, bỏ cái không khí nặng nề của thành phố, không hẳn là sẽ trở thành những Whitman hay Tagore nhưng sẽ không là một thứ Da Đen không thật sự có hầm tối, lãnh vực kỳ thị, bất mãn và thú dữ. Thơ da đen ẩn ức nhưng mãnh liệt, bi thảm nhưng hùng dũng, nói đến thân phận tôi mọi nhưng là cái tôi mọi chung của đồng loại họ. Cái không khí ấy nung nấu mà cởi mở, giận dữ mà khoan hòa, nó không đóng kín, nó không nghẹt thở như. Thơ Việt Nam hôm nay. Nó bao la và đầy nhân ái. Nó đích thực là cách mạng. sự nghèo đói, cảnh nhược tiểu, cái phi lý chưa có trong thơ chúng ta, mặc dù thơ chúng ta đã dùng những thứ ấy làm đề tài. Chúng ta vẫn nói đến, nhưng chỉ nói đến trong hoàn cảnh xã hội này. Không phải vậy. Hãy nói đến bằng tâm trí và cách thức của một thi sĩ, un médium nói như A'Duguet-Huguier : Le vrai poète est un médium.

Và như thế tâm cảm của thi sĩ khôn phải để đặt vào sự việc mà thôi ; còn phải khuyến dụ người ta quên đi sự việc ấy, và ra ngoài sự việc ấy.

Người thi sĩ phải suy tưởng như người thi sĩ, ở ngoài những dấu hiệu. Tôi học câu rày của Pierre Emmanuel : Est poète celui qui pense symboliquement.

Khi tôi ngồi viết những dòng này cho anh, tôi không còn được tỉnh trí. Ngôi nhà tôi ở chật chội, hẹp, mùi gỗ và mùi bụi. Dù vậy tôi mong rằng anh sẽ không phải hiểu lầm tôi. Vả chăng chúng ta đã xa nhau, khi nghĩ về nhau sẽ không còn những thừa ngữ nữa. Mọi sự bình thản và sáng sủa. Đã hàng năm nay tôi không còn được đọc thơ anh. Tôi nghĩ về thơ anh rất kỹ. Khi đọc những dòng tôi viết đây, dù không biết bây giờ anh ở đâu, tuy nhiên dù ở đâu đó, anh vẫn chưa thể ra ngoài lãnh thổ này, anh đọc và nếu có thể hãy viết cho tôi vài chữ. Chúng ta ít nhất còn liên quan với nhau trong đời sống thường, với những vấn đề chung của một vùng náo động ở Sài gòn, tôi vẫn được gặp mấy anh em làm thơ, nhưng tôi chán hết họ. Dường như các anh ấy không còn tìm thấy cái đẹp nữa, mà cái đẹp lại cần thiết cho chúng ta. Dù cuộc sống bùn đọng, tôi vẫn tin tôi sung sướng, dù vấp ngã hoài hoài tôi vẫn tin tôi còn đứng dậy, và dù cuộc đời tẻ nhạt, tôi vẫn nghĩ một ngày mai tôi sẽ khác. Giả thử tôi có lầm, tôi cũng sẽ thoải mái mà quên đi như không. ■

VĂN NGHỆ

VÀ CUỘC SỐNG

GHI NHẬN CỦA
VŨ KHẮC KHOAN

7-12-65

Có giấc ngủ co quắp trong kinh hoàng, mình nhìn mình nhầy nhụa giữ lòng cống cái Đô thành, mồm há hốc nghẹn tiếng kêu cấp cứu Có giấc ngủ chập chờn ông cụ bảy mươi, nhỏ khêu ngọn đèn hạt đậu, đêm đen thơm nức thuốc lào hoa sói. Có giấc ngủ của con tôi, nhìn sao cầu nguyện trước khi đi vào giấc ngủ. Có giấc ngủ của tôi, đêm qua, vào giấc nhẹ như thuyền rời bến, tỉnh giấc chợt nhớ mà thèm không khí một sân vận động sương đêm còn vướng cỏ non.

Sáu giờ sáng. Nhìn cà phê nhỏ giọt, con chim lạ truyền cành, sao mờ trên trời xanh thẳm, lặng nghe thành phố tỉnh giấc, thành phố xuống đường, tôi thấy máu chảy nhanh hơn trong huyết quản, lồng ngực dư thêm chỗ cho không khí ngon lành ra vào thong thả, giấy là đẹp, bút là đẹp, đời đáng sống.

Tôi viết Sống. Tôi viết Đẹp. Tôi viết Yêu

10-12-65

Gió. Bão. Gạo Thịt Chết. Taxi. Cyclo. Rượu Chính phủ. Noel. Tết. Rồi câu chuyện giữa chúng tôi bỗng trở nên đậm đà. Câu chuyện xoay quanh một vấn đề cũ rích, một vấn đề mà tất cả chúng tôi đều nhận thấy rằng phải giải quyết, rằng ai cũng muốn giải quyết, kể cả những người đã và đang ở trong chính quyền, rằng rất dễ giải quyết, rằng không hiểu sao đến nay vẫn chưa giải quyết.

Vấn đề là : làm kịch.

Chúng tôi: Vi huyền Đắc, Năm Châu, Hoàng trọng Miên và tôi.

Hoàng trọng Miên cầm ngược chiếc tẩu, đánh nhịp từng lời nói :

— Có kịch bản, có diễn viên, có sân khấu, có khán giả...

Năm Châu chặn lời :

— Chưa đủ.

Và nheo mắt cười. Và vuốt nhẹ mái tóc bạc phơ. Vi huyền Đắc hiểu rất nhanh :

— Tôi thấy rằng không cần nhiều lắm...

Năm Châu thao thao bất tuyệt đưa ra những con số. Những con số mà chúng tôi đều đồng ý rằng góp lợi tức cả bốn chúng tôi trong một năm, trong hai năm, cũng vẫn chưa tới Những con số mà chúng tôi đều đồng ý rằng tuy nhiên chẳng thấm vào đâu, so với giá một biệt thự thường vẫn được những tay giàu lỏi dựng lên ở những nơi nghỉ mát.

Thế rồi câu chuyện giữa chúng tôi trở nên rời rạc. Hoàng trọng Miên nhồi thuốc vào tẩu. Năm Châu rút khăn tay đưa lên miệng, giữ kịp một cơn ho. Hình như Vi huyền Đắc có nói đến sự mầu nhiệm của cơm gạo lức, mỗi miếng nhai đúng 25 lần. Những con số vẫn quay cuồng trong óc tôi, biến thành năm thành tháng, thành ngày. Tôi tự hỏi anh Đắc không biết bao nhiêu tuổi, anh Năm không biết đã bao nhiêu.

Trong im lặng, không biết ai đã nói :

— Thôi, đi về.

Tôi ra đường, thầm mong bắt được một chiếc Taxi vắng khách. Một chiếc Taxi ? Một chiếc Cyclo cũng được.

12-12-65

Nghĩ về Nguyễn công Trứ. Nhớ lại một câu chuyện xảy ra ở giữa một nơi vắng vẻ, giữa thi sĩ và một người kỹ nữ, câu chuyện còn ghi vết tích hai câu lục bát truyền tụng cho tới bây giờ.

Giang sơn một gánh giữa đồng
Thuyền quyên ử hự, anh hùng nhớ không ?

Đẹp hay không đẹp, xấu hay tốt, tác-phong đó của Nguyễn công Trứ? Tôi tưởng tượng một thi sĩ hôm nay lâm vào một trường hợp tương tự. Bỏ bỏ ?

Thiện và Ác. Xấu và Tốt. Thiên đường và Địa ngục. Cũng chẳng biết nghĩ ra sao bây phải chết, là Trung sẽ được vinh quang mũ áo hồi triều, lấy vợ đẹp, đẻ con khôn thằng Long, thằng Hồ, thằng Bưu, thằng Báo.

Cuộc sống có thể như vậy tại sao không?

13-12-65

Đọc Cô gái Đồ Long không ai bận trí đến tâm sự của Kim Dung. Truyện kiếm hiệp truyện trinh thám kể chuyện. Chuyện phải ly-kỳ, giọng người kể chuyện phải có duyên. Độc giả mê man « nghe » chuyện. Đó là loại độc thoại.

Đọc đoạn trường Tân thanh, người độc giả bị ám ảnh bởi Nguyễn Du. Giáng lớn của họ Nguyễn đè nặng lên tâm hồn người đọc. Người đọc hơn một lần đặt sách xuống bàn, lặng nhìn vào chính lòng mình dò hỏi, rồi cố gắng vươn lên khỏi cái lẽ hưng vong triều đại, vươn lên khỏi cái giờ. Có thể đó chỉ là những cái đèn xanh đèn đỏ dựng lên ở mọi ngã tư thành phố cuộc đời, những công ước đặt ra để Nhân loại lưu thông thuận tiện trên đường tiến hóa. Mà cũng có thể đích thực là những Chân lý bất di dịch. Cuộc sống có thể đơn giản, rất đơn giản. Như một vở hát bộ, chẳng hạn. Mặt đỏ là trung. Mặt trắng bệch, lông mày xuôi nét là nịnh, là gian. Mơ màn Trung có thể thua gian, có thể bị nghi ngờ, đầy ải. Nhưng màn buông xuống là Gian phải chết, là Trung sẽ được vinh quang mũ áo hồi trào, lấy vợ đẹp, đẻ con khôn thằng Long, thằng Hồ, thằng Bưu, thằng Báo

Nếu có Thượng đế, Thượng đế không thể là một tâm hồn nghệ sĩ giàu tưởng tượng.

■ xem tiếp trang 22

quê hương thần thoại

PHẠM MỸ KHÁNH

CHIỀU nay, anh đi dạo một mình. Bây giờ cũng vào mùa lạnh rồi đấy em. Anh nhớ lại hồi nào cùng em dạo bước trên những đại lộ này. Đại lộ với hàng cây thẳng tắp; có những chiếc lá vàng rụng rải rác đó đây.

Có từng cơn gió giá buốt, lạnh thấu xương.

Bữa đó Mai mặc chiếc áo len màu xám, xám hơn bầu trời mùa đông. Hai đứa đi lang thang qua những đại lộ dài và vắng. Em buồn vơ vẩn vì thấy anh suốt buổi nói chuyện vẩn nhảm hoài, nhảm hoài đến Hanội; đến con đường Cô ngư với hoa phượng nở đỏ, với người con gái Bắc mặc áo lụa Hà Đông; với nhà thủy tạ; với hồ Hoàn kiếm v.v...

Em đã giận đấy ư ?... Anh biết em «ghen» sao không yêu em bằng Hà nội ?... Đôi khi anh còn kể với em là không có thứ nào bằng mùa hè đi ăn banh tôm ; mùa đông đi ăn... gì ; à mà anh dâu biết rõ hở Mai ?... Anh còn nói với em nhiều thứ khác. Mai ơi, em đừng giận anh đấy nhé ; quả là anh chẳng biết « ất giáp mô tê » gì về Hà nội dâu em ; như em đã trêu anh khi nghe chị Thanh báo là anh sinh ở miền Trung... ! Buồn ghê, Mai nhỉ.

Dẫu sao, anh cũng cố tạo nên ảo tưởng rằng mình là kẻ biết nhiều về cố đô Hà nội, ít ra điều đó cũng làm cho anh bớt tủi hổ.

Ngày bé tí teo, anh nghe mẹ kể chuyện Hà nội rất nhiều, nào những sự tích lạ lùng của đất Bắc, nào những đền (có ông thần oai nghiêm trong đó ?) những chùa (đẹp như chùa Hương ?... và cầu (Cầu Thê Húc chắc là nên thơ ? !).

Anh tưởng tượng ra cái gì cũng mới, cũng nên thơ hết !

Xong đến chuyện vua Quang-Trung đại thắng quân Thanh ở Gò Đống Đa giết hai mươi vạn quân ; đến việc Sầm Nghi Đống thắt cổ nữa. Bấy giờ, chỗ đó hẳn lắm ma quỷ. Ghê quá Mai nhỉ. Nhưng anh thích nhất vẫn là những câu thơ mẹ đọc.

Cô ở Tây Hồ bán chiếu gon,
Chẳng hay chiếu ấy hết hay còn
Xuân xanh rày độ bao nhiêu tuổi
Đã có chồng chưa được mấy con

và lời đối đáp ngộ nghịch

. . . . . .

Em ở Tây Hồ bán chiếu gon
Chồng còn chưa có, hỏi chi con ?!.

Anh nghĩ đến vẻ liến thoắng, nghịch ngợm của nữ sỹ Hồ xuân Hương ; con người tài danh xen lẫn tính nghịch ngợm, bỡn cợt, còn hơn cả em bây giờ nữa đó (con cháu mấy đời của bà).

Và nhiều lúc anh cố tưởng tượng ra hình dáng của bà ; nhưng sao vẫn mờ mịt.

Em biết ; mẹ anh trước bữa ăn thường kể về những món ăn ngon Hà nội, lúc nào mẹ cũng tắc lưỡi : « Mấy cô trong này làm gì bằng gái Hà nội? ». Mẹ anh kể đến đâu anh phải chảy nước miếng. Chị Thanh thì tức cho mẹ « Cái gì cũng Hà nội hết ! ». Chắc là em đứng về phe với chị Thanh, phải không Mai ?... (Này Mai, em phải cố gắng nấu ăn thật khéo kẻo về nhà mẹ anh chê đấy nhé !).

Sau này, đọc « Hà nội, băm sáu phố phường » của Thạch Lam ; đọc đến những đoạn tả món ăn Hà nội là anh vứt sách xuống ; anh không chịu nổi cái giọng văn tha thiết của ông ấy...

Thế mà bây giờ, chừng này tuổi đầu, anh vẫn chưa được một lần nhìn thấy Hà nội nên anh nhắc hoài, anh nghĩ đến « băm sáu phố phường. Hàng mật, hàng đường, hàng muối trắng tinh » với một sự mơ hồ mung lung Thành phố đó ra sao ?... Anh thì chỉ nhớ phong phanh mấy câu thơ Đường : « Long Biên đã đắp tự đời nào ? ; Chẳng thấp nhưng mà cũng chẳng cao »... Anh biết Hà nội hình thể như vậy, như vậy đó ?... và trăm ý nghĩ ngổn ngang.

Mai em, từ bé đến giờ, có lần nào chúng ta được ngắm nhìn quê hương hình chữ **S** đầy đủ của mình đâu em ? (Bây giờ anh không dam đi xa thành phố nữa là ?) Thôi xin cho anh được một lần nhìn một trong băm sáu phố phường Hà nội ?...

Và điều dự phỏng của anh đã trở thành ảo tưởng trăm năm ; để rồi anh chỉ được ôm giữ « giấc mộng lớn » đó cho đến lúc nhắm mắt bình yên nơi đất lạnh sao Mai ?

Nên em ơi, hãy để cho anh nghĩ về Hà nội, hãy để cho anh nhớ đến Hà nội trăm ngàn lần nhiều hơn em Hà nội thì xa vời vợi trong anh ; còn em, em vẫn mãi bên anh hay một mai, em có bỏ anh thì chúng mình vẫn có thể gần nhau tại giải đất này phải không em yêu quý ?

Mai ơi, đừng để cho anh nghĩ rằng giải quê hương mình là một vùng đất cấm ; một miền đất thần thoại, một giải đất thần tiên trong truyện cổ tích mà anh là đứa bé nhiều ước mơ nhưng không bao giờ đến nổi thiên đường.

Và bây giờ, anh vẫn thực sự làm đứa bé đó. Có đêm anh nằm khóc như đứa trẻ thơ lên năm lên bảy. Giá mình thực sự được là trẻ con cũng sung sướng chán, để mình khỏi phải biết quê hương chia lìa.

Anh thấy chúng mình trên phi cơ bước xuống phi trường Bạch Mai. Tay em khoác chiếc áo len xám (vẫn màu xám ? !), còn anh đưa tay vẫy chào, hai đứa cười sung sướng nhìn Hà nội nhoè lệ cười mừng sự trở về của chúng ta. Anh tỉnh dậy, bàng hoàng, tiếc nuối đã đánh mất giấc mơ như anh đã đánh mất xứ ngàn năm văn vật.

Buồn quá, anh vào ngồi trong một rạp xi nê... Dân Do Thái đi lang thang. Dân mình đâu có thế phải không em ? Bây giờ họ đã lập quốc. Người Do Thái lại trùng phùng với Tel-Av's của họ... Còn chúng ta, thì đến bao giờ hở em? Này Mai, có bao giờ em nhìn những người Chàm : đàn ông và đàn bà đi về mấy nẻo rừng heo hút không Mai ? Trông họ buồn vô cùng. Và anh nghĩ mà xót xa cho họ, xót xa chính cho đất nước mình. Trong sự khổ ải của dân tộc Chàm, anh thấy có sự liên quan đến dân tộc Việt.

— Quê hương chúng ta giờ có bom, có đạn, có hỏa châu, có đại bác, có máy bay, có nhiều thứ vô cùng.., thế mà anh vẫn thấy « thiếu một cái gì đó » mà anh cũng chẳng biết rõ.

Và Saigon—Hà nội được nối liền bằng những tràng súng bất tận, tiếng súng đó có làm khoảng cách gần lại không em ?

Bữa qua, trời mưa lất phất, một thằng bạn người Bắc rủ anh đi ăn bún chả. Nó nhắc đến Hà nội. Tự dưng, anh chảy nước mắt. Có lẽ anh tủi thân cho anh.

Về nhà, anh nằm đọc lại « Hà nội băm sáu phố phường », 1 lá thư của em và một tờ tạp chí nói về « Hà nội, quê hương trong trí nhớ » Anh nghĩ đến câu thơ « Mòn con mắt đợi, phương trời đăm đăm..

Vậy, Hà nội vẫn đời đời chỉ là quê hương trong trí nhớ của chúng ta sao Mai ; em yêu dấu !

ngọn đèn mơ ước

kim xương

1.

Tôi mơ ước có thật nhiều ngọn đèn
thắp chạy dài theo ranh giới Việt-Nam
Tôi mơ ước có thật nhiều ngọn đèn
thắp cho sáng khoảng Saigon — Hanoi
và chúng tôi đem niềm tin mời mọc
đem phân phát nụ cười cho nhau
như con chiên ngoan đạo
mời chúa nghe trăm nghìn lần chữ Amen, Amen.
như chúng tôi muốn yêu thương bè bạn
chúng tôi muốn sáng trưng quê hương
để nhìn thấy vết cắt thật sâu
rõ ràng và hối hận.

2.

Tôi mơ ước có thật nhiều ngọn đèn
cho tôi nhìn rõ những linh-hồn bệnh tật
cho tôi lấy hơi nóng hắp những trẻ mồ côi

cho tôi biết yêu tôi
và chắp tay cầu nguyện

3.

Cứ mỗi nửa đêm tôi thức dậy
đèn thành phố tắt phụt
Tôi nằm xuống nói cho tôi nghe
ừ, thì ranh giới còn rào dây kẽm
Tôi quơ tay tìm tôi
Sợ trái tim rớt xuống và hàng kẽm gai móc nát
Tôi không sợ chết
nhưng sợ nhiều bạn-bè cấu xé bạn bè.
Vậy thôi.

4.

Bây giờ là gần sáng
Tôi mơ ước có thật nhiều ngọn đèn đốt lên
để thấy xe ngựa gióng điệu chân rời-rạc
thấy bọn ăn mày nói chuyện chiến tranh
thấy chuyến xe sớm chở đoàn người di cư về thành phố.
hay những tiếng kèn từ nhà xác đi ra,
nhẹ nhàng và tức-tưởi.
Như vậy cho tôi biết tôi đang sống trong vùng trời tối đen,
vì khói súng, vì uất-ức
mà thôi mơ ước có thật nhiều ngọn đèn
thắp chạy dài theo ranh giới Việt-Nam

những người xa

MƯỜNG MÁN

1.

BÓNG tối từ ngoài cửa sổ ập vào làm căn phòng tối đen— một chặp khuôn mặt tôi cũng bị bôi xóa trong gương. Tôi đưa tay vuốt tóc và chợt nhớ đến một cử động quen thuộc của Hạ — những ngày mưa Hạ tìm đến tôi, Hạ cũng đã từng đưa tay vuốt những giọt nước mưa đọng ướt trên mặt trên tóc. Tôi đã ghi nhận cử động đó như một nét đẹp riêng của Hạ và chỉ riêng Hạ. có—mặc dầu tôi đã nhiều lần nhìn ngắm những đứa con gái khác vuốt tóc soi gương.

Bây giờ những ngón tay tôi bò dưới những sợi tóc của tôi—tôi tự hỏi sao không phải là những sợi tóc mềm ướt của Hạ. Tôi không biết ghi dấu cuộc tình của tôi và Hạ bằng cách nào nên chỉ nhớ có mỗi cử động vuốt tóc của Hạ. Anh bội bạc như thế đó Hạ, tất cả em mà bây giờ anh chỉ còn nhớ có chừng đó. Bao giờ anh cũng ích kỷ phải không Hạ ? Em chưa bao giờ nói với anh câu đó nhưng anh biết rồi em cũng sẽ nói—như Thủy đã nói Phiên đã nói.. Anh không bao giờ dấu diếm quá khứ của anh và em cũng thế. Những buổi chiều cùng về Vĩ Dạ lên An Cựu, chúng ta đã không kể chuyện quá khứ cho nhau nghe là gì ? Ví dụ quá khứ của em có những khuôn mặt của Vũ của Phan... quá khứ của anh có những khuôn mặt của Thúy của Phiên của Oanh...v.v, và em cũng chưa bao giờ tỏ ra hờn ghen với quá khứ của anh, anh cũng khong bao giờ tỏ ra thắc mắc quá khứ của em. Vì chúng ta chưa yêu nhau đến mức chăng ? Không, không phải thế dâu Hạ. Mỗi chúng ta phải biết hãnh diện với quá khứ của mình cũng như anh có thể hãnh diện về quá khứ của em và ngược lại. Đến ngay bây giờ anh cũng còn tin rằng em rất yêu anh. Anh vẫn có cái tính tự tin đáng ghét đó'..

2.

Tôi đi ra và tì tay lên lan can ngó xuống — thành phố dưới đó — xe cộ thì chạy, người thì đi và bóng tối thì trườn, đèn thì đỏ, những chuyển động nối nhau như từng mắt xích. Tôi đưa tay vào túi tìm bao thuốc nhưng bao đã rỗng, tôi vò lại quăng xuống phía dưới và chợt có ý nghĩ viên giấy rớt xuống và bây giờ đang nằm gọn trong chiếc xách tay của một cô bé vừa đi qua— tại sao cô bé đó lại không là Hạ ?

Tôi đảo mắt về phía những vùng xa hơn nữa, ngoài kia nơi vòm trời không có ánh sáng treo trên những trụ đèn và gắn trên những cái bảng quảng cáo, mà có hỏa châu thường trực, ở đó không có phố, có nhà, không có nhạc mà chỉ có rừng núi, cây cối và những tiếng động rình rập .. Có thể bây giờ thằng Hoàng

■ xem tiếp trang 30

những người viết mới

Tuổi Mùa Xuân

THẠCH KIM

HAI mùa đông rồi phải sống xa em, Phải thế không Qui nhỉ ? Công việc cũng chẳng có gì. Anh là nhà giáo mà ! Nhưng chưa dạy đứa trẻ nào hết Từ Saigon, khu an toàn tính mạng, anh của em về Quảng Ngãi và vào một làng ở quận Sơn Tịnh. Tranh tối tranh sáng. Thật khó cho Anh. Em yêu dấu. Ở đây có Cầu Quán Vịt, Anh thường ăn hột vịt lộn ở đây Lần đầu một chú lính bảo nhỏ với anh :

— Coi chừng tụi nó tiêm thuốc độc !

Nhưng anh vẫn ăn bừa. Tuổi anh sắp lên rồi. Chúng mình mừng nhau gì đây ? Qui mừng cho anh đứa con gái nhé ! Con gái cưng của ba ! Tuần sau anh xin phép về Saigon

---

Sáng chủ nhật Saigon thật đông người. Tôi đi với ba tôi. Một ông già. Ông thật cần thận mỗi khi băng qua đường. Ông thường dừng ở các tiệm giầy đường Lê Thánh Tôn để hỏi những đôi hia. Người bán hàng vừa trả lời vừa cười, xưa quá rồi cụ ơi, không ai bán nữa đâu Cụ thử đi giầy xăng-đan vậy. Ông già lắc đầu rồi đi. Trời nắng dần. Tôi thấy nóng ở gáy và mồ hôi bắt đầu chảy. Giá như những buổi chủ nhật khác thì tôi đã chun vào Vĩnh Lợi rồi Nhưng còn ba tôi. Tuổi già, ông có thể đi một mình nhưng tôi không thể bỏ đi được.

Suốt cả buổi sáng đem ba tôi đi Saigon, ông chỉ mua hai áo dài bằng vải lương để đi chùa lễ Phật với là cúng ông bà. Tôi thấy ngọn lá như vàng lại và sắp lìa cành Bùng bing Saigon buổi trưa cũng đông người ấy chứ ! Tàng cây im lặng Tiếng xe chạy vù vù bạch bạch .. và trong trí tôi như có một con đường xoắn ốc chạy mãi. Những tiếng súng ở đâu vọng về. Tôi nghĩ có lẽ có người chết rồi Vài cô gái áo cụt bà ba, quần tóm láng đi qua nhìn tôi mỉm cười.

— Đi thầy ba !

Tôi muốn theo và tìm nơi thề xác đó những vùi khuây nôn mửa ! Còn ba tôi, mặc ông ấy đi đâu thì đi như tuổi mùa xuân của ông mất dần Tiếng ba tôi rói nho nhỏ, lụ khụ. Dắt ba đến thăm chú Lang đi. Chú Lang là bà con dì của ba tôi. Tôi dắt ông về đường Phạm ngũ Lão. Con đường hồi xưa là chỗ ngự trị của các tòa báo bây giờ « buyn đinh » mọc lên cao, đĩ đứng đường cũng nhiều. Kề bên rạp Diên Hồng, hai anh lính Mỹ cười híp mắt với một cô gái Việt mặc đầm.

Gặp chú Lang, ba tôi hỏi chuyện gia đình. Câu gần chót ba tôi hỏi nhanh :

—Chú Đàm bây giờ ở đâu ?

— Chú Đàm chết rồi. Tiếng chú Lang trả lời gãy gọn.. Tôi nghe ba tôi nói qua sự ngạc nhiên mất mát một phần sự sống ở Người :

— Ối cha !... Làm sao nó chết vậy chú ?

Tôi im lặng đi. Thế nào rồi tôi cũng phải đi. Đi lính. Tôi nhìn sang ba tôi. Bước đi của Người ngắn lại đượm nhiều chua chát. Tôi thấy tôi cũng già đi. Tuổi mùa xuân qua mau quá. Khoảng trống vắng, băn khoăn bứt rứt trong tôi rộng mãi ra. Tôi không chạy trốn vào đâu được cả, vừa đi vừa ứa nước mắt...

Qui của anh.

Thôi, ngày mai anh ra. Anh không đến giã từ em đâu. Thế nào anh cũng đem Qui về thăm Cầu Quán vịt Cô bé học thuộc bài đến không buồn lấy hơi lúc học, cô bé với tuổi mùa xuân ra đây sẽ trưởng thành và mong muốn làm mẹ : bài học cuối cùng của em ở đó, tuổi mùa xuân của em bắt đầu khô từ đó.. Và tinh anh chúng mình lại mọc mầm... để đến tuổi mùa xuân. ■

VỪA XẢY RA ĐANG NÓI TỚI

bùi ngọc dung

■ Dàn nhạc hợp tấu và đồng ca Mitch Miller thâu thanh và phổ biến một bản nhạc của Phạm Duy tại Hoa Kỳ.

NGÀY 6 tháng 12 vừa qua, dàn nhạc hợp tấu và đồng ca Mitch Miller, một trong những dàn nhạc thời danh hiện nay tại Hoa-Kỳ, đã phát hành một dĩa hát thâu thanh nhạc phẩm Việt-Nam của Phạm Duy. Nhạc phẩm này mang tên *Giọt Mưa Trên Lá*. Nhạc phẩm này do chính danh ca Steve Addis soạn bằng Anh ngữ. Steve Addis đã mang về nhạc phẩm *Giọt Mưa Trên Lá* sau một cuộc công du và trình diễn tại miền nam Việt Nam. Trong thời gian Steve Addis lưu trú tại Việt Nam, ông đã hợp tác với nhạc sĩ Phạm Duy và đã nghiên cứu tường tận về âm nhạc Việt Nam. Không những thế, Steve Addis còn học cách sử dụng nhiều nhạc cụ Việt Nam kể cả đàn tranh và đàn bầu.

Nhà xuất bản *Richmond* đã phê bình bản nhạc *Giọt Mưa Trên Lá* là «một bản dân ca khả ái ca ngợi tình yêu muôn mặt». Nhà xuất bản này đã nhận được nhiều thư từ của độc giả ở Việt Nam lẫn Hoa Kỳ tỏ lòng hâm mộ ông Addis mỗi khi ông tới đâu trình diễn. Với nhạc phẩm Việt Nam thâu thanh này, đây là lần thứ tư ông Miller đã mượn nguồn cảm hứng của ngoại quốc để giúp cho danh sách nhạc phẩm của dàn nhạc của ông thêm phong phú. Nhà xuất bản *Richmond* và hãng dĩa thâu thanh *Decca* hy vọng nhạc phẩm Việt Nam thâu được kết quả rực rỡ ngang với những nhạc phẩm tăm tiếng khác như các bản *Nhi Đồng Hành Ca* (Knick Knach Paddy Way) trong phim *Inn In the Sixth Happiness*, *Theme From the Bridge on the River Kwai* và *Do Re Mi* trong phim *The Sound of Music*, diễn tả lại câu chuyện của một gia đình người Áo, bằng âm nhạc.

■ Triển lãm đồ cổ Đông phương tại Saigon

Ngày 3-12 vừa qua, tại phòng triển lãm thông tin Saigon có triển lãm các loại đồ cổ Đông Phương. Có tới trên 2000 đồ cổ được nhiều chuyên gia sưu tầm từ hàng chục năm nay gồm có các đồ sành, đồ sứ, ngọc thạch, mã não, san hô, hổ phách, ngà chạm, các loại bình phong, tủ, bàn ghế, đồ đất, đồ đồng cần chạm rất công phu và mỹ thuật.

Những cổ vật giá trị này là sản phẩm của Trung Hoa, từ các đời nhà Đường, Tống, Minh và Thanh cũng như của Việt Nam, thuộc các đời Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức v.v... Điều mà người ta ghi nhận trong cuộc triển lãm đồ cổ này là các báu vật đa số còn nguyên vẹn. Đây có thể coi là một cuộc triển lãm hữu ích và giá trị không ngoài mục đích giới thiệu nền mỹ thuật Đông Phương.

■ Đảng Cộng sản Ba Lan yêu cầu các nhà văn không nên tranh chấp nhiều với nhà nước

Trong phiên họp của Đại Hội Các Nhà Văn Ba Lan toàn quốc kết thúc hôm 8-12 vừa qua, tại Cracovie, ông giám đốc truyền thanh và truyền hình Ba Lan, Woldozimiers Sokorski lên tiếng kêu gọi các nhà văn nhà thơ Ba Lan hãy tránh mọi cuộc tranh chấp với chính quyền, nhất là với các lãnh tụ của đảng.

Sokorski vẫn công nhận có nhiều vấn đề thiết yếu cần phải được đặt ra giữa chính quyền và đảng Cộng sản, nhưng ông tuyên bố rằng các nhà văn nên biết chịu nhịn nhục và yên lặng để gây lại tín nhiệm đối với đảng và nhà nước. Khi đề cập đến vấn đề tự do, do nhà văn Mác xít Leszek Kolakow nêu ra, Sokorski tuyên bố rằng có một số người không nhận chân là đã có chủ trương nới rộng tự do cho các nhà văn cũng như nhà thơ tại Ba Lan. Và lời tuyên bố của Sokorski đã được phổ biến nhiều lần trên đài phát thanh, nhất là tại thủ đô Varsovie.

■ Một nhà văn Pháp Jean Larteguy lên tiếng buộc tội nhà nước Hà Nội trong một tác phẩm mới nhất.

Nhà văn Pháp Jean Larteguy, một khuôn mặt văn chương tiểu thuyết, thời danh kiêm phóng viên chiến tranh, mới đây lên tiếng buộc tội

■ (*Xem tiếp trang 30*)

TRUYỆN DÀI

doãn quốc sỹ

PHẦN I

Đốt Biên giới 12

doãn quốc sỹ

TUY nhiên lái được nửa giờ Thuận gặp một đám mây bão cumulonimbus dầy cộm hình một chiếc đe khổng lồ, màu mây quãng giữa đã xám loãng và trên đầu màu trắng lộng] chứng tỏ đám mây bão đó cũng sắp tan rồi. Thuận lái quành «chiếc đe khổng lồ» màu xám nhạt đó rất khéo khiến người huấn luyện viên Mỹ phải thốt lời khen ngợi.

Chiều thứ sáu đó, ở phòng ăn ra gió mát lòng lộng ngoài đường làm Thuận thấy dễ chịu, tiếng trẻ con nô đùa nghe thật vui, dạo này nhiều khi Thuận thấy chúng nô đùa suốt từ chiều cho mãi tới chín, mười giờ mà chưa yên. Lên lầu Thuận đã thấy Blair đứng trước phòng. Gió xuân dường như cũng thổi thêm niềm vui vào tâm hồn cô gái vừa tới tuổi đầy thì đó. Thuận hỏi :

— Cuối tuần này Miss Blair có bận gì không, nếu không mai chúng mình đi quay phim.

— Đi chứ anh Thuận—Blair đáp— tôi thì còn bận gì. Hoa bắt đầu nở nhiều rồi đo, đi quay phim vào dạo này thật tuyệt!

Hôm sau cả hai cùng ra đi từ mười giờ sáng. Đúng như lời Blair nói hoa đã bắt đầu nở nhiều, có những bông thuộc loài huệ lớn nở trắng xóa bên những cụm hoa vàng nhỏ xinh, hoa chèvrefeuille thì phải. Hoa và nụ như thi nhau xuất hiện, lộc cây nhú xanh, cảnh vật thật đã thức tỉnh với mùa xuân suốt dọc đường. Xe buýt dừng lại tại một trạm gần bờ sông, Blair và Thuận cùng xuống. Ánh sáng chan hòa thừa đủ cho Thuận quay phim. Khoảng bờ sông Potomac thật đẹp, bờ nước được xây dựng đứng như một bức tường ngắn cho đất khỏi lở, bên trên là bãi cỏ với những hàng cây lộc non xanh mơn mởn thành rừng, nhìn sang bờ bên kia

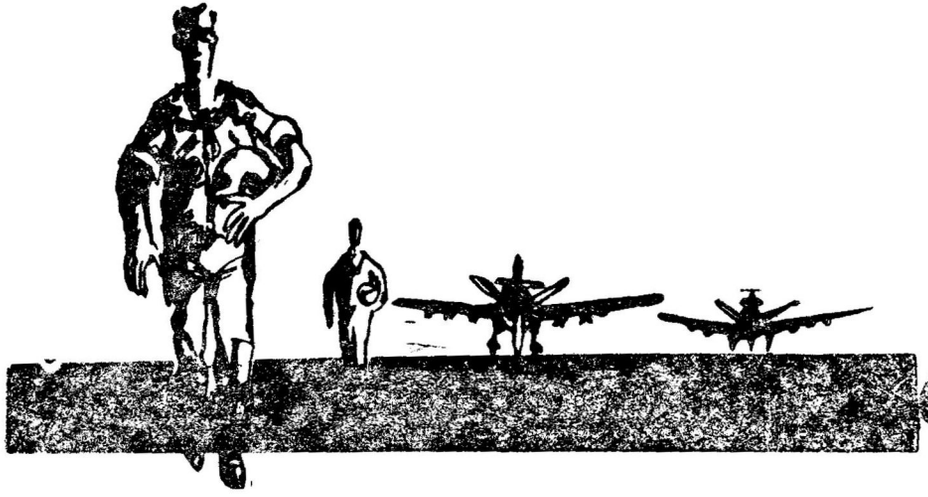

cúi đầu

cũng vậy. Thuận không quên thu vào ống kính giống chim mòng — gull — nơi đây nhiều vô kể, bay từng đàn trên cao, lội từng đàn dưới nước và kêu tự do như không biết sợ người. Đã có kinh nghiệm về lấy ánh sáng, đã có kinh nghiệm về cách bố trí phân cảnh ngầm trong óc nên cuốn phim màu đó rất thành công, khi thì thuần cảnh, khi thì Blair xuất hiện *gros plan*, khi thì Blair xuất hiện cùng với một vài bóng nhỏ khách qua đường khác, cảnh và người được thay đổi vị trí luôn luôn, cuốn phim tận cùng tuần tự bằng ánh nước dòng sông Potomac lấp lánh, rừng cây trổ lộc xanh non trên bờ và đàn chim mòng vỗ cánh bay ra xa.. tít xa... phía giữa sông cả một vùng trời nước bao la như đã tới cửa biển. Bữa trưa hôm đó Thuận đưa Blair vào tiệm May-Flower ăn spaghetti và uống cocacola. Thuận khẽ lắc đầu nói đùa với Blair :

— Một buổi cuối tuần đi chơi như thế này, ăn uống như thế này thật là lành mạnh !

Blair cười mỉm nhưng rất tươi hỏi riễu:

— Theo trực giác của anh thì cách sống đó có giống cách sống của người dân Armenians không ?

Thuận cất tiếng cười lớn và nhìn thẳng vào đôi mắt màu hạt dẻ của Blair.

Tuần sau khi đã rửa phim xong chiếu cho mọi người xem ở phòng khách, bà Gitting nức-nở khen cảnh đẹp và khen cả con gái bà nữa, Thuận ghé tai Blair nói khẽ : « Miss Blair đúng là hoa khôi Armenian ! » và Blair cũng đáp khẽ kèm theo nụ cười mỉm đí-dỏm : « Cũng lại là anh phỏng đoán chứ gì ? »

VI

Con đường Constitution Avenue rộng lớn là vậy mà hôm nay cũng bé thỏm đi với hai rừng người đứng xem hai bên bờ cùng với rừng người lưu động khoảng giữa như một giòng sông màu sắc, đó là ngày biểu diễn xe hoa của các hoa hậu anh đào : *parade of the cherry blossom princesses.* Năm nay có 53 hoa hậu, ngoài 50 hoa hậu đại diện cho 50 tiểu bang Mỹ quốc cộng ba hoa hậu của Nhật bản, Guam và Gia-nã-đại nữa,

Blair đứng bên Thuận luôn miệng góp ý kiến về quay phim : « Kìa anh Thuận quay lấy cảnh đám học sinh trung học này đi, anh có thấy họ mặc đồng phục đẹp không, nhất là đam con gái đùi trần, đi ủng màu trắng buộc giây màu đỏ — Anh quay lấy cảnh dàn nhạc kèn đồng này đi — Anh quay thẳng hề trọc đầu cao cổ này đi, trông ngộ không — Anh phải quay lấy cảnh người ngựa cow boy này tượng trưng cho Texas. » Nhưng mỗi khi xe hoa hậu lướt qua thì Blair cùng giơ tay vẫy và hò la vơi đám con gái mười bốn mười lăm tuổi gần đấy «ô hoa hậu ! hoa hậu !» và quên cả g ục Thuận quay phim. Cái vui vô tư của Blair, cái vui vô tư của cả đám quần chúng Mỹ lúc đó làm Thuận thấy trạnh lòng, và những ý nghĩ ngày nào trên tháp San-Francisco lại hiển hiện trong trí. Cuộc diễn hành khởi đầu từ mười một giờ mãi tới một giờ rưỡi mới hết, Blair gặp hai người bạn gái khác, một cô cùng làm ở tiệm uốn tóc với nàng còn cô kia là chuyên viên họa đồ cho một hãng chế tạo máy móc, cả hai đều đã đứng tuổi, khoảng hai mươi sáu hai mươi bảy và cùng chưa chồng. Thuận mời cả ba cùng đi ăn cơm Tàu ở một tiệm gần đấy, sau đó Pearl và Ann,— tên hai cô bạn mới—cùng ngỏ lời mời Blair và Thuận tới thăm căn nhà nổi của hai cô mới hùn nhau mua. « Căn nhà nổi» đây là chiếc ca-nô lớn đầy đủ tiện nghi : bếp nước, nhà tắm, vô tuyến truyền hình, radio, bàn ghế, lò sưởi,tủ sách,phải kể thêm cả con mèo nữa. Thuận chỉ khẩu súng treo trên tường hỏi hai cô thường thích săn gì. Pearl trả lời là súng đó vừa để săn tiêu khiển vừa để giữ mình nữa. Thuận cũng nói đùa « thế thì nguy hiểm cho kẻ vô đây lắm nhỉ. » Tới đây các cô chỉ cười thôi, sau cùng vẫn Pearl nói thêm: « Nhưng với anh Thuận thì không. Vì anh là phi công phản lực mà ! » Câu nói đùa có lẽ vô nghĩa mà cũng làm cả ba cười rộ, trừ Blair Thuận đưa mắt nhìn ra bên ngoài, xung quanh còn nhiều ca-nô khác của nhiều gia đình sống tương tự, xe ô-tô của họ đậu thành hàng dài trên bờ. Trước khi chia tay Ann nói là nếu Thuận thích chụp ảnh hay quay phim cảnh đẹp thì thứ bảy tuần sau hai cô sẽ mang xe tới đón đi Mount Vernon xem căn nhà cũ của Washington. Theo hai cô thì cảnh từ đây đi Mount Vernon nhiều chỗ đẹp lắm Rồi hai cô nhất định lái xe đưa Blair và Thuận về tận nhà, lúc đó vào khoảng năm giờ chiều. Thuận bắt tay hai cô thật chặt sau khi đã xuống xe và trước khi từ biệt. Không hiểu sao nếp sống tự lập của hai cô gái muộn chồng đó như có khơi động mối cảm tình đặc biệt nào trong Thuận, điều này có thể đã làm mếch lòng, Blair, vì Thuận thấy Blair đi thẳng lên phòng mà chẳng ngoái cổ lại nói với mình thêm lời nào nữa. Nằm trong phòng mình, Thuận tiếp tục nghĩ về Pearl và Ann. Cách sống của hai người con gái đã đứng tuổi đó tự lập mà không có vẻ đàn-đúm. Các cô luôn luôn cười nói vui vẻ, lịch thiệp nhưng trên nét mặt các cô Thuận vẫn thấy phảng phất một cái gì sầu muộn không thổ lộ ra, những nụ cười như muốn xoá nhoà sự cô độc, rút cục sự miễn cưỡng cô độc vẫn để lại vết hằn tưởng như mờ ảo mà kỳ thực khá rõ. ■còn nữa

Truyện của Vũ Quỳnh • Truyện của Vũ Quỳnh •

ĐIỀU đầu tiên tôi ghi lên đây là xin lỗi các bạn của tôi, những người bạn gái, bạn trai, anh em tôi nữa... Bởi vì, thưa các bạn, những giòng này tôi không muốn ghi về các bạn, tôi không ghi cho các bạn. Tôi biết, đối với các bạn, có nhiều điều đáng cho tôi ca ngợi, ghi chép. Mấy thằng bạn ở xóm xa, đôi khi đã vui miệng khen rằng : « Xóm B. thật là tuyệt ! » Đối với chúng tôi, « tuyệt » có nghĩa là con gái đẹp tuyệt. Và đôi khi chúng còn nói đùa : « Ôi, thằng Kha thì chẳng được gì ! Ở cái xóm có nhiều người đẹp như thế, mà nó vẫn nghèo khổ đói rách, đi đi về về như một gốc cây, thật là yếu ! » Và những lúc vui, chúng trêu tôi : « Thằng Kha - quả sướng thật, nó có thể nhắm mắt đề chỉ một cô, mà vẫn cưới được vợ đẹp » Trong tất cả những trường hợp ấy, tôi không hề giận hờn và cũng không cảm thấy vui thú. Tôi tự nghĩ, giữa chúng ta chẳng có gì liên hệ với nhau cả. Chúng ta được sanh ra ở đây, lớn lên ở đây, hai mươi mấy năm rồi, với con đường hẻm này, với dãy phố ấy, với ngôi nhà thờ mỗi buổi sáng đồ chuông rộn rã, với mảnh tường vàng vọt của đất Thánh Tây, và với khuôn mặt của các bạn nữa. Tất cả đều xa lạ, lạnh lùng. Mọi thứ đó, và các bạn, khi muốn hành động, muốn phát biểu, xin đừng nhân danh tôi; và chính tôi, khi ghi những giòng nầy, không hề nhân danh một ai cả. Tôi xin ghi nốt vài dòng về khu xóm này, về các bạn. Ấy là tôi đạt lời xin lỗi đối với tất cả, nhất là các bạn. Tôi chỉ là một sinh vật nghèo nàn, vô dụng, nên tôi không biết ca ngợi các bạn, và những dòng nầy, tôi viết cho tôi. Như thế đã tạm đủ. Bây giờ, tôi xin viết về tôi, cái tôi đáng yêu và đẹp đẽ, hay đáng ghét và xấu xa.

Đến khi lớn lên, tôi mới hiểu rằng : vùng nầy chỉ là một khu xóm nhỏ. Tôi biết thế vì mỗi khi tôi đưa cho ai một tấm danh thiếp, đề ghi địa chỉ, họ đều có vẻ xa lạ với cái tên con đường. Nhưng nó không « vô danh » đối với lứa con trai đầu-bò-đầu-bướu của chúng tôi; hỏi vì xóm này vốn được tiếng là có nhiều con gái đẹp.

Với tôi, tất cả đều tẻ nhạt. Chính số kiếp của tôi cũng gói trong thân phận sỏi đá lạnh lùng. Cha mẹ ghét bỏ, anh chị em khinh dể, hà hiếp. Tôi chỉ cúi đầu. Mỗi ngày hai bữa cơm, với mỗi buổi sáng hai đồng ăn lót dạ; hai lần đi về, không cần nhìn ngang nhìn ngửa, các con đường, với những thói quen cũ rích, những trở ngại lưu thông nhỏ, tôi đã biết rõ như hai người bạn thân hiểu tính tình của nhau. Và dãy phố, đường hẻm, những bức tường vàng bơ vơ, nhẫn thín... Tất cả đều lạnh lùng, không vương vấu, không nhánh, không chồi, không lá đề trình bày dấu hiệu lưu luyến khi biệt ly.

Đó, thời niên thiếu tầm thường của tôi, không biết đã kéo dài trong bao nhiêu năm qua trong cuộc đời lạnh lẽo này. Và tôi cũng không biết rằng mình đã lớn lên tự lúc nào. Nói cho đúng, tôi cũng không ý thức được sự trưởng thành của tôi. Cho đến một hôm, nghe trên đài phát thanh kêu rõ tên tôi, với số quân, số nhà, đường phố, chỉ định ngày cho tôi đi trình diện nhập ngũ. Thế là tôi đi làm nhiệm vụ công dân, nghĩa là tôi đã trưởng thành.

Tôi nghĩ : đời mình vừa xảy ra một biến cố. Một buổi sáng, ba tôi gọi lại, ông bảo tôi :

— Mày có thể xin hoãn dịch, vì ba anh mày đã nhập ngũ. Mày nghĩ sao ?

— Để con đi lính cũng được.

Ông rày rà tôi. Rằng bất hiếu bất mục, rằng hoang tàn đàn đúm... Ông bảo :

— Hừ, mày chỉ biết có mình mày, vì mày chui từ dưới đất lên mà !

Tôi hiểu đó là câu kết luận của cuộc đối thoại, và rút lui êm.

Buổi chiều, mấy thằng bạn rủ tôi đi chơi. Đi chơi tức là ra ngồi ở các nhà hàng góc đường, gọi dăm ba chai nước, mấy dĩa đậu phụng, cười nói bô bô và xem người đi qua đi lại rộn ràng. Cái cảnh này diễn ra với chúng tôi từ khi vài đứa trong chúng tôi đi làm có tiền. Thứ bảy, chủ nhật thì đi coi xi nê, ngồi Kim sơn, đi phòng trà, v.v.

Chiều thứ bảy ngồi đây, có thể gặp được những người mình muốn gặp. Riêng tôi, tôi chẳng cần gặp ai, vì gặp để làm gì ?

Thằng Huân bảo :

— Mày tính có đi không ?

Tôi hỏi lại nó :

— Không đi thì ở nhà làm gì ?

Thành chửi bởi :

— Ngu bỏ cha đi ấy, mày làm như con « nhà cách mạng » yêu nước lắm không bằng...

Tôi bỗng tức tối, sừng sộ nói :

— Tao có nói tao yêu nước hồi nào đâu ?

Thằng Huân sợ tôi đánh lộn, ôn tồn nói :

— Không có cãi nhau. Dù sao, bọn tao cũng không thích xa mày, muốn giữ mày ở lại.

Tôi biết mình nổi nóng vô lý, nhưng vẫn chưa nguôi. Biên thấy nét tức giận còn trên mặt tôi, nó bảo :

— Thôi mày, Kha. Uống đi cho bớt giận. Hết chuyện nói rồi sao mà tụi bay cãi nhau ?

Rồi im lặng. Tôi ngửa cổ uống một hơi hết ly nước.

■

Nếu tôi xin hoãn dịch, chắc bộ Quốc phòng sẽ chấp thuận. Ba anh tôi, một người làm thuyền trưởng tuần giang hạm, hai người ở bộ binh đóng ngoài tiền tuyến. Nhưng tôi từ chối. Những ngày chưa đi trình diện, tôi là đầu đề cho cả nhà bàn tán, bí mật hay công khai. Một đêm, chợt thức giấc, thoáng nghe đến tên mình, tôi cố giữ nguyên thế nằm và tò mò lắng nghe chị Hiền và em Thảo trò chuyện. Họ thức khuya để học thi, có lẽ vừa bỏ dở bài, ngồi nói chuyện. Tiếng chị Hiền :

— Có lẽ nó sợ ba mẹ và các anh cho rằng nhờ các anh mà nó được tiếp tục đi dạy. Nó không muốn chịu ơn.

Thảo góp ý, như chấp nhận luận điệu của chị Hiền :

— Anh ấy thường cảm lặng đến khó chịu, hình như anh chẳng cần gì đến gia đình, phải không chị Hiền ?

Tôi tự hỏi mình : Phải chăng nhận xét của họ là đúng ? Tôi cũng không hiểu rõ về mình. Nhưng tôi biết chắc chắn là tôi muốn ra đi một cách hợp lý. Lần tốt nghiệp sư phạm, tôi tưởng là sẽ đi làm xa, nhưng rồi tôi được bổ dụng ngay tại Saigon. Tôi không buồn mà cũng không vui trong trường hợp đó. Bây giờ, tôi nằm đây, hai dãy giường san sát, ngăn nắp ; giữa những đôi giường là những cái tủ, chung cho hai sinh viên sĩ quan, cũng ngăn nắp, gọn gàng. Sáng chủ nhật, người ta ăn mặc sẵn sàng, gọn ghẽ. Giày và cúc thắt lưng đánh bóng. Ngồi chờ. Mọi người đều sốt ruột khi nghe gọi tên một người bạn, mà chưa thấy gọi đến tên mình. Khi được gọi tên, mọi người đều vội vàng, bương bả. Họ chờ đợi tiếng gọi ấy cả một tuần nay.

Tên tôi cũng vừa được rao lên. Tôi cũng vội vàng, hấp tấp. Có thể là ba mẹ tôi, có thể là các anh tôi, hay chị Hiền, em Thảo; cũng có thể là bọn thằng Biên, thằng Huân. Tôi vội vàng ra, vì sợ họ (những người đi thăm tôi) đợi lâu. Từ phòng ngủ doanh trại ra đến khu tiếp tân cũng phải mất 15 phút. Người nhà thường mang cho tôi một ít thức ăn, hỏi thăm vài điều về sức khỏe, rồi về. Chỉ có mấy thằng bạn là ở lâu. Chúng ăn trưa với tôi, đến chiều mới về Saigon. Tôi nghĩ : Dù thân nhân hay bạn bè, tôi cũng có bổn phận ra gặp, để họ khỏi phiền lòng chờ đợi. Dù sao, họ đề thì giờ đến thăm tôi là điều quí rồi. Với ý nghĩ đó, tôi bước mau chân.

Ở nơi hàng rào giới hạn Khu Tiếp Tân, Huân đợi sẵn. Chúng tôi bắt tay nhau. Nó vỗ vỗ lên vai tôi, có vẻ bằng lòng. Tôi lên đây đã năm tuần, và nó đến thăm tôi lần thứ hai. Huân, Biên và Thành thay phiên nhau lên chơi với tôi mỗi tuần. Chúng nó thường nói cho tôi nghe mọi sinh hoạt tại Saigon. Huân bảo :

— Mày đen quá, nhưng trông mạnh ra và không gầy chút nào.

Tôi cười :

— Chuyện, phơi nắng 8 giờ trong ngày ở bãi tập, chưa kể thời gian di chuyển, cũng ngoài nắng.

Nó lại hỏi :

— Ngày nào cũng vậy sao ?

đường hẻm, dãy phố

Truyện của Vũ Quỳnh

— Trung bình mỗi tuần học bãi ba ngày, nhưng những ngày học ở trong trường cũng phải đi « một, hai » ngoài nắng chứ.

Nó dồn dập hỏi về nếp sống của tôi :

— Ăn uống ra sao, mày học có nổi không ? Và nghe nói kỷ luật nặng nề lắm, phải không mày ?

Tôi tuần tự trả lời nó :

— Tao nghe nói, kỷ luật nhà binh là kỷ luật sắt, nhưng theo tao, thì cũng vừa sức chịu đựng của con người, không phải quá cay nghiệt như người ta tô vẽ. Về ăn uống thì tao chưa quen với lối ăn « ô ạt » ở đây, nhưng đã có câu-lạc-bộ. Tao tự thấy đủ sức theo học Đại khái là như vậy. Nói theo kiểu nhà binh « của tao » : báo cáo xong.

Huân bảo rằng, có lẽ nắp đến lượt nó rồi đấy. Và nó sẵn sàng đi. Tôi nghĩ : mình đã làm kẻ thử lội nước đầu tiên một cách hữu ích. Bỗng như nhớ ra điều gì, Huân reo lên :

— A, tuần này có chuyện lạ. Kim nó thi rớt và nó uống thuốc ngủ, nhưng trong nhà biết được, cứu sống ; và Thu đỗ hạng bình thứ. mày biết chưa ?

Tôi chưa được biết, nhưng cũng tỏ thái độ như đã biết :

— Thu nó học giỏi, đỗ bình thứ là phải, tao không lấy làm lạ ; tao chỉ ngạc nhiên ở chỗ Kim uống thuốc ngủ thôi. Sao thế nhỉ ? Và chúng tôi quanh quẩn với vấn đề tự tử. Tự tử vì hỏng thi, tự tử vì tình duyên dang dở, tự tử vì quốc gia đại sự, v.v .. Nói để cho có mà nói, bởi vì tôi thấy, dù với nguyên do nào, tôi cũng không bao giờ tự tử ; những người tự tử, đối với tôi, đều là kẻ thua cuộc. Và tôi, nếu có thua cuộc, cũng không tự tử. Tôi không muốn thua cuộc hai lần. Tôi đã có sẵn định kiến đó. từ khi tôi ý thức được cuộc đời này ; cho nên, mỗi lần đón tin một người tự tử, tôi đều ngơ ngác, không chấp nhận và như có vẻ tiếc rẻ.

Huân kể chuyện Thu thi đỗ và Kim tự tử bằng sự dửng dưng ngang nhau, không có một dấu hiệu nào tỏ ra xúc động. Nó reo lên vì tìm ra chuyện để nói, cho đỡ tẻ nhạt, đối với chuyện thi đỗ cũng như đối với chuyện kẻ chán đời tự tử. Vậy thôi. Buổi trưa, hai đứa ôm nhau ngủ dưới gốc cây.

Những tuần lễ kế tiếp, đều đặn và nhọc nhằn. Tuần thứ chín, chúng tôi được về thăm gia đình. Ai cũng nao nức, chỉ trừ có tôi (tôi nghĩ thế). Chín giờ, lễ gắn alpha xong. rất cả đều ướt như chuột.

Mấy bữa nay, trời cứ mưa về đêm. Dù mưa, dù ướt, người ta vẫn túa ra đi tìm thân nhân, gọi nhau ơi ới.

Tôi xuống xe bus ở đầu đường Phan thanh Giản, và gọi cyclo đạp về nhà. Phố B. đã vắng, vì trời mưa. Thường ngày, bọn thằng Thành và tôi vẫn đứng ngay đầu hẻm để « xem » người ta nườm nượp đi ăn chả cá — vì phố nhà tôi có hai tiệm chả cá nổi tiếng là ngon—Bây giờ chắc chúng nó đã ngủ cả rồi. Thấy tôi đứng ở khung cửa, Thảo nói lớn :

— Anh Kha về.

Nó nói lớn chứ không rạo. Mẹ tôi, anh Hai và chị Hiền chạy ra. Tất cả đều nhìn tôi. Tôi không thưa gửi gì. Ba tôi cũng chậm chạp bước ra. Ông nói :

— Thằng Kha về đó hả ? Thay quần áo đi, kẻo bệnh bây giờ. Tôi vâng dạ, đi vào trong thay đồ ngủ

Sáng hôm sau, tôi quen lệ tại quân trường, thức giấc lúc 5 giờ rưỡi sáng. Mẹ tôi cũng đã dậy, sửa soạn đi chợ. Những ngày tại Thủ đức vào giờ này, chúng tôi chuẩn bị đi bãi, hay phải mặc đồ thể dục để đi ra vũ trường. Tôi vớ nhằm một quyển tiểu thuyết bán chạy như tôm tươi. Học bắt cứ cái gì ! Tôi gặp đoạn hai thầy trò đang tình tự với nhau ở một tỉnh nhỏ. Tò mò đọc tiếp đoạn văn trữ tình. Hết đoạn đó, tôi gấp sách lại nghĩ vẩn vơ.

Hơn bảy giờ, bọn Huân rủ tôi đi ăn sáng. Sáng thứ bảy, người ta vội vàng, chỉ có tôi là thong dong. Tình trạng nhàn rỗi càng làm cho tôi thấy mình xa lạ với những kẻ chung quanh. Ăn xong, Huân và Thành đi làm, chỉ còn lại thằng Biên đi chơi với tôi, vì nó còn được nghỉ hè. Chúng tôi đi lang thang đến trưa mới về. Cơm xong, tôi lên gác ngủ một giấc ngon lành.

Gần 4 giờ chiều, thức giấc ; tắm rửa xong, tôi ra gọi bọn thằng Huân. Tụ tập ở đầu hẻm nhà, tôi sống lại những cảm nghĩ quen thuộc cũ. Saigon vẫn thế, chiều thứ bảy, người ta cũng lộn rảng ăn uống, vẫn giàu có như thường ; và con đường phố nhà tôi, vẫn từng ấy thứ. Đầu này là mảnh tường vàng vọt của đất Thánh Tây, đầu kia là con đường ngang chợ, trước mặt là lối ra nhà thờ. Chúng tôi kéo nhau đi ăn bò viên. Không biết từ mấy năm nay rồi, xe bán bò viên này đã đến, nối liền cuộc đời với rạp chiếu bóng, với khu phố chợ, với con đường hẻm ẩm ướt này... Tất cả thứ đó, cũng như cả khu phố này, cũng như tôi, đều sống một cách vô ý thức. Từ thuở còn là học trò, tôi đã ăn bò viên, khi là sinh viên, tôi vẫn còn ăn, và bây giờ, tôi vẫn tiếp tục ăn, và có lẽ sẽ còn mãi mãi. Mỗi buổi chiều, bỏ ra một đồng để đỏ tảo cáo, trúng được nhiều, cứ để đó ăn dần, có khi thua hết cả năm, bảy đồng, đành ăn thiếu nợ Người con gái bán bò viên. đã bán cho chúng tôi ăn từ thời cô còn bé xíu, nay đã trở thành cô thiếu nữ, nhiều khi không nói chuyện bằng lời Bốn đứa chúng tôi là khách hàng trung thành của xe bò viên cô Năm. Mỗi lần chúng tôi đến ăn, cô Năm nhìn chúng tôi, cười bằng mắt, và tôi gật đầu, cười chào cô. Bốn đứa ăn gì, cô đều biết hết. Không cần hỏi han, cô làm bốn chén cho bốn đứa, mỗi chén đã theo lời dặn dò từ bao giờ, với gân, với thịt, với lòng, vân vân... chúng tôi vừa ăn, vừa trêu ghẹo cô. Cô Năm chỉ cười. Cũng không biết chúng tôi sinh chứng, trêu ghẹo cô từ hồi nào, và những lời trêu ghẹo đã lập lại bao nhiêu lần. Nhưng cô Năm không bao giờ tỏ ra khó chịu với những khách hàng quá quen.

Xe bò viên giờ này đông người ăn quá, bọn chúng tôi đi tìm bốn cái ghế, chen lấn lấy chỗ ngồi. Không có cô Năm. Chúng tôi phải dặn dò người mẹ làm theo ý của mỗi đứa chúng tôi. Những lời này chúng tôi đã từng dặn dò cô Năm từ bao nhiêu lần về trước. Tôi hỏi người mẹ :

— Cô Năm đi đâu ? Thím.

Người đàn bà vừa làm việc, vừa trả lời :

— Hồi này nó đi theo chồng nó rồi !

Những lời nói ra đó, không có vẻ gì là một câu nói đùa. Tôi quay nhìn thằng Biên. Nó bảo :

— Ừ nhỉ, bọn tao quên «báo cáo» với mày là cô bán bò viên đi lấy chồng rồi.

Tôi bỗng nghe trong người mất mát một cái gì. Đưa tay lần sờ tìm trên lưng, trên ngực... tôi thấy tất cả đều còn đó ! Chúng nó (mấy thằng bạn của tôi), coi chuyện một cô gái thi đỗ bình thứ, chuyện uống thuốc ngủ của đám con nhà giàu, những cuộc nọ cơm rượu mới là quan trọng, còn chuyện cô Năm đi lấy chồng, chúng nó quên đi. Không thể được. Tôi phản đối sự hất cẳng đó. Người ta nhân danh cái gì để coi điều này hệ trọng hơn điều kia ? Tại sao chúng nó chỉ nói đến chuyện những cô gái đi học, những thằng bạn hiết đi nhảy đầm ? Tại sao chúng không nhớ đến cô Năm ? Người con gái đã liên kết cuộc đời tẻ nhạt này với bao nhiêu người bằng những giấc ăn chiều thật đạm bạc ít ỏi, nhưng rất ngon miệng ! Bỗng nhiên, bao nhiêu kỷ niệm trong một khoảng thời gian nào đó, chồm dậy, quay cuồng như từ tiềm thức dẫn nhau ra tung hoành trong tôi. Hàng ngàn buổi chiều trong quãng đời niên thiếu, tôi đã ngồi đây, tôi đã ăn bao nhiêu chén bò viên ngon ngọt, đậm đà ; và những ánh mắt, nụ cười những câu đùa cợt. Tất cả chỉ nhìn tôi bằng đôi mắt, lạnh lùng, duy cô Năm nhìn tôi trò chuyện. Chưa một lần tôi tự hỏi mình, đôi mắt tôi đã tâm sự những gì với đôi mắt người con gái kia ? Chưa một lần tôi ý thức được rằng, chỉ có những buổi chiều ngồi với các bạn quanh xe bò viên, chính là những lần tôi giao hòa tình cảm. Vâng, chỉ có những lần tôi ra đây (đếm lại có đến cả nghìn lần), ăn hai chén bò viên, là những lần lòng tôi ấm lại. Từ lúc tôi biết vui theo bạn bè, chỉ có cuộc giao thiệp giữa tôi và cô Năm là điều hòa chừng mực, là thân thiết ấm áp. Mỗi buổi chiều trong trọn cuộc đời thơ ấu, tôi đã chuyên cần ra ngồi trò chuyện với đôi mắt cô gái bán bò viên. Những cuộc chuyện trò câm lặng, nhưng tôi chưa hề bỏ quên bao giờ. Tôi ra ăn bò viên, như đi từ nhà đến trường Đồ Chiểu thời ở tiểu học đến Võ trường Toản thời lên trung học. Cũng quen cả đường đi lối về, với con đường ngõ hẻm, dãy phố ngã ba và cả giấc đi, giấc về của cô Năm với chiếc xe bò viên. Tất cả là kỷ niệm, đi vào trong tôi, làm thành cuộc đời tôi .. Những lần đi chầm thi, tôi nhớ những chén bò viên về chiều, nhưng tôi biết chắc chắn rằng : sau đó vài tuần, tôi sẽ trở về, sẽ ra ngồi đây, mắt nhìn mỉm cười và ăn bò viên. Ngay cả hôm tôi đi trình diện nhập ngũ, tôi vẫn tin rằng tôi sẽ trở về đây, ở xóm này, với những buổi chiều như cả ngàn buổi chiều trong quá khứ.

Bây giờ tôi ngồi đây, ăn bò viên như nhai sỏi đá, uống nước đắng cay. Bỗng nhiên tôi thấy chua xót trong lòng. Bây giờ tôi mất những ánh mắt nụ cười, ngày mai tôi mất con đường, dãy phố, bức tường vàng-vọt của đất Thánh Tây, ngôi nhà thờ với tiếng chuông đồ hồi mỗi buổi sáng...

Tôi chợt nhận thấy : trong bao nhiêu năm, tôi có bao giờ nghĩ rằng, tôi sẽ mất nguồn vui khi ngồi trước chén bò viên như chiều hôm nay ? Tôi thắng thốt vì chợt biết mình vừa đánh mất những vật sở hữu thân thiết, những thuộc hữu gắn bó trong con người, gắn bó đến nỗi tôi không biết có nó, cho đến khi nó bung ra khỏi tầm tay của mình.

●

Tôi đứng dậy trả tiền, và nói cười theo lối cuốn của mấy thằng bạn. Chúng tôi đi trên đường này, như đã đi từ hai mươi mấy năm trời, với tất cả những gì quen thuộc cũ : bức tường vang vọt của đất Thánh Tây, và lối xóm, và đường hẻm, và dãy phố này là của tôi, thuộc về tôi vì nó trói buộc với tôi suốt hai mươi mấy năm trời.

Cơm đã dọn xong, Thảo lên gọi tôi nhưng tôi bảo còn no. Nằm trên đi-văng, tôi nghe ba tôi, anh Hai, chị Hiền và Thảo trò chuyện nói cười. Tiếng vọng lại thật xa. Tôi nghĩ : đó là không khí gia đình. Tôi lắng tai nghe. Tiếng nói cười như càng lúc càng gần lại. ■

thơ và lẽ chết

TRẦN TUẤN KIỆT

KHI người ta bận đi tìm ý nghĩ của thơ thì riêng đối với tôi thơ không có ý nghĩa gì cả. Con người ôm niềm cô đơn từ thuở lọt lòng rồi chết đi trong niềm cô đơn buốt giá vô cùng. Mọi ý nghĩa của đời cơ hồ phi lý. Tôi làm thơ không để bài giải điều gì, không là một điệu nói cảm thông nào với ai cả. Thật là thế. Bởi vì chưa chắc lời nói của mỗi-mỗi con người chúng ta có thể hiểu được nhau. Rốt cuộc rồi lòng đất sẽ vỗ về và an ủi chúng ta tất cả. Thơ ở lẽ đó. Ở về phía lẽ chết. Khi đó thì mộng tưởng mới hiện hình. Và ngôn ngữ thì như mặt đất để phản chiếu lên ánh sáng của mộng tưởng Nếu ở trong thơ của tôi từ trước đến giờ có nói về tình yêu thương, sự phẫn nộ hay tìm về an ủi của một nguồn đạo nào đó thì thật sự không phải là thơ. Thơ lại không phải là một thứ nền tảng của lịch sử nhân gian. Thơ không chứa đựng để tự phát hiện năng lực của tinh thần Ma thơ là một thứ mường tượng như Lão Tử đã cảm ngộ được. Gọi là Nhiên Năng (Đạo Đức Kinh) một cái lực vô hình và nếu có Thượng Đế ắt hẳn Thượng Đế cũng nhờ đó để hoạt động trong cõi vô hình kia. Những người đạt được lẽ kỳ diệu đó hẳn sẽ phải trả một giá rất đắt. Mà người ta thường gọi là định mệnh thê thảm của thần chết ám như lời Nguyễn Du — *Cổ kim hận sự thiên nan vấn* Như Hàn mạc Tử đã viết được những câu :

những nét buồn buồn tơ liễu rũ
những lời năn nỉ của hư vô

Như đời sống cúi sâu nào cõi bờ vô hạn của Rabindranath Tagore sau khi chịu đựng mọi tai ương hắc ám của gia đình vợ con lần lượt qua đời, ông viết tập Gitanjali, một sự cảm ngộ và thỏa hiệp với Thượng Đế. Tiếng thơ *nếu có suy niệm* : thì thật sự cũng là triều suy niệm về lẽ tử sinh, con người đối diện với hư vô thăm thẳm kia và tìm ra một chiếc cầu nối liền âm dương bền vững cho tâm hồn người sống. ■

thư ngỏ cùng thi sĩ traian

CHINH YÊN

nhìn lại thơ hôm nay

TRẦN ĐỨC UYÊN

TỐI đó, tôi và Trần dạ Từ đến chơi Thanh Tâm Tuyền. Sau khi an vị, chúng tôi được chủ nhân khui la de mời uống Tôi không uống được la de, chỉ nhấm nháp chút đỉnh nước trà, ngồi nghe ông Tuyền nói chuyện về thơ. Ông Tuyền mặc quần sà lỏn ngồi co chân trong chiếc sa lông mây rộng, tay cầm thuốc lá, phì phèo hút. Ông Tuyền bảo « thơ bây giờ tôi gọi là thơ bị đau ».

Tôi mỉm cười. Trần dạ Từ hỏi : « Lâu nay anh có làm được thơ mới không ». Ông Tuyền đáp : « Không, làm không được nữa. Tự nhiên thấy khó, không dám làm. Vả lại chưa tìm được cái gì mới. Tôi thấy thơ bây giờ càng ngày càng thu hẹp lại, rút gọn vào trong cái « tôi », để cuối cùng chỉ có mình hiểu được thơ mình ».

Dĩ nhiên ông Tuyền nói tôi chỉ nhớ được ý chính rồi viết ra như thế, chứ không phải nguyên văn. Nhưng lúc đó tôi cho rằng ông Tuyền khôn ngoan và sáng suốt lắm. Chả gì trên đất nước này ông cũng đã là người đầu tiên khởi xướng phong trào thơ tự do, thế mà bây giờ ông cũng đành phải công nhận thơ tự do đang đau. Đau gì tôi không hiểu và ông Tuyền cũng không nói ra. Lúc về nhà suy nghĩ, tôi nhận thấy có lẽ thơ của chúng ta hôm nay đang mắc bệnh thiếu máu.

Bệnh thiếu máu trong cơ thể học là một bệnh ít nguy hiểm, không hay lây, nhưng nó làm cho mặt mũi xanh lè, nước da tai tái, người yếu, thường mệt mỏi. Đó, thì thơ của chúng ta hôm nay có khác gì. Luẩn quẩn mãi, loanh quanh hoài vẫn chưa tìm được lối thoát, cứ đi sâu vào bế tắc, lớp này chồng lên lớp khác, chưa tạo được cái không khí cần thiết để nẩy nở và sinh tồn.

Thơ thiếu máu tức là thứ thơ không gây được cảm súc cho phía người đọc, vì thiếu chất thơ, thiếu tâm hồn của người làm thơ. Ngày nay hình như chúng ta làm thơ bằng lý trí nhiều hơn tâm hồn và có người mang cả triết học vào trong thơ, làm thơ bằng lý luận. Ngớ ngẩn, khôi hài và tội nghiệp. Thơ không thể nào diễn đạt được những điều triết học muốn nói. Lồng triết học vào trong thơ là giết thơ, là cầm dao đâm vào sau lưng thơ, phản bội thơ. Chẳng hạn chúng ta không thể rung động nổi với một bài thơ theo kiểu triết học nhập môn, định nghĩa tập quán là gì. Chúng ta phải hiểu thơ bằng hết mình danh từ, dù là thơ tự do hay đường luật. Thi sĩ có quyền đưa tư tưởng vào thơ, nhưng đừng mang sỏi đá xếp thành thơ rồi bắt người đọc phải thưởng thức.

Tôi thường may mắn được đọc những bài thơ của các thi sĩ miền Bắc. Đọc khá nhiều. Trong một lúc rỗi rảnh tôi đã tần mần ngồi phân loại các bài thơ đó. Tôi phân ra mấy loại : thơ tuyên truyền, thơ nô lệ, thơ trồng tỉa chăn nuôi và thơ gây lộn. Bốn loại tất cả. Và tôi đã nghiệm ra rằng bất cứ bài thơ nào của các thi sĩ miền Bắc cũng rơi vào một trong bốn loại đó. Thí dụ Chế Lan Viên viết :

« Phương Nam nguyện hái hoa màu lửa. Cho thỏa lòng mơ bạn Bắc Kinh », thì đó là thơ nô lệ.

Ở Miền Nam, chúng ta được thoải mái, dễ dàng hơn trong việc sáng tác. Nhưng chúng ta đã viết được gì, có bao nhiêu tập thơ giá trị xuất bản từ năm 1954 đến nay ? Và ngay cái việc trối bỏ hình thức diễn đạt cũ, để bước sang tự do, chúng ta hãy kiểm điểm lại, xem

ANH Traian (1)

Anh còn nhớ không, trong buổi tiếp chuyện cùng ông biện lý George sau bữa cơm chiều tại nhà mục sư Koruga, anh đã nói một câu nguyên văn như thế này : « Tôi là thi sĩ. Tôi có một giác quan mà người khác không có và nhờ đó tôi biết được tương lai. *Thi sĩ là nhà tiên tri.* Tôi buồn vì tôi là kẻ đầu tiên nói chuyện bi thảm. Nhưng sứ mạng thi sĩ của tôi bắt tôi phải nói. »

Anh Traian, dĩ nhiên tôi thừa biết, anh còn mệt vì ảnh hưởng của chuyến đi xa mới về. Nhưng dù sao tôi cũng tin anh có đủ sáng suốt và bình tĩnh trong lúc nói chuyện cùng ông George. Câu chuyện thoạt tiên có vẻ khôi hài nhưng dần dà và sau có vẻ nghiêm trọng.

George đã thôi đùa cợt trước lập luận vững chắc của anh. Theo tôi đó là thành công lớn của anh trong việc thông báo cho mọi người hay biết giờ thứ hai mươi lăm, « *giờ mà mọi cứu cấp đều vô ích* ».

Anh Traian, sự xuất hiện của anh, của thi sĩ trên cõi đời này là điều xúi quẩy cho cuộc sống tầm thường. Các anh là sứ giả của Hoài Nghi, kẻ cuồng ín của Tuyệt Vọng, người tình chung của Cô Đơn. Bằng trí tưởng tượng phong phú, các anh tạo nên những trái mìn Đau Khổ. Bằng trí tuệ minh mẫn, các anh tạo nên những điều Phi Lý. Bằng ngôn ngữ, các anh tạo nên Chán Chường. Các anh là *người-ở-đời* nhưng các anh không chịu thích nghi với không gian mà các anh cư ngụ. Các anh là những thân phận bi đát, lạc lõng và xa lạ.

Anh Traian, tôi báo cho anh một tin buồn là George đã chết. George đã chết vì sợ hãi, vì tinh thần căng thẳng. Sau buổi tiếp xúc với anh, George biếng ăn, biếng ngủ, biếng nói, biếng cười. George không còn là George của Vô Tư của Hồn Nhiên của Giản Dị. Vẻ mặt của George lúc chết trông thật khủng khiếp. Miệng há hốc. Mắt trợn trừng Tay chân co quắp Trước cái chết của George, anh nghĩ gì ? Anh có còn can đảm nói lên những bi thảm mà đáng lý ra chỉ cần hiểu ngầm ? Thú thật với anh, tôi hết can đảm. Tôi đâm ra sợ tôi, sợ cái thiên chức của nhà thi sĩ. Mặc dù hoàn toàn đồng ý với anh quan niệm thi sĩ là nhà tiên tri nhưng tôi không dám thành thật nói những điều mình biết. Bởi vậy tôi không coi tôi là thi sĩ với tư cách là *thi sĩ tiên tri*. Tôi chỉ coi tôi là *người làm thơ*. Một người *không muốn tham vọng* mà chỉ *thèm ước muốn*. Tôi mong sao trong thơ tôi không còn nước mắt và tuyệt vọng. Không bi thảm hóa những điều vốn đã bi thảm. Muốn thế, tôi cần phải có thái độ dửng dưng trước cái chết, tiết chế cảm xúc được chừng nào hay chừng ấy. Tôi cần phải xa lánh trí tưởng tượng thuần túy vì, đúng như Horace đã nói, trí tưởng tượng thuần túy chỉ hình thành những quái vật. Tôi cần phải có óc hài hước trước mọi chuyện. Chiến tranh ư ? Ồ, có gì đâu, ta cứ gọi là Nữ Hoàng, một thứ nữ hoàng đẫm máu, một bloody sire của nhà thơ Hoa kỳ Robinson Jeffers. Súng nổ ư ? Ồ, có gì đâu, đó là « *những lời nguyền rủa huyền diệu* » (prodigious blasphemies) (2)

Chính tinh thần hài hước này dù chưa chắc tạo được cho ta *nguồn hạnh phúc ở đời* nhưng ít ra cũng giúp ta thêm nghị lực để mà sống, sống một cách nhẫn nại và can trường.

Anh Traian, bây giờ tôi là như thế đó. Anh có thể gọi tôi là thi sĩ thấm mệt, một thứ *thi sĩ không thi sĩ*. Tôi không giận anh đâu Nhưng xin lỗi anh, anh nên hiểu dùm, tôi là công dân của một nước nhược tiểu. Chiến tranh không phải bây giờ mới có mà đã có từ lâu. Chúng tôi đau khổ quá rồi nên không cần những thi sĩ tiên tri vô vọng. Chúng tôi dù thấm mệt nhưng chúng tôi chưa đến nỗi tuyệt vọng. Chúng tôi vẫn *hiện hữu*, anh nhớ cho điều đó. Chào anh.

Chinh Yên

---

(1) Tên của một nhân vật trong cuốn. La Vingt-Cinquième Heure của Gheorghi

(2) Câu thơ của R. Jeffers nguyên văn như thế này :

It is not bad. Let them play.
Let the guns bark and the bombing-plane
Spkeak his prodigious blasphemies...
(The Bloody Sire)

DOÃN VĂN

CỦA NHIỀU NGƯỜI VIẾT

chúng ta đã gây được ý thức gì cho người đọc. Đành rằng cuộc cách mạng nào cũng cần đến thời gian, chúng ta phải chờ thời gian mới hoàn thành được cuộc cách mạng văn học nghệ thuật này, nhưng nếu cứ quanh quẩn mãi, rút mãi vào trong cái « tôi » vỏ xò vỏ hến, thì hàng ngàn năm sau chúng ta cũng vẫn thế.

Trên địa hạt thơ, sự đổi mới hình thức rất mạnh, rất rõ rệt. Hơn hai phần ba những người làm thơ ở đây dứt khoát đứng vào hàng ngũ chúng ta và các tác phẩm thơ in ra phần nhiều là thơ tự do. Như vậy chúng ta đông đảo và có hậu thuẫn. Nhưng tại sao cho đến bây giờ, chúng ta vẫn chưa có gì đáng kể. Tôi quả quyết thơ hôm nay không phải chỉ dừng lại đó rồi thôi. Nhưng tôi lại mơ hồ cảm thấy, thơ hôm nay hình như không muốn tiến lên hay vì mỏi mệt đã bước đi không nổi nữa. Đích thị thơ hôm nay thiếu máu rồi.

Người làm thơ phần đông đang ở trong tình trạng bế tắc, không viết nổi, hay có viết cũng chỉ gượng gạo. Lớp sau dập khuôn của lớp trước. Lớp trước cố làm mới song loanh quanh một chập lại rơi vào cái cũ. Tôi muốn nói cái cũ của nội dung. Thi sĩ hôm nay đang dần dần đẩy thơ đến chỗ buồn nản, không gây nổi ngạc nhiên và hào hứng cho người đọc nữa. Đọc những tập thơ đã xuất bản hay những bài thơ in trên các tạp chí, chúng ta thấy rõ ràng thơ chưa có đường thoát, cũng vẫn chỉ ca tụng ái tình lảm nhảm, đưa ra cái « tôi » vỏ xò vỏ hến hoặc cùng lắm thì lại nói về thân phận con người. Những vấn đề này các thi sĩ đi trước chúng ta cũng đã nói tới rất nhiều. Khác chăng là hình thức để diễn tả và lối nhìn vấn đề. Nhưng chính vì cái hình thức xộ lệch của chúng ta mà thơ hôm nay không được phổ biến sâu rộng. Người đọc, lúc đọc thấy hay nhưng lại quên ngay, không thể thuộc lòng nổi. Đó là một khuyết điểm của thơ bây giờ. Bởi khuyết điểm này, tôi cho rằng cái nhạc trong thơ tự do cần thiết vô cùng. Người làm thơ tự do không gây nổi nhạc là người làm thơ bất lực và bài thơ do ông ta làm ra chỉ là bài thơ chết, vô hồn. Thơ đã vô hồn thì không nên gọi là thơ nữa, dù bài thơ đó chi chít những hình ảnh và màu sắc xanh, tím, đỏ. Còn về lối nhìn, thú thật nhiều khi tôi nhận thấy chúng ta lầm cầm và cầu kỳ. Chúng ta mải mê sáng tạo, khám phá nên quên cả yếu tố cần thiết của thơ, đó là hồn thơ. Sở dĩ tôi nhắc đi nhắc lại tiếng « hồn thơ » là vì chúng ta đang bỏ rơi nó, trong khi nó chính là máu tạo nên sức sống của thơ hôm nay.

■ xem tiếp trang 30

FRANÇOIS SONKIN

CLAUDE NERON

JEAN-LOUP TRASSARD

những khuôn mặt mới

Nghệ Thuật số 10 đã trình bày sáu khuôn mặt mới trong văn chương Pháp, và sau đó chúng tôi hay tin trong sáu khuôn mặt kể trên đã được trao những giải văn chương quan trọng : Goncourt cho Jacques Borel với tác phẩm L'Adoration, và Médicis cho René-Victor Pilhes với quyển La Rhubarbe. Lần này, Nghệ Thuật lại xin giới thiệu tiếp sáu khuôn mặt mới khác, trong đó có nhà văn Georges Perec vừa nhận được giải Renaudot với tác phẩm «Les choses». Perec thuở nhỏ theo học ở trường trung học Claude-Bernard, cùng với các nhà văn trẻ nổi tiếng Jean-René Huguenin mà tác phẩm độc nhất : La Côte Sauvage của ông đã làm xôn xao giới văn học Pháp một thời.

Sau đây là những câu hỏi đặt ra theo thứ tự mà độc giả có thể theo dõi ở phần trả lời của từng nhà văn.

1.— Phiếu hộ tịch văn chương của ông ?

2 — Ông là ai ?

3.— Ông viết từ hồi nào ?

4.— Ông có còn nhớ quyển sách đầu tiên ông đã đọc ?

5.— Và quyển mới đây ?

6.— Ông có thể tóm lược quyển sách của ông không ?

FRANÇOIS SONKIN
ADMIRABLE
(Les lettres Nouvelles-Denoel)

1.— Sanh ngày 14 tháng Bảy năm 1922. Bác sĩ phụ khoa. La Dame la quyển tiểu thuyết đầu tay xuất bản năm 1964, loại Les Lettres Nouvelles do Maurice Nadeau điều khiển.

2.— Một nhân chứng điên cuồng sùng bái tình cảm.

3.— Từ năm 1963, nhân những ngày nghỉ, sau một cơn khích động tâm lý. Tôi không thể chịu đựng nổi những người vây quanh tôi. Và tôi đã mô tả họ để mà thoát ra khỏi vòng vây đó. Ấy, chính nỗi khó khăn của sự « chịu đựng » đã dẫn dắt tôi đến chỗ viết lách.

4.— Don Quichotte. Tôi vẫn ưa thích nó như ngày xưa tôi đã ưa thích...

5.— Quyển Yvonne của Gombrowicz. Chính tôi, tôi cũng nhìn mọi người như Gombrowicz, nghĩa là giản lược và hơi máy móc một chút..

6.— Đọc. Admirable, hay nhờ vào tình yêu mà một người chết tìm thấy đôi phút hy vọng sự sống trước khi rơi vào hư không.

CLAUDE NERON
La Grande Marrade
(Grasset)

1.— Sanh ngày 21 tháng Mười Hai, năm 1926 tại Paris. Bỏ học năm mười ba tuổi và làm đủ thứ nghề như đày tớ, thợ làm gỗ mun, người bán da lông, chào hàng, tài xế tắc xi... Năm 1962, nhờ được hưởng một gia tài nên có thể yên tâm viết mà không lo đến ngày mai.

2.— Tôi cũng không hiểu nữa. Cứ cho là tôi sanh ở tuổi Thiên Ngưu, và cũng như mọi người sinh ở tuổi này, tôi là một người hơi chậm chạp nhưng bướng bỉnh gan lì.

3.— Từ năm 1962, nhờ vào cái gia tài mà tôi đã nói với ông ở trên. Chịu ảnh hưởng của ông tôi, August. Néron, tôi luôn luôn ham viết. Hay đúng hơn là kể chuyện. Tại sao ? Thì cũng như mọi người. để mà trình bày tư tưởng và để mà tự giải thoát.

4.— Có, đó là quyển Le Conscrit de 1813 của Erckmann Chatrian. Năm đó tôi mới 6 tuổi và tôi vừa mới biết đọc. Như thế cho đến năm 13 tuổi tôi đọc không ngừng những Walter Scott, Flaubert. Balzac, Maupassant... Và từ năm 14 tuổi cho đến năm 28 tuổi tôi xếp tất cả sách vở lại. Tôi cũng không biết rõ ràng là tại làm sao nữa. Có lẽ những ảnh hưởng bên ngoài, một hình thức hư vô trong tôi...

5.— LE FESTIN NU của Burroughs. Tôi thích lắm. Tôi đã mang quyển sách đó về nhân một buổi đi dạo, cũng như mọi bận. Nhưng ông biết không, không bao giờ tôi đọc từ đầu chí cuối một quyển sách, khi có đoạn mô tả, kiểu như « Ngôi nhà nhỏ nấp sau thung lũng », soạt, tôi bỏ đoạn ấy ngay.

6.— Hừm ! Khó quá. Nếu ông muốn thì đó là câu chuyện mà người ta nhận thấy không ai hoàn toàn xấu cũng không ai hoàn toàn tốt, đó cũng là câu chuyện của nhiều đôi lứa, và do đó của nhiều dằng co. Tóm lại, cũng chẳng có gì liên hệ với Céline như người ta vẫn nói.

JEAN-LOUP TRASSARD
L'érossion Intérieure
(Gallimard)

1.— Sanh ngày 11 tháng Tám năm 1933. Nghề tự do — để mà sống. Quyển sách đầu tiên, *L'Amitié des Abeilles*, xuất bản năm 1961 trong loại « Jeune Prose ».

2.— Hơn tất cả mọi thứ khác, tôi là tác giả của nhà Gallimard, được Jean Paulhan giới thiệu năm 1959.

3.— Thực ra, từ năm 10 tuổi..., nhưng có ích thì từ năm 24 tuổi.

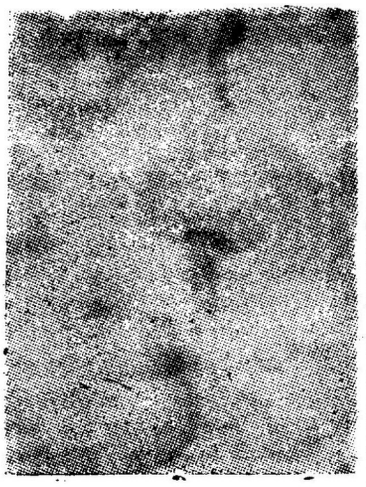

GEORGES PEREC

JEAN RISTAT

CHRISTIANE SINGER

trong làng văn Pháp

4.— Nếu nói về sách trẻ con thì không, vì phải trở lùi lại quá xa. Còn nếu nói về sách người lớn thì cũng không tuốt vì sự chuyển tiếp đôi khi khó thấy. Nhưng nếu nói về quyển sách đầu tiên dành cho người lớn khiến tôi xúc động, thì tôi có nhớ rõ ràng : quyển Les Nourritures Terrestres (của André Gide).

5.— L'AMOUREUSE INITIATION của Milosz.

6.— Những nhân vật chìm đắm trong sự giao tiếp với đất đá, cỏ cây và bị ám ảnh về sự sống và sự chết của những thứ này : mười hai truyện ngắn, tất cả như muốn phớt qua một tình trạng bất an nào đó.

GEORGES PEREC

Les Choses

(Julliard)

1.— Sanh ngày 7 tháng Ba năm 1936 tại Paris.

Trước kia cộng tác bất thường với *Lettres Nouvelles* và N.R.F. Vài bài đăng trên tạp chí *Partisans*.

2.— . . . ?

3.— Từ lâu. Gần gần 10 tuổi. Tôi bắt đầu bằng những bài phê bình ngắn bằng những lược khảo. Mới vững vàng từ ba năm sau này.

4.— Vingt Ans Après của Alexandre Dumas.

5.— Những quyển mới (bao giờ tôi cũng đọc ba hay bốn quyển cùng một lúc): La Défense Lovjine của Nabokov; L'histoire De La Folie à l'âge classique của Foucault; Les Essais Critiques của Roland Barthes, Beneto Cereno của Melville ; Mots-Croisés của Tristan Bernard.

6.— Có thể nói đó chuyện của một đôi lứa đứng giữa đời sống sinh viên và đời sống nghề nghiệp trong nước Pháp hiện tại. Họ cố gắng vô vọng, thỏa hiệp sự tự do, công việc làm và tiện nghi, hay đúng hơn những hình ảnh (quảng cáo, xã hội, văn chương) của tự do (ngủ nướng), của công việc (những giờ ở bàn giấy), của tiện nghi (bàn ghế, quần áo, *đồ vật*).

JEAN RISTAT

Le Lit de Nicolas Boileau et de Jules Verne

(L'inédit 10-18)

1— Sinh ngày 1 tháng sáu năm 1943 tại Argent-sur — Saulre (Cher).

Học tiếng Trung Hoa.

2.— Tôi là một người ngụy biện, nhưng là một người ngụy biện hỏng. Nếu ông muốn, tôi thử nối lại những gì tôi viết. Bởi trong sách tôi, tôi tự đồng hóa mình với Boileau, đó là một tiểu luận định nghĩa về cái tôi. Như vậy Boileau chính là tôi, nhưng tôi cũng thêm : Boileau là kẻ khác — có lẽ là Jules Verne, nghĩa là cái khả hữu. Nhưng nói về mình là điều chướng tai.

3 — Từ năm 11 tuổi. Khởi viết nhân đọc Lamartine trong dịp lễ Noel. Tôi xấu hổ. Lamartine chẳng là cái gì cả. Sự thực bất cứ quyển sách nào cũng có thể đưa tôi đến chỗ viết hơn. Tôi bắt đầu viết bằng sự truyền nhiễm. Lúc nào người ta cũng bắt đầu bằng đạo văn phải vậy không ? Vả chăng phải phục hồi quyền đạo văn trong văn chương ?

4.— Tôi luôn luôn bị thứ văn chương quái dị, những chuyện cổ tích và thần thoại lôi cuốn. Trước tiên tôi đọc những tạp chí tranh ảnh, tôi đi xem chớp bóng, tôi còn nhỏ và chưa thiết đọc. Nhưng sau cùng tôi đọc Rimbaud và rồi Lautréamont.

5.— Bài khảo luận về Sade của Maurice Blanchot. Nhưng tôi đã đọc nhiều sách cùng lúc. Trên bàn đầu giường tôi có những bài thơ của Gracq, Holderlin, Gongora. Và hẳn nhiên là có cả Boileau nữa.

6.— Nỗi khó khăn bất tiện trong sách của Jean Ristat không cho phép làm công việc đó. Phải đọc nó và nếu là nhà phê bình văn chương, hãy « thảo luận » hụt hơi về nó.

CHRISTIANE SINGER

Vie et mort du beau frou

(Albin Michel)

1.— Cử nhân văn chương.

Les Cahiers d'une Hypocrite là quyển sách đầu tiên do nhà Albin Michel ấn hành năm 1965.

2.— Nếu không có những « chữ nghĩa » trong đời tôi thì tôi có thể là một nữ thánh (ma quỉ dưới hình thức phổ biến nhất chính là những chữ nghĩa). Tôi ý thức về điều thiện và điều ác, và một đam mê chân thực về nhân loại... Có một chữ mà tôi rất muốn được phát kiến là chữ « *philanthrope* » (người thương đồng loại).

3 — Từ khi tôi tự biện bạch mình. Trong nhiều năm như thế, tôi viết đầy trọn mấy quyển vở, trong đó, chẳng hạn, tôi trình bày 50 hay 60 trang tại sao

■ Xem tiếp trang 30

anh meaulnes

12

NHƯNG gã kia không lưu ý, tiếp tục một giọng đắc ý :

— Tôi muốn chết. Nhưng vì tôi không chết được nên tôi tiếp tục sống cho vui, như một đứa trẻ nhỏ, như một người bô-hê-miêng Tôi từ bỏ hết. Tôi không còn có cha, có chị, có nhà, có tình yêu chi nữa.. Hết, chỉ còn những bạn chơi.

Tôi nói :

— Những bạn chơi đó đã phản bội anh.

Gã hăng hái đáp :

— Đúng thế. Lỗi do một thằng cha tên là Delouche. Nó đoán rằng tôi sẽ ăn cánh với các anh. Nó làm cho bọn đàn em của tôi ban đầu ngoan ngoãn lắm trở nên mất tinh thần. Đêm hôm qua các anh đã thấy vụ tấn công chứ, thật là khéo điều khiển, mọi sự diễn tiến gọn gàng. Từ ngày nhỏ tôi chưa từng tổ chức được một vụ nào kết quả như vậy...

Gã đứng đó một lát ra vẻ suy nghĩ, rồi nói tiếp, khiến cho chúng tôi hoàn toàn không còn lầm tưởng gì về gã :

— Chiều nay tôi đến với các anh à vì một lý do tôi mới nhận thấy ban sáng : chơi với các anh thú hơn là với bọn những đứa kia. Thằng cha Delouche làm cho tôi chán quá. Mới mười bảy tuổi đã muốn làm người lớn ! Không có cái gì làm cho tôi ghê tởm hơn... Các anh có nghĩ rằng chúng mình có thể kéo nó lại được không.

Meaulnes đáp :

— Có thể được chứ. Nhưng anh có ở đây lâu với chúng tôi không?

— Tôi không biết nữa. Tôi muốn lắm. Tôi chỉ có một mình Ganache...

Bỗng chốc bao nhiêu sốt sắng, bao nhiêu vui vẻ của gã biến mất. Trong khoảnh khắc gã lại chìm vào thất vọng của cái ngày mà ý hẳn gã chợt nảy ý định tự sát. Gã bỗng nói :

— Các anh là bạn tôi nhé ? Các anh thấy chưa : tôi biết rõ sự bí mật của các anh, tôi lại bảo vệ nó chống với hết mọi người. Tôi có thể đưa các anh vào đúng những dấu vết mà các anh đã bị lạc mất...

Rồi gã trịnh trọng tiếp :

— Các anh hãy còn là bạn tôi ngày nào mà tôi lại chỉ còn có hai bước là tới địa ngục như đã có một lần... Các anh hãy thề là sẽ đáp lời tôi khi nào tôi kêu tới các anh, khi nào tôi kêu gọi các anh như vầy... (gã phát ra một tiếng kêu quái lạ : Hú-u !...) Anh, Meaulnes, anh hãy thề trước đi !

Và chúng tôi đã thề, vì, cho dù chúng tôi còn nhỏ tuổi, những gì long trọng và đứng đắn hơn mực thường đều làm chúng tôi say mê lắm. Gã lại nói :

nguyên tác của
ALAIN - FOURNIER
mặc đỗ
dịch

— Trả lại, đây là tất cả những gì tôi có thể nói với các anh được : tôi sẽ chỉ cho các anh căn nhà ở Paris mà cô gái ở tòa lâu đài thường có thói quen tới ở vào những dịp lễ Phục sinh và lễ Hiện xuống, vào tháng sáu và đôi khi một phần trong vụ rét.

Lúc đó, trong đêm tối, có tiếng người lạ mấy lần gọi từ ngoài cổng lớn. Chúng tôi đoán chừng đó là người bô-hê-miêng Ganache, hắn không dám hay không biết làm sao đi vào trong sân. Tiếng gọi của hắn thôi thúc, lo lắng, lúc thì to, lúc lại thật nhỏ :

— Hú-u ! Hú-u !

Meaulnes la lên với chàng bô-hê-miêng trẻ tuổi vừa giựt mình xốc lại áo để chạy đi :

— Nói đi ! Nói mau lên !

Chàng trẻ tuổi vội cho chúng tôi một địa chỉ ở Paris, chúng tôi thầm nhẩm lại. Rồi anh ta biến vào trong bóng tối chạy theo người bạn đồng hành đang đợi ở ngoài hàng rào sắt, để chúng tôi ở lại trong một tình trạng bối rối không thể tả được.

CHƯƠNG THỨ NĂM

Đêm hôm đó, vào khoảng ba giờ sáng, bà sương phụ Delouche, chủ quán ở giữa làng, thức dậy nhóm bếp. Người em chồng của bà ta tên là Dumas, cùng ở chung nhà, phải lên đường lúc bốn giờ. Người đàn bà buồn rầu đó, bàn tay phải co quắp vì bị phỏng nặng đã lâu, tất tả lo pha cà phê ở dưới bếp tối thui Trời lạnh giá. Bà ta khoác ra ngoài chiếc áo ngủ một tấm khăn quàng cũ, rồi một tay cầm cây nến, một tay—bàn tay có tật—che ngọn nến và sẵn áo đi ngang cái sân đầy những vỏ chai và thùng sà phòng, ra mở cánh cửa nhà chứa củi còn dùng làm chuồng gà nữa để lấy ít củi vụn. Nhưng vừa đẩy cánh cửa thì một chiếc mũ lưỡi trai được vung lên bay vèo trong không khí, một người nào đó từ trong bóng tối đen nghịt vùng lên làm tắt ngọn nến, đồng thời hất ngã người đàn bà và co cẳng chạy đi, trong khi đó đàn gà cả trống lẫn mái hoảng sợ kêu inh ỏi.

Lát sau bà Delouche bình tĩnh lại mới nhận thấy người đó đã đem theo mất trong cái túi hơn một chục con gà mái tơ tốt mã nhất.

Nghe tiếng bà chị dâu la, Dumas chạy tới. Ông ta nhận thấy tên ăn trộm đã dùng chìa khóa giả mở cổng vào chỗ sân nhỏ rồi khi bỏ chạy cũng theo lối đó. không kịp đóng cửa lại. Lập tức, vì đã quen với những trò đánh bẫy lén hay ăn trộm vặt ông ta thắp ngọn đèn xe, một tay xách đèn, một tay vác cây súng, cố gắng dõi theo vết tích không rõ rệt — tên ăn trộm chắc là chân mang giầy vải — đưa tới con đường đi về phía ga rồi mất hút ở bên hàng đậu một khu đồng cỏ. Buộc phải ngưng cuộc dò tìm lại đó, ông Dumas ngẩng đầu lên và đứng dừng lại.. từ xa xa, cũng trên con đường đó, có tiếng một chiếc xe đang phóng nước đại chạy trốn...

Về phần Jasmin Delouche, con trai

bà sương phụ, hắn cũng trở dậy vội trùm lên vai một chiếc mũ bồ đài, xỏ chân vào dép chạy đi thám thính ở quanh phố. Nhà nhà đều ngủ kỹ, mọi vật đều chìm trong bóng tối và sự im lặng nặng nề vào lúc trời sắp sáng. Đi tới ngã tư Quatre-Routes, cũng như ông chú, gã chỉ nghe thấy từ xa lắm, về phía đồi Les Riaudes tiếng một chiếc xe với con ngựa đang chạy tung cả bốn vó lên trời. Là một gã trai trẻ ranh mãnh và tự đắc, gã tự nhủ, cũng như sau đó gã nhắc lại với cái giọng nhè nhè rất khó chịu của vùng ngoại ô Montluçon :

— Bọn đó chạy mất về phía nhà ga rồi, nhưng không phải là ta sẽ không « chộp » được bọn khác ở đầu làng bên kia.

Trong sự im lặng ban đêm đó, gã đi ngược lại phía nhà thờ.

Trên công viên, trong cái nhà lăn của mấy người bô-hê-miêng có ánh đèn sáng. Chắc hẳn có người đau. Gã sắp tiến lại gần để hỏi xem có chuyện gì chợt một cái bóng lặng lẽ, một cái bóng chân mang giầy vải, từ khu Petits - Coins chạy vội ra, không ngó thấy ai hết, chạy tới chỗ bàn đạp bước lên xe...

Jasmin, nhận ra bóng dáng Ganache, vội chạy ra chỗ có ánh sáng và hỏi nhỏ :

— Này, có chuyện gì vậy ?

Ngơ ngác, tóc bơ phờ, cái miệng móm mỉm cười trông ghê sợ vì hắn đang hoảng sợ lại tắc thở, hắn thở hồng hộc đáp :

— Tại người bạn tôi đau... Chiều hôm qua y đánh lộn, vết thương lại chảy máu... Tôi vừa đi kiếm bà phước về.

Thật vậy, khi Jasmin Delouche hết sức nghi hoặc quay về nhà đi ngủ lại, gã đã có gặp ở giữa phố một bà phước đang bước vội.

Sáng ra, nhiều người trong làng Sainte - Agathe bước ra trước cửa với cặp mắt sưng lên và đục ngầu vì một đêm mất ngủ. Ai nấy đều cất tiếng trút nỗi bực tức, sự công phẫn lan tràn khắp phố như một dây thuốc nổ.

Ở nhà Giraudat người ta có nghe thấy vào khoảng hai giờ sáng một chiếc xe ngựa đậu lại và có người vội vã chất lên xe những cái bọc rơi bịch bịch. Trong nhà chỉ có hai người đàn bà nên chẳng ai dám động đậy. Sáng ra, khi mở cửa vào chỗ sân nuôi gà vịt, họ mới hiểu rằng những bọc đó chính là những con thỏ và gà, vịt... Lúc giờ chơi thứ nhất, Millie tìm thấy ở trước chỗ giặt quần áo nhiều cây riêm cháy dở. Mọi người kết luận rằng bọn chúng không biết rõ địa thế nhà tôi nên không vào được... Ở nhà Perreux, nhà Clément và nhà Boujardon, ban đầu người ta tưởng chúng đã ăn trộm cả bầy heo, nhưng sáng ra lại tìm thấy heo đang phá những gốc rau sà-lách ở vườn. Các bày heo đều được dịp cửa mở sẵn nên kéo nhau đi rong chơi đêm một chuyến... Hầu khắp mọi nơi đều bị mất trộm gà ; nhưng chỉ mất có vậy thôi. Bà hàng bánh mì Pignot, không chăn nuôi loài vật, than vãn suốt một ngày rằng có người ăn trộm mất của bà một cái bàn đập và nửa cân chàm, nhưng vụ này không hề được chứng minh cũng không được ghi vào biên bản...

Vụ náo động, sợ hãi và chuyện vãn trao đổi tin tức kéo dài cả buổi sáng. Đến lớp, Jasmin kể lại vụ phiêu lưu trong đêm tối :

— Chà, bọn chúng nó ranh lắm. Nếu chú tôi mà bắt gặp một thằng nào chú tôi đã nói trước là sẽ nã cho một phát như bắn con thỏ vậy.

Và hắn vừa nhìn chúng tôi vừa nói tiếp :

— Cũng may là ông không gặp Ganache, nếu gặp ổng dám bắn lắm. Ổng bảo chúng một bọn hết, Dessaigne cũng bảo thế.

(Còn nữa)

Quý Bạn đang thắc mắc về :

— TRANG TRÍ
— TIỆN NGHI
— MẦU SẮC
— TRƯNG BÀY

cho căn phòng và cơ sở của Quý Bạn

Xin mời lại :

NHÀ TRANG TRÍ và ĐỒ GỖ

beaubois

283/b Hai bà Trưng — SAIGON

nhà sách tinhhoa

51, TRẦN HƯNG ĐẠO SAIGON

PHÁT HÀNH ĐẦY ĐỦ NHẠC MỚI CỦA CÁC NHÀ XUẤT BẢN

bán sỉ và lẻ thiệp Noël chúc Tết

Văn nghệ và cuộc sống

Tiếp theo trang 9

13-12-65

Đọc Cô gái Đồ Long, chắc không ai nghĩ đến việc tra vấn tâm sự Kim Dung C huyện ly kỳ, quyền biến thành chưởng, chưởng biến thành trảo, trảo biến thành chỉ, giọng người kể chuyện có duyên. Thế thôi. Thế là đủ để độc giả mê man vùi đầu vào chuyện. Cuộc độc thoại có thể kéo dài dằng dặc. Trắng đêm, không tâm sự.

Không ai, một hơi, đọc hết 3000 câu thơ Đoạn trường Tân thanh. Hơn một lần, chúng ta đặt sách xuống bàn Giảng lớn Nguyễn Du lừng lững phía sau tác phẩm, lầm lì tỏa bóng úp chùm toàn thể tác phẩm. Chúng a nhiều lúc nghẹn ngào, đôi khi nổi giận Đạm Tiên theo dõi Thúy Kiều. Nguyễn Du trở thành một ám ảnh. Thúy Kiều chuồi mình theo sóng Tiền Đường.

Chúng ta rồi ngược hướng nhìn vào giữa lòng mình, rồi phân tích, rồi giải phẫu, dò hỏi, điều tra. Cuộc thẩm vấn đưa chiếc dẫn chúng ta tự vết tích tâm tư này đến vết tích tâm tư khác dìu chúng ta vươn lên khỏi lớp lớp, hưng vong triều đại, bắt chúng ta vững con sào độc mộc, ngược đà cuồn cuộn của sông Thời gian vốn bắt nguồn từ Trời mãi mãi chảy xuôi xuống mé Đại dương, xuống mé vô cùng tận. Đến đó, đến chặng cuối của cuộc độc hành đến trang cuối của hồ sơ thẩm vấn, đến lúc sửa mình đối chất cuối cùng với nhân chứng cuối cùng, chúng ta bỗng bàng hoàng—Chúng ta là một đam mê vô ích—Chúng ta cúi đầu : nhân chứng cuối cùng phải đối chất lại chính là lầm lì giảng lớn Nguyễn Du.

Tận cùng sâu thẳm lớp sóng Tiền-đường, vẳng lên một khúc đàn quen thuộc. Khúc Bạc mệnh. Giọng Đạm Tiên. Thúy kiều rẽ sóng bước lên bờ Thúy kiều chấp nhận làm người.

trong cơn khủng hoảng

CHINH YÊN

Khi sự hồn nhiên của tuổi trẻ không còn là cứ điểm cuối cùng của nghị lực
Tôi không còn tin mình có thể tạo hạnh phúc với tư cách cá nhân
Tôi không tin ý thức là vùng dung thân lý tưởng của hành động
Tôi không tin tư tưởng có thể thoát khỏi ngôn ngữ với tư cách bình đẳng và tự do
Tôi không tin tôi có thể nuôi dưỡng tình yêu ngoài sự phóng tỏa của luận điệu
Ngoài cuộc mai phục lặng lẽ của ngn si

Bởi vậy trong cơn khủng hoảng của thời đại mới
Tôi không ngạc nhiên trước sự phá sản của cảm xúc
Trước tính cách vô tư tàn nhẫn của giác quan

chủ nhật 65

NGUYỄN THÙY SONG THANH

buổi sáng thăm chàng ở trại nhập ngũ số 3
buổi chiều ở Saigon ngó ngực Diễm Thúy
buổi tối về nhà nghe nhạc Phạm Duy
nửa đêm chợt khóc khi con bú

chàng đứng đó tóc xù dã nhân
trong mộ mắt xanh bật sống dậy niềm đau cũ

kịp ngó lại
cỏ gai đã mọc um tùm trong đầu chàng sỏi đá
vết tích một thời kiêu căng
lòng tự mãn đã hái trụi những chùm hoa quý
chàng còn gì

khi nàng ca sĩ ấy nghiêng mình chào khán giả
vinh quang đậu sẵn trên đỉnh nhọn thân thể nàng
khi đôi cánh mềm của nhạc bay lên
chàng nhạc sĩ kia đã là người tình dân tộc
khi con trở mình lên tiếng khóc
trong hư không đang nứt mầm tin tưởng mai sau
chàng còn gì

thôi kể chi
chàng chẳng còn gì
ngoại trừ hy vọng như một đồng
nếm hoài cho hết cuộc bi thương
nếm hoài ôi tội nghiệp quê hương

và khi chiến tranh cho chàng sáng ống đạn được
tôi tìm cho chàng một phi phách riêng

□ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □ □

ĐÃ PHÁT HÀNH KHẮP NƠI

ĐI TÌM MỘNG ĐẸP

Tiểu thuyết tình cảm xã hội
của nhà văn **SĨ TRUNG**

Sách dầy 390 trang, Miền Nam xuất bản
bìa Offset 4 màu, giá 70 đồng

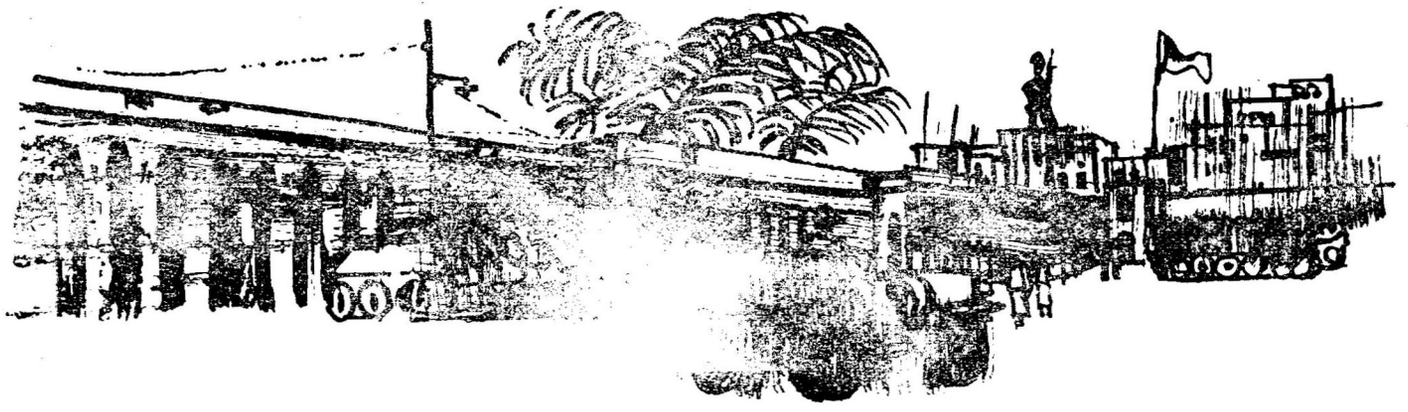

SƠN-NAM

BÃO RÓ'T

■ tiếp theo kỳ trước

Đè Tiết đỡ ngượng nghịu, Tân kéo chiếc ghế mây :

— Em ngồi đây.

Tiết thừ người. Bên kia bàn, ông Tây già đang hút « xi gà » chăm chú đọc quyển sách quá dày đầy bụi ngoài bìa. Kế bên, một mụ đầm mang kiếng, tóc bạc ông ánh màu bạch kim. Họ ngước mắt rồi cúi xuống.

Bàn chân của Tân nhún nhẩy, lanh lẹn. Đến ngay kệ sách, sát vách, Tân nghiêng đầu rút ra chồng báo khá dày, đóng bìa da.

— Em chép dùm bài nầy. Tài liệu lịch sử đáng tin cậy, Em xem cho biết ; báo in từ hồi bão lụt năm Giáp-Thìn 1904. Bài thơ về trận bão. Vè thì đúng hơn.

Màu giấy vàng khè, bốc hơi ẩm ướt. Ngón tay của Tiết sờ vào, nó lật tới để biết « Bài Thơ Bão » dài hay ngắn. Chao ôi ! Hàng đôi ba trăm câu lục bát. Nếu chép trọn bài, ắt hết buổi sáng đầy bão lụt tang tóc nầy, Tiết lật trở lại, chuẩn bị chép.

Lại một sự ngạc nhiên : trọn cái góc trang giấy đứt rời, dính gọn nằm giữa hai ngón tay ! Tiết lính quýnh, đỏ mặt liếc qua cô thơ ký. May quá. Cô ta cúi đầu đọc báo, chưa hay có kẻ đang phá hoại một tài sản nho nhỏ mà thư viện được hân hạnh tồn trữ, gần như độc quyền ở Đông Nam Á.

— Phá hại rồi. Chuyện như vậy mà em làm không xong. Hư của... người ta.— Tân cau mày, hối hận, cầm mảnh giấy rã rời ấy ráp vào trang báo.

Tiết ấp úng :

— Xin lỗi..

— Lỗi phải gì ! Lâu ngày, giấy nó « nổ », bất cứ trương nào. Sáu chục năm rồi. Anh sợ mất chữ trong bài vè. Lật làm gì mấy tờ đó, cho hư. Anh biểu chép thì cứ chép. Cái tật tò mò của em..,

Câu trách mắng ấy thật quá đáng. Tiết chẳng hiểu tại sao Tân mê sách báo đến mức ấy. Thư viện này của người Pháp. nói đúng hơn, do thực dân sáng lập. Chẳng lẽ Tân muốn « tồn cổ » để dành trang ấy cho các con cháu, 60 năm sau, chờ trận bão Giáp thìn năm 2 020 xảy ra. Chừng đó, Tân đã chết và tập báo cũ tan nát trở thành tro bụi này chắc hóa ra hàng triệu con vi trùng.

Để tránh cuộc cãi vã trước mặt...người ngoại quốc và cô thơ ký còn trẻ, Tiết đứng dậy, bước nhẹ nhẹ đến gần mấy ngăn để sách, giả bộ như muốn tìm tòi vài tài liệu quan trọng khác. Khổ thay, hầu hết là sách chữ Pháp, thứ sinh ngữ mà Tiết học lai rai, nhờ xem chiếu bóng, qua những tuồng có phụ đề, và tấm chương trình song ngữ : bên chữ Pháp, bên chữ Việt. Nó chú ý quyển sách khá dày, khổ to, lú ra ngoài. Bìa sách in màu « ốp xết » : hình pho tượng đá của một vũ nữ khỏa thân uốn éo, ngực to, đùi tròn, . . vô cùng khêu gợi, hấp dẫn Nó tưởng đến Hiền, cô bạn gái trên tỉnh Nếu chẳng có khách lạ trong phòng đọc sách, nó sẽ khoe với Tân một ý nghĩ « sôi nổi » :

— Gió mưa chưa làm mòn cơ thể bằng đá của cô gái trong tranh bìa. Vua chúa hồi thời xưa « chịu chơi » quá.

Bỗng nhiên, Tân xô ghế, đến gần Tiết :

— Đừng lục lạo. Để vào chỗ cũ, kẻo trật thứ tự ! Kỷ luật thư viện đó ! Em chờ anh một chút. Phần đầu của bài vè, anh đang chép, lựa vài đoạn linh động mà thôi ! Lời thơ quá xưa. Nếu buồn ngủ thì em ra ngoài kia, xem mấy pho tượng thật, về mỹ nghệ Chàm, hoặc mấy cái trống đồng được ở Thanh-Hóa.

Rồi Tân đến kệ sách đối diện, tìm quyển Tự - Vị Đại - Nam Quốc-Âm.

□

— Đuổi mình thì mình đi !

Cánh cửa thư viện hé mở, Tiết rón rén bước ra rồi khép lại, cười khoan khoái như vừa thoát khỏi một thế giới đầy bụi bặm. Từ lão Tây già đến Tân, đến mấy quyển sách mạ vàng, tất cả đều giống nhau ở sự im lặng dối trá. Nếu Sàigòn mà thiếu thư viện này thì thiên hạ cũng không hề hấn gì. Những nhà «trí thức rởm », sống ngoài lề xã hội nhưng toan đóng vai trò quan trọng đứng trên đầu cái xã hội đau thương. Ông Tây già kia làm nghề gì để sống ? Hùn trong vườn cao su, buôn á phiện lậu ? Tiết thường qua lại đường Tự Do, chứng kiến vài cảnh trao gan ứa mật. Có nhiều ông Tây quá già đang âu yếm mấy cô gái Việt Nam quá trẻ, quá đẹp. Đáng buồn nhất là mấy cô ấy cười tình — cười thật thà — với các ông tình nhân đáng tuổi ông cha, và nặng cân gấp ba gấp bốn lần. Tại sao một người đứng đắn như Tân lại vùi đầu vào đống sách nát, lỗi thời say mê cái thú tiêu dao vớ vẩn trong ngày bão lụt miền Trung ?

Tiết đứng im, chờ xem Tân còn gọi nó trở vào chăng ? Nó thất vọng. Đôi phút trôi qua. Nó đã trở thành con người vô ích. Hường hẹn tại đại lộ Lê Lợi,trong một tiệm sách lớn, vào 9 giờ rưỡi. Bên ngoài, mưa rơi lất phất. Mấy người giữ đồ xưa đứng cú rũ, trong bộ đồ kaki trắng.

Bên tay phải, gian phòng khá rộng, chứa đầy những tượng đá thuộc kỹ nghệ Chiêm Thành, Cao Miên.

— À ! Những pho tượng hấp dẫn, đủ cho mình giết vài phút.

Gió đã lạnh, thấm vào chất đá Chiêm Thành lại nặng mùi bão cổ kính. Thế kỷ thứ 13, thứ 15. Thô kệch quá. Trong phút giây, Tiết nhớ đến mấy bức ảnh nữ thần Vệ Nữ đảo Milo. Quả thật các nhà điêu khắc Á Đông là những kẻ bất tài, thua người Hy Lạp quá xa. Ngực, mông, tay chân đều thiếu cân đối, Dường như chánh phủ đã phung phí tiền bạc để tồn trữ các bảo vật không quí giá ấy. Phòng vừa rộng, vừa cao, lót gạch bông sáng chói. Nó giống như bộ óc tồn cổ, bất hợp thời của Tân và lão Tây già trong thư viện. Trong con bão tố, ai lạnh ai đói chớ họ vẫn sạch sẽ sống trong ốc đảo xa xôi, ở nước nào, hồi thế kỷ nào,

Kìa ! Con kỳ lân bằng đá nhe răng cười, nụ cười bí hiểm nhưng Tiết nghĩ rằng nó thua vẻ đẹp bí hiểm của tượng mặt người, mình sư tử, bên sa mạc Ai Cập. Con kỳ lân bé bỏng quá, trắng, lắm tấm đen, loại sa thạch. Bỗng nhiên nó phát giác vài chi tiết quan trọng : một là con kỳ lân nọ mang bộ phận sinh dục, thuộc giống kỳ lân đực ; hai là bộ phận ấy đen thủi đen thui... Để giải trí trong giây lát, Tiết thò tay sờ thử,

— Xin lỗi ông ..

Tiết giựt mình rút tay lại. Người canh giữ vừa lên tiếng. Tiết toan trả lời lại với những tiếng công thức, tương tự :

— Ồ ! Xin lỗi ông.

Nhưng người canh giữ tiếp lời :

— Nhiều người sờ mó quá, mồ hôi tay đóng vào đen ngòm chỗ đó. Không phải tôi làm khó dễ nhưng ông quản thủ viện Bảo tàng căn dặn.

Bị chạm tự ái, Tiết liệu chừng mình không thắng nổi ánh nhân viên ấy, về mặt nguyên tắc. Nó xoay qua câu chuyện khác để chống đỡ :

— Ông ở đây, mặc quần áo trắng như vầy, suốt ngày, trông oai vệ quá.

Anh nhân viên lạnh lùng nhếch mép :

— Kỷ luật như vậy mà. Khi gặp đại lễ, có thượng khách ở nước bạn tới thăm, tụi tôi còn bận thắng thớm hơn...

Như vậy nghĩa là gì ? Anh nhân viên muốn ám chỉ Tiết chưa phải là thượng khách... nghĩa là một thằng dân Việt Nam xoàng xĩnh.

■ xem tiếp trang 26

son nam

TIỂU THUYẾT PHONG TỤC

12

vạch một chân trời

– Tôi đủ sức ăn thua với thằng nhãi con đó. Để tôi kêu nó trở lại. Đối với tụi bất lương, một khi muốn giết bọn mình thì tụi nó... làm liền. Đối xử nhã nhặn là vô ích

Lão thầy rắn liền đưng dậy :

– Chú em !

Chàng thanh niên như mừng rỡ, quay xuống lại, chèo nhẹ nhẹ, cho xuồng cập bến :

– Xin lỗi hai bác..

Sáu Hiền hỏi :

– Chú em ở xứ nào tới, kiếm ai ?

Chàng ta như mừng rỡ :

– Tôi có người bà con lập nghiệp ở xứ nầy.

– Tên gì ?

– Dạ, quên rồi. Người đó thứ... sáu, quê ở Tân An.

Sáu Hiền mừng quýnh :

– Phải Sáu Hiền không ?

Chàng nọ liếc nhìn lên nhà :

– Dạ .. phải. Chắc là Sáu Hiền.

– Mời chú em lên bờ. Chú em là con ai ? Sao qua chưa biết chú em. Lên chơi.

... Hai Tam tự giới thiệu, chẳng cần dấu diếm tên họ. Ăn xong buổi cơm, chàng ta mỉm cười. Từ giã rừng U Minh, chàng ta trở về rạch ông Rầy để tìm cô gái năm xưa, nhờ trận gió lành đưa đẩy nên tình cờ nhận ra người đẹp.

Chính là nàng. Lúc Hai Tam ngượng nghịu, ấp úng thì nàng xuất hiện bên bờ giếng. Lúc câu hát «quét sạch lá rừng» vang lên, Hai Tam chú ý thấy nàng mỉm cười. Có lẽ nàng muốn chạy xuống bến đón mình nhưng vì có hai người lớn tuổi – chắc là cha chú trong gia đình – nên nàng đứng sững, liếc mắt đưa tình.

Sáu Hiền giới thiệu :

– Tôi là Sáu Hiền, chủ nhà. Còn đây là ông thầy rắn. Hôm rày rắn ở đâu không biết.. hiện ra sau rừng. À ! Chú em là con ai ? Nói rõ để qua đây biết vai vế, xưng hô cho đúng. Biết đâu chú em thuộc vào vai anh, vai chú của qua đây !

Hai Tam nói bình thản :

– Tôi là con của Tư Muôn !

Tư Muôn là nhân vật mà Hai Tam bịa đặt ra cho hợp lý. Đã từng đối phó với Lục Cụ với tên Mách với Tư Bé, Hai Tam tỏ ra rành đời. Ngu dại gì mà không nói láo ! Hai Tam cương quyết đến đây, tìm cô gái năm xưa, cưới cô làm vợ. Nếu Sáu Hiền không chấp thuận, chàng sẽ dùng thủ đoạn hoặc võ lực để cướp cho bằng được.

Suy nghĩ hồi lâu, Sáu Hiền nói :

– Tư Muôn nào kia ! « Qua » đây ở Tầm Vu.

Hai Tam lanh trí, bịa ra một địa danh khác :

– Dạ, ba tôi là Tư Muôn ở kinh Nước Mặn, qua đời hồi năm ngoái. Trước khi nhắm mắt, ba tôi trăn trối, cho biết có mấy người trong « kiếng họ» tới Cần Thơ, ở rạch Ông Rầy...

Sáu Hiền gật đầu :

– Trước lạ sau quen. Để tôi kêu con nhỏ của tôi ra cho biết mặt.

Hai Tam mừng quýnh khi nghe giọng Sáu Hiền :

– Nhung ơi ! Ra nhìn bà con,

Bốn mắt gặp nhau, vừa quen thân, vừa bỡ ngỡ. Lại tâm thần hoang mang, Nhung cố bám víu vào chàng trai mà nàng đã gặp hồi mấy tháng trước. Cánh tay gân guốc của Hai Tam đủ sức bảo vệ nàng thoát khỏi

thơ

nguyễn nghiệp nhương,

1.

Người đàn ông nhảy xuống biển trong một đêm trăng – Đêm của vị hôn-thê, của thành phố lạ lùng, đêm mà các dạ thần đã đánh mất.
Tôi khiêu vũ,

Đây cũng là nơi tuổi thơ cất lên lời kể chuyện ri rầm. Trên Ban Mê Thuột giờ này có mưa không. Ở con đường của Ngữ, dốc trơn, tiếng máy trong thị trấn và những ngọn điện Nhìn ở đó, nỗi tiếc nhớ, đẹp và xa lạ như vườn hoa cúc vàng chưa bao giờ đặt chân tới (kỷ niệm mà tôi đã sinh hóa thầm lặng, đã đánh mất).

Bây giờ trí óc cực nhọc làm ăn.
Ở Bùi Viện bây giờ Kiếm đã về, Chiều đang ngủ.

Ở Phan Thiết bây giờ chị đang sinh đứa con đầu lòng dưới đất, sinh trên sân bay, sinh trên trời, sinh dưới biển, sinh ra một con cá voi to tướng.
Ở Quảng Ngãi bây giờ người vợ chưa cưới đang chải tóc, đang cuộn tròn những sợi tóc rụng.

Ở nhà thờ bây giờ tôi đang quỳ
Ở chùa bây giờ tôi đang quỳ.

Trong bàn tay là cây bút nhỏ. Lại Ngài Tôi phải viết thế nào vào bản lý lịch này ? Thảm trạng sẽ không còn, khi chúng tôi gạt rơi những lề lối khuôn thước.
Rồi Kiếm sẽ nói sao.
Chiều sẽ nói sao.
Ngữ sẽ nói sao.
Đời sống chúng tôi không có gì lạ, không có gì để nói. Nhưng vẫn sống và nhìn nhau. Bây giờ tôi phải trả lời sao.
Hãy cho rằng Nó như bất cứ lời kể chuyện nào khác. Và người ta đã tránh.

Thực sự khi tôi vào cùng nó, như để ngắm một bức tranh quý, như để thỏa mãn một tình cảm, hơn nữa là để tìm đáp một cái nhìn đức lý, mà chính tôi, thâm cảm như sự tan vỡ của các hợp đồng tạm bợ, không bao giờ chắc chắn sẽ đi vào nó sẽ thử tin, sẽ nói trong lòng, cũng như không tin tưởng gì nơi thâm u cao viễn mà tôi hướng tới một cách bắt buộc. Bởi vì như Kiếm sẽ đi lính, Chiều sẽ cưới vợ, Ngữ sẽ bỏ nghề chạy xe khi trúng số độc đắc, Nhượng sẽ làm thơ nghĩa là xác định những liên lạc ấm ớ kia nọ với đời người.

2,

Ý thức như vừa biết có một người đàn ông và một người đàn bà thủa trời đất tối đen, anh ngồi nhìn giòng sông, mang số phận mình đi sinh sôi ảo tưởng Ảo tưởng thì bát ngát, Em bằng lòng không ? Chúng ta là những tình nhân trên mặt đất, Dẫu sao, ca hát với tháng ngày, đó là những bông phượng nở cho mùa hè.

3,

Đóng kín các cửa lớn và cửa sổ. Đóng

âm mưu quỷ quyệt. Lão thầy rắn quá già, nếu đem trinh tiết mà giao phó cho hắn thì thật tự tử còn sướng hơn.

Nhung cúi đầu chào Hai Tam rồi hỏi cha :

— Bà con làm sao ?

Sáu Hiền uống thêm chút rượu rồi gật gù :

— Trời mà biết. Bà con một xứ, biết chưa ?

Nhung đáp :

— Thưa ba, con hỏi rõ để xưng hô cho đúng vai vế.

— Ừ ! Thì con kêu thằng Hai Tam này bằng anh. Hơi đâu mà phăng mối, tìm hiểu tông chi họ hàng. Miệt nầy chưa có bộ sổ, ai xưng tên gì, họ gì thì tha hồ...

Lão thầy rắn hiểu ngầm : Chàng trai mới đến là đối thủ lợi hại. Chàng ta đã chinh phục khá nhiều cảm tình của Nhung, trong khi đó lão bị Nhung ruồng rẫy lúc nãy, tại nhà bếp.

Để vai trò lão không bị chìm, lão nói chậm rãi :

— Bà con một xứ, quí lắm. Ngũ hồ tứ hải giao huynh đệ.

Hai Tam không chịu thua :

— Đành vậy. Nhưng người một xứ... yêu thương nhau nhiều hơn người khác xứ. Ở Cần Thơ, tôi nhớ rõ : mấy người xưa kia từ Nhựt Tào — Tân An đến lập nghiệp đều qui tụ thành một xóm, kêu là xóm Nhựt Tảo. Chẳng hay bác ở xứ nào tới ?

Trước thái độ khiêu khích ấy, lão thầy rắn dùng thủ đoạn thâm độc là im lặng để chờ dịp trả thù. Nay mai, lão bắt rắn hổ, dùng nọc rắn mà đầu độc Hai Tam. Nếu không xong, lão sẽ cướp Nhung, dẫn qua vùng khác. Riêng về Hai Tam thì anh khinh thường lão thầy rắn vô danh tiểu tốt nầy. So với Lục cụ, tên Mách hoặc Tư Bá thì lão thầy rắn chẳng ra gì cả.

Lão thầy rắn hỏi vặn ngược :

— Còn chú em, hồm rày ở đâu ?

Hai Tam cười tủm tỉm :

— Học võ nghệ chút ít để phòng thân.

Lão thầy rắn bắt đầu sợ sệt. Nếu dùng võ lực mà ăn thua, lão sẽ bị chàng trai hạ sát ván. Tuổi già gần năm mươi, lại thêm tật ghiền trà ghiền thuốc quá nặng, cơ thể lão càng gầy gò như con mắm.

Nhung bước vào nhà sau, đứng sát vách để nghe ngóng cuộc đấu khẩu. Trong khi đó, Sáu Hiền thích thú vô cùng. Chú thích ăn nhậu. Món lươn xào sả nghệ khá ngon. Rượu thêm nồng, nhờ mấy trái ớt hiểm. Chú nâng chén rượu :

— Thầy uống cho vui. Cháu uống cho vui. Tôi tới đây mấy chục năm, nên nhà nên cửa, sẵn sàng chiêu hiền đãi sĩ. Nói nhiều thì hóa ra nói dóc chớ nuôi dưỡng trong nhà chừng bốn năm người, chẳng bao giờ tôi ngán. Cơm gạo thiếu gì. Mình tới trước thì giúp đỡ người tới sau. Trước kia, tôi xuống rạch ông Rầy với cái nóp rách, trong lưng không có một đồng tiền kẽm.

Lão thầy rắn nâng chén, liếc qua Hai Tam :

— Uống chớ.

Hai Tam liếc thấy Nhung phía trong buồng nên chú muốn tỏ ra ta đây là người anh hùng :

— Uống ! Ai uống bao nhiêu thì tôi uống bấy nhiêu.

Nói xong, Hai Tam nốc cạn chén.

Bị thua hai ba trận liên tiếp, lão thầy rắn tức giận cành hông. Lão hiểu rằng Nhung đang theo dõi so sánh. Qua sự giới thiệu mù mờ lúc nãy, lão đoán chắc chắn : Hai Tam chẳng phải là kẻ bà con thân thích gì với Sáu Hiền cả và anh ta đến nhà nầy với dụng ý khác, ngoài dụng ý nhờ cậy vì cơm ăn áo mặc. Những cái liếc mắt trao đổi qua lại giữa Hai Tam và Nhung khiến lão kết luận :

— Tụi nó hò hẹn với nhau từ lâu. Phải giành cô gái nầy, với bất cứ giá nào.

Sáu Hiền chép miệng :

— Nhung ơi ! Nướng thêm bốn năm con cá lóc.

Nhung nói khẽ :

— Thưa ba, chờ chút nữa...

— sao vậy ?

— Con đi hàng xóm. Ở nhà còn mấy con cá rô nhỏ.

— Ừ ! Lại đằng nhà anh hương ấp xin... bảy vài con.

Trong khi đó, lão thầy rắn muốn chứng minh tánh tình lịch thiệp của hắn cho người đẹp hiểu :

— Thôi đi. Bao nhiêu đây đủ rồi. Cô Nhung đi kiếm cá, đường xa thêm nắng nôi.

Nhung bước ra cửa sau, Hai Tam đứng dậy, vươn vai, giả vờ đi tìm một cọng lạt để xỉa răng. Chú đến sân. Dường như Nhung dừng lại. Chú tằng hắng. Nhung day mặt, mỉm cười. Hai Tam cúi đầu chào rồi trở vào.

Lão thầy rắn tức tối vô cùng. Lúc Hai Tam vắng mặt, lão khều Sáu Hiền :

— Thằng nầy nguy hiểm lắm. Coi chừng... nuôi ong tay áo, nuôi khỉ dòm nhà.

(Còn nữa)

kín những tấm màn. Nàng khỏa thân chỉ mình tôi biết.
Nàng trong suốt và thơm.
Đó là vợ tôi bằng một cuộc đại lễ
Bằng ca khúc và sự cho hoàn thiện nhất
Bằng nốt nhạc thẩm mỹ và vô tư
Đó là vợ tôi, như một bàn đá trắng và mát.
Rồi khi ngôi nhà nhấc lên trời cao như tấm thảm thần, nền đất biến thành vườn tược có hoa lá, chim chóc
Nàng, trinh nữ của trần gian này,
Ngủ ngon như công chúa phương đông.

4.

Này đây là buổi chiều trước mắt tôi : sau giấc ngủ dài, trước cửa sổ là mầu xanh và một miếng mây, và một con chim nhỏ nhẫn bay mất rồi.
Tìm ở đó hứng khởi của một ngày, một người và một vũ trụ mở ra trước cánh cửa nhỏ bé.
Cũng như sau giấc ngủ, cũng như sau khi con chim nhỏ bé bay như lượn sóng và đã mất rồi, tôi trải qua trải qua
Nghe tiếng chim ríu rít trong sớm mai, và nhớ con chim vành khuyên nhỏ bé đã bay đi mất rồi. Nó là một con chim vành khuyên không có nơi thế gian.

5.

Lúc này không có thời tiết. Không biết mọi người thân thuộc đang làm gì theo thói quen.
Biết để chào hỏi một lần nữa vùng biển xanh tôi đã sống. Trong cơn mưa tầm tã ở thành phố này, mọi người, cũng gặp nhau.
Có kẻ làm công, có kẻ ở đại học, một vài kẻ lãng đãng bí mật Những kẻ đó, trong một đêm, trong một quán rượu, cùng tôi đã nói chuyện, cười vang, nhậu nhẹt và bàn bạc về cách mạng, về những thứ hoa, về vài người khác. Bây giờ không còn những chuyện như thế nữa. Bây giờ xưa cũ
Nơi vùng biển xanh, chỉ có ngôi mộ của người đàn bà đó không thay đổi, ngôi mộ nằm với những ngọn cỏ.
Lúc này tôi ngồi hút thuốc, khói bay trong cửa sổ ban đêm, nhìn lại thân thể hình dong mình như con cú. Con cú kêu là có người hết.
Thành lập một môi trường khác, những người đã nói chuyện đó
Nhìn nhau.
Tôi đã đi qua bao nhiêu người thân yêu, bao nhiêu ngôi nhà, bao nhiêu giòng sông
Và giờ thì những người
Đã nói chuyện đó
Thành đàn ông,
Sống với những ước vọng to lớn, với ngày tháng bừng bừng kỷ niệm.
Ôi, ban đêm. Trở về. Từ phía thì chỉ có nàng. Hơn là ban ngày chỉ với toàn những người đàn ông trần truồng, gườm gườm.

6.

Đêm. Như người mất tích. Tôi trở về. Sự vắng lặng mình mông bao trùm chúng ta. Nếu em thấy những nơi tôi đã đi qua, ôi em nhỏ. Và, như người vừa chối bỏ một tôn giáo, tôi nằm ngủ.
Tưởng tượng một đời an giấc trong đôi tay sữa của quê hương.
Nhớ tới những lũy tre, những ruộng vườn, những mảnh đất, những sông núi ao hồ. Nhớ tới và muốn khóc.
Vì như cái gì không gốc gác, không hình thù, dưới mầu xanh vĩ đại của trời, và ttong chính lúc này, làm sao chúng ta có thể tạm quên mong ước.
Tôi thử nói : Ngu đi, cưng. Ngày mai.
Nhưng đó chỉ là một giấc ngủ tạm thời trong xứ chết mà chúng ta không tìm được con cái và quê nhà.

■ 10 cuốn tiểu thuyết ăn khách nhất tại Hoa Kỳ tháng 11-1965

Tờ *New York Herald Tribune* (Nữu Ước Diễn Đàn) đã liệt kê những cuốn tiểu thuyết ăn khách nhất tại Hoa Kỳ vào trung tuần tháng 11-1965 vừa qua. Tại Hoa Kỳ hay có thể nói tại thủ đô văn nghệ quốc tế Ba Lê, hàng tuần số tiểu thuyết luôn lnôn thay đổi. Cho nên, những chữ trong dấu ngoặc sau đây dùng để chỉ những cuốn sách bán chạy nhất tại Hoa Kỳ vào thượng tuần tháng 11 vừa qua, nhất là tại Nữu Ước.

1.— *The Source* của James A. Michener : kể lại cuộc sống của một người Do Thái nghèo khổ sống trong hang trong nhiều năm từ trước cho đến nay. (1)

2.— *Up The Down Staircase* của Bel Kaufman : mô tả đời sống của các học sinh và tâm tư của lớp người trẻ tại chính thành phố Nữu Ước (3).

3— *Airs-Above the Ground* của Mary Stewart : một câu chuyện phiêu lưu mạo hiểm lấy khung cảnh nước Áo làm bối cảnh cho tác phẩm tiểu thuyết (5)

4.— *Hotel* của Arthur Hailey: mô tả những câu chuyện động trời trong một khách sạn tại miền nam Hoa Kỳ. (2)

5.— *Thomas* của Shelley Mydans : một câu chuyện hoàn toàn có tính cách lịch sử tại Hoa Kỳ. (6).

6.— *The Green Berets* của Robin Moore : một câu chuyện hoàn toàn có tính cách tưởng tượng về chiến cuộc tại Việt Nam. (4).

7.— *The Looking Glass War* của John Le Carré : câu chuyện ly kỳ của những tay gián điệp cao thủ của Anh quốc tại nước Đức, (10).

8.— *The Rabbi* của Noah Gordon : câu chuyện thành công và thất bại của những người sinh trưởng tại Brooklyn (7).

9— *The Man With the Golden Gun* của Ian Fleming : thuộc loại chuyện đấm đá và tình yêu kiểu James Bond (8).

10.— *Those Who Love* của Irving Stone : cuốn truyện hoàn toàn có tính cách tự thuật về cuộc đời của chính tác giả.

■ tiếp theo trang 23

Nếu chẳng mắc kẹt vì cuộc gặp gỡ với Hường, chắc nó ăn thua đủ với «tác phong» quan liêu ấy. Nó bước nhanh ra cửa cái. Anh nhơn viên nói, chắc là để xin lỗi khéo léo :

— Ở bực tam cấp, mấy chậu kiểng đó của ông Ngô Đình Cẩn, ông nên xem.

Tiết nhớ dạo nọ báo chí đăng ầm lên cái tin giựt gân : « Cậu Cẩn chơi nhiều chậu kiểng, trị giá hàng vạn bạc » Kiểng này do cậu tịch thu hoặc do mấy người khác đem dâng hiến để cầu cạnh lợi lộc, địa vị. Thân cây khế già nua, lom khom ; mới rễ đen mốc, cố duy trì kiếp sống tàn, hút chất màu mỡ trong đống đất nhỏ hẹp, nhỏ hơn cái thúng. Ôi ! Thú tiêu khiển của kẻ lỗi thời.

— Còn gì nữa không ? Tiết hỏi

— Xấu quá

Anh nhân viên mỉm cười :

— Còn con kẻt

— À ! Con kẻt biết nói « Cẩn đi mô ? Cẩn đi Chí hòa » đó hả ?

— Dạ.., nhưng tôi chưa nghe nó nói. Người ta đồn vậy thì hay vậy Nó ở trong chuồng dưới kia...

Anh nhân viên chỉ tay ra ngoài mưa. Tiết day lại nhìn cánh cửa thư viện lần chót. Cửa khép chặt. Chắc Tân đang mải mê chìm đắm trong cái thế giới đầy mạng nhện, quên thằng bạn nhỏ bé, vô dụng nầy rồi. Không chút ngần ngại, Tiết lấy khăn mu-soa che lên đầu, chạy nhanh dầm mưa Thà mất xã giao với Tân còn hơn là lỗi hẹn với Hường. Tiết nghĩ rằng đời nó chưa đến đỗi vô dụng, tuy không an ủi được đồng bào miền Trung xa vời nhưng ít ra nó cũng là nguồn sưởi ấm của một cô gái đẹp.

Xuống bến xe bus, Tiết chạy vào lề, núp theo mái hiên. Phiền quá. Áo nó ướt dầm. Hường vắng bặt Tiết mới hay mình lỗi hẹn. Đồng hồ chợ Bến Thành : 10giờ 5 phút. Hường sẽ trách mắng nó. Nó tưởng tượng đến những giọt mưa trên áo ny lông xanh của Hường, dán áo sát vào da thịt. Lạnh lẽo cho cả hai đứa. Xe cộ qua lại thưa thớt hơn mọi ngày.

Tiết lầm lũi vào hẻm.

Đàng kia, Hường nghiêng mái đầu ra ngoài mưa, cười tươi. Như bị đá nam châm hút, Tiết chạy miết, sốt sắng :

— Hường chờ anh bao lâu rồi ? Bậy quá. Cứ vô nhà. Anh lỡ thất hứa.

Hường quay mặt vào trong, cúi nhặt một gói giấy khá to :

— Em có chờ anh hồi nào đâu mà thất hứa. Nếu anh lại đó đúng giờ thì chẳng bao giờ gặp em. Coi cái này nè.

Gói giấy mở ra từ từ : hai cái áo sơ mi sọc, nhầu nát và hai cái quần túm ống.

— Ra đường, gặp tụi con Ngà, con Ngọc... Ba đứa xúm nhau tới trường...

— Áo quần của thằng đực nào đây ? Anh nóng quá.

— Để em nói tiếp. Cứ cái tật đó hoài, ưa ngắt lời của người ta hè. Lẽ tự nhiên, trường đóng cửa nhưng vài chị ở lớp lớn muốn cứu tế bão lụt, còn đứng xớ rớ. Kéo tới nhà bà giám thị, gõ cửa hồi lâu bà mới chịu mở. Nghe đâu ngày mốt các chị em có thiện chí sẽ gia nhập đoàn cứu tế xã hội, chờ giấy phép chánh thức

Tiết gãi đầu lia lịa rồi lấy lược chải tóc :

— Áo quần này của ai ? Giống đồ cũ ở khu Dân Sinh quá

— Xin của thiên hạ, được không! Của thằng Tỷ. Bộ anh tưởng em cưng anh rồi xin về để ủy lạo anh hả ! Còn lâu. Để dành giúp Miền Trung.

Tiết mắc cỡ nhưng vẫn cố chạy chữa :

— Kìa ! Cái gì rằn rách đầu gối.

— Rách mới quí. Đem về đây vá lại Chẳng lẽ gởi ra ngoài vùng bão lụt như vậy, tàn nhẫn quá. Họ đâu còn cây kim sợi chỉ.

Lại một sự thất bại mới, từ sáng đến giờ. Buổi sáng, Tiết bỉ cần nhằn khi mượn 50 bạc Kế đó, nó đóng vai hề, lạc lõng tại thư viện khảo cổ. Trước khi về, nó bị anh nhân viên « xài xể », nhắc nhở phép lịch sự. Rồi nó đón hụt. Hường không thèm đến nơi hẹn. Đau đớn nhứt là giờ đây, gặp Hường, với thứ mặc cảm tội lỗi. Tiết nói :

— Anh cũng giúp người ta.. lo bão lụt miền Trung.

— Anh thảo, ông ký giả đó để.. mượn tiền. Anh mà biết thương ai. Anh thương cái thân anh mà còn không xong. Học hành chẳng ra cái gì cả. Anh tệ quá.

— Thôi, «bà» ơi ! Để tôi vá cho. Hường lườm :

— Đừng hỗn nghe bạn. Kêu bằng bà tôi không ham đâu ? Vá quần áo, bộ dễ lắm hả Mó vô cho hư hao thêm.

Cửa bên kia ngõ hẻm mở ra thật mạnh Cánh cửa đập vào vách ván nghe ầm ầm Tân đã về. Tiết chạy qua để khỏi trở thành kẻ vô dụng, bất tài đối với Hương :

— Anh chờ em dữ lắm hả ? Hồi em về, em ngượng quá... Chắc anh giận...

Tân lại gần bàn viết, kéo ghế ngồi xuống, cởi giày:

— Anh đoán trước rồi. Làm sao em chịu nổi cái bầu không khí đó. Mấy người giữ cửa viện Bảo Tàng thuật lại cái chuyện em sờ... con kỳ lân. Em biết ai ưa sờ chỗ đó không ? Không phải bọn trai, không phải bọn đàn ông già... Còn mấy chậu kiểng của ông Cẩn. Quí lắm. Vì nó quí nên mình tức giận. Ba bốn chục năm săn sóc rồng rã mới tạo nên được.. Mỗi năm tiền công săn sóc 500 đồng.. trị giá vài chục ngàn nào quá đáng. Thế mà nó lọt vào mắt kẻ phong kiến lưu manh.

Rồi Tân hút thuốc, nói thao thao bất tuyệt về công việc của anh ; Hồi năm Thìn thuở trước, xứ Việt Nam còn quá nghèo, phương tiện giao thông gần như không có từ thành thị tới thôn quê. Người ta chết nhiều, đến 5 ngàn người Vài hôm sau, vài tuần lễ sau, lần hồi thiên hạ ở Nam Kỳ lục tỉnh mới hay biết, mơ hồ và báo chí trên thế giới thuở đó chẳng bao giờ đăng tin — nếu họ được tin. Bấy giờ bọn lưu manh xuất hiện lột vòng vàng của xác chết, bửa mấy cái tủ trôi lềnh bềnh để làm giàu cấp tốc. Đất ruộng bỏ hoang. Người nông dân trước đó vài ngày kiếm đất ruộng không ra, nhưng khi « quan trên» truyền rao ai muốn khai khẩn thì cứ ghi tên vào bộ, mặc nhiên trở thành tiểu điền chủ. Họ chẳng màng .. Thiệt là hết nói ! Mấy người thèm đất rộng đã chết vì.. nước.

Gương mặt Tiết vẫn lạnh như đồng. Nó theo dõi câu chuyện của Tân, cố gắng tìm vài chi tiết giựt gân, hấp dẫn. Thí dụ như dòng nước xoáy cuồn cuộn, lối cuốn hàng trăm hàng ngàn người, từng bầy năm bảy chục con trâu lặn hụp. Nổi bật trong cuộc tang thương đó phải là đôi ba người hùng, lội nước ngược, cứu vớt các cô gái trẻ đề yêu nhau hỗn độn vội vàng, trước khi đầu hàng tử thần, như trong vài tuồng xi-nê-ma.

Tân hỏi :

— Em hiểu cái nỗi trớ trêu đó chưa ?

Tiết sửng sốt :

— Quay phim « đại vĩ tuyến » chắc tuyệt diệu

— Nước mình còn nghèo. Khó bề dàn cảnh vĩ đại. Nếu cần cứ quay lại cái vấn đề ruộng đất.

— Sợ không ăn khách, anh ơi. Xưa quá.

— Xưa mà hay. Mấy tay lưu manh giựt vòng vàng giống như mấy con « hạm » thời nguyên tử, ở bất cứ nước nào loạn lạc. Còn vấn đề ruộng đất, tư hữu hóa nông dân thì vẫn nóng hổi...

Câu nói chết thôn môn trong cổ họng Tân. Nói với Tiết chuyện ruộng đất để làm gì ? Nó mến Tân là một chuyện. Nó thông cảm nỗi ưu tư triền miên của Tân là chuyện khác. Cha nó không sống bằng nghề ruộng trong hiện tại. Nó yêu đất nước, thứ đất nước mơ hồ qua vài bản tân nhạc gọi là « dân tộc ». Mấy cô thôn nữ lên Saigon — mấy cô đẹp — đã ăn mặc theo lối tiểu thư, uốn tóc ngắn, cố tình che dấu dĩ vãng nghề nghiệp của cha ông.

— Em về bển đi — Tân nó gắt.

Sửa xong bản thảo, Tân xỏ chân vào đôi dép Nhựt Bổn chớ khỏi tốn thời giờ. Anh chuẩn bị đến tòa soạn. Bên nhà Tiết, giọng ai cười khúc khích : Hường ! cô bạn gái của Tiết. Có lẽ vì say mê con nhỏ đó mà Tiết hư hỏng, xa thật tế. Con gái đời nay táo bạo quá, đóng vai chủ động quyến rũ con trai. Đời đảo điên rồi, cột tìm trâu thay vì trâu tìm cột.

Tiết gọi ;

— Anh.

— Cái gì ?

— Dạ, Hường muốn làm quen với anh. Nó muốn qua bển, sợ anh mất thời giờ Nó kêu ngạo thân anh quá già mà chưa vợ.

Hường đứng dậy, cúi đầu chào Tân rồi chối leo lẻo :

— Anh Tiết hỏi vớ vẩn em còn người chị nào lỡ thời không ?

— Em làm gì đó ? Vá quần áo cho ai ? Uả !

Hường nói nhanh để tránh một sự hiểu lầm :

— Dạ, em... lạc quyên quần áo giúp nạn nhân bão lụt miền Trung. Vá cho lành trước khi gởi ..

Tân trố mắt. Dè đâu bọn trẻ lại nồng nhiệt đến mức đó. Quả thật họ xây dựng đắc lực. Tế nhị. Nhanh chóng. Châu đáo.

Giọng Hường thoắt nũng :

LÀM THƠ Ở Saigon

■ tiếp theo trang 7

ngồi tán dóc với tôi, cho đó là điều bất hạnh mà chúng tôi được thừa hưởng của văn minh phương Tây. Nhưng thôi, hãy tạm gác chuyện ấy.

— Chặng thứ hai của sự vật vả khi làm thơ, là những thứ do quan niệm mới của chúng ta về thơ đẻ ra. Khi không « chơi » nữa, mà là « làm », sự dấn đo, suy tính của kẻ làm tất nhiên phải nặng hơn kẻ chơi. Hôm mới đây, khi ngồi với các anh Lý Hoàng Phong, Kiêm Minh, Trần Lê Nguyễn trong một quán nước, tôi có hỏi thăm anh Kiêm Minh là dạo này có viết được nhiều không. Anh nói khó quá, không viết nổi, bởi « cứ viết được một đoạn, mình lại phải ngừng lại để đọc lại rồi không viết được nữa ». Cái vất vả của việc làm thơ hiện nay, theo tôi thấy, có chỗ giống cái khó mà Kiêm Minh nhắc đến. Một nhà văn hoặc một người làm thơ không viết nổi nữa, tất nhiên còn nhiều lý do khác. Nhưng cái sự kiện « cứ viết một đoạn, lại phải ngừng lại, rồi không viết được nữa », nó bày ra một thảm kịch rùng rợn mà chúng ta nhiều ít đều phải chịu đựng. Đó là cái thảm kịch gây ra bởi sự phân ly cùng cực trong người làm thơ, phân ly giữa tình cảm và lý trí, phân ly giữa khả năng và ý thức, phân ly giữa những thực tế đang tuần hành trong đầu người làm thơ, với cái điểm rung động xa xôi nào đó mà hắn muốn hướng về. Sự phân ly này rất dễ hiểu, bởi ý trí của người làm thơ, nó biết là muốn tử tế phải chọn lấy một, và một thôi, giữa những cái mốc đằng trước để làm một điểm hướng về. Nhưng rồi hoàn cảnh thực tế tác động vào tình cảm và sinh con đẻ cái : « tôi có một người yêu ở xa, tôi nhớ nàng quá, tôi muốn về thăm nàng. Về thì phải đi hoặc bằng tầu bay, hoặc xe lửa. Xe lửa hay bị mìn quá. Mìn. À, tôi có một người bạn vừa chết mìn ở Bình Dương. Hắn có vợ đẹp. Người đẹp hồi này sao ưa đi với Mỹ quá. Ôi, nói gì ta là Mỹ ». Ấy, con đường của tình cảm đi đại khái như thế. Và chỉ cần vậy là cái vận động cần thiết toàn diện và liên tục rung động của người làm thơ đã bị cắt đứt. Tình cảm đi một đường. Lý trí đi một ngả. Cũng thế, khả năng và ý thức của một người viết, khi sáng tác, phải có sự phối hợp toàn diện. Nhưng khả năng của người viết là A. Ý thức của hắn lại là B. « Anh » ý thức không tin « Anh » khả năng, thành thử vừa thực hiện được một đoạn (tức là còn dang dở), thì phần người ý thức trong nhà thơ đã tách rời phần người sáng tác, để đứng riêng ra, phán xét khe khắt đoạn vừa viết. Một cuộc hợp tác thiếu tin cậy như thế, tất nhiên không thể lâu dài hơn thứ hợp tác giữa các chính khách. Và trong hoàn cảnh này, việc phối hợp nhất trí giữa khả năng và ý thức của người làm thơ, thật cực không kém việc thống nhất các đảng phái nước ta.

Cái thảm kịch phân ly cùng cực trong mỗi người trước bàn viết, như mấy ví dụ trên cho thấy, là chặng vất vả thứ hai của việc làm thơ hiện nay.

— Chặng vất vả thứ ba, chặng cuối, và cũng là chặng vất vả nhất, quan trọng nhất, mà theo tôi, mọi người làm thơ hiện nay đều đang bị mắc phải, là cuộc vật lộn tuyệt vọng giữa thơ và thực tại. Thơ, từ khi được chúng ta thổi vào những quan niệm gọi là mới, không còn là một thế giới riêng nữa. Thơ đã bị xách cổ đem vào đời sống, và nó, như chúng ta, cũng đã bị bắt buộc phải đối diện với thực tại. Từ thế giới cũ của thơ, đến cái thế giới mới của thực tại, tất nhiên phải xa cách. Thế là cuộc vật lộn khởi sự. Hôm mới đây, ở nhà riêng Thanh Tâm Tuyền, tôi có hỏi anh dạo này có làm thêm được thơ mới không, anh trả lời rằng không ? Tại sao không ? Khi cùng với Kếu nhắc đến số thơ của những người trẻ hơn hiện đang có mỗi ngày một đông, anh Tâm cho biết là theo anh thơ hôm nay đang đau, đang sốt rét ngã nước, càng ngày càng bị thu nhỏ vào cái vỏ cá nhân. Chính thơ của anh cũng trong cơn đau ấy cũng thu dần vào cái vỏ ấy, và bởi thế anh không làm thơ nữa.

Thơ chúng ta thật quả đang có đau. Đau nặng là khác. Nhưng không chỉ đau ở chỗ « thu nhỏ vào cái vỏ cá nhân » như anh Tâm nói. Theo chỗ tôi thấy, trong những ngày gần đây, thơ các bạn mới, phần lớn, đều đã mở vào những đề tài rộng lớn, như chiến tranh, xã hội. Nhưng, ngay những bài thơ hay và tốt, và mỏng vỏ cá nhân nhất, tôi lại càng nhận ra là thơ chúng ta đang đau nặng hơn: đau ở chỗ càng dấn thân vào thực tại, càng vật lộn với thực tại, thơ lại càng bị thực tại dìm thêm xuống hố sâu tuyệt vọng. Cứ đọc những bài thơ hiện nay thì biết, bài nào cũng đen tối, hằn học. Thét một chập, chỉ còn rất cái đen, cái buồn, cái tuyệt vọng, cái khổ sở ngồi ngang bên nhau đến mất hết ý nghĩa. Một nghìn cái vực sâu giống nhau, sát nhau, nối lăng nhăng với nhau, chẳng có một ngọn núi cao nào, một bờ vực nào để so sánh. Vậy là khu đất do một ngàn cái vực sâu họp lại ấy hết còn là vực sâu mà đã trở thành một thung lũng bằng phẳng. Cảnh tuyệt vọng, buồn phiền của thơ hôm nay mất hết ý nghĩa là thế. Thơ làm sao có thể khỏe mạnh nổi, tiến bộ nổi, khi trong thơ, trong mọi thứ tình cảm của người làm thơ thể hiện ra, không thấy le lói chút lửa của hy vọng nào hết.

Đi từ chặng vất vả này đến chặng vất vả khác, để rồi cuối cùng, khi đã làm chủ được chiến trường để cho thơ ra đời, thì thơ lại rơi tòm xuống cái hố tuyệt vọng.

— Nghe anh Tiết nói lại : bài của ký giả viết hay lắm.

— Ờ... Cái gì Tiết cũng khen hay. Bài báo này chắc em buồn ngủ. Vai kinh nghiệm : cứ 60 năm, mỗi lần tới năm Giáp Thìn, xứ mình thường gặp thiên tai. Giáp Thìn đời Thiệu Trị, đời Thành Thái rồi năm nay. Tôi chép lại để dành.

Tiết cười to :

— Xin lỗi. Sáu chục năm nữa tôi thanh ra ông cụ già 78 tuổi. Nếu làm công chức ở sở Khí Tượng, chắc tôi về hưu rồi. Bài báo của anh, chừng đó, sẽ nát gấy ra từng miếng dính trong tay, như hồi sang. Còn ai sưu tầm bài của anh ?

Phản ứng của Tân khá nhạy. Như vừa tránh né một mũi tên hiểm độc. Mũi tên ấy, Tân chạy được rồi phóng trở ngược về phía đối phương :

— Tiết ơi ! Áo sọc với quần ống túm đó nếu gởi ra miền Trung thì các cậu sống sót sau cơn lụt sẽ mặc để nhảy « tuýt », khi trồng khoai cuốc sỏi đá, dưới thung lũng chim kêu vượn hú.

Hường che miệng mỉm cười :

— Có còn hơn không. Miễn là mình có lòng tốt. Sá gì chuyện bão lụt thời xưa hay kiểu quần áo « đợt sống mới ». Xưa với nay đâu khác gì.

Tân ngẫm nghĩ hồi lâu :

— Hồi xưa hơi khác. Người ta thương yêu nhau nhiều hơn nhưng phương tiện cứu giúp quá yếu kém. Thời nay, phương tiện nhiều...

— Nhưng tình thương ? — Tiết hỏi.

— Thủng thẳng rồi anh trả lời. Còn nhiều nỗi quanh co. Thương nhau nhiều hơn thời xưa, thương tổ quốc, thương toàn thể nhơn loại. Nói thì dễ nhưng khi đụng chạm thực tế phức tạp, người cùng một tấm lòng lại nghi ngờ, cãi vã nhau quá lâu... để lần hồi con tim trở nên nguội lạnh, trống rỗng. Mình ở sát nhau, bên này bên kia đường hẻm, bước là tới vậy mà hồi sáng tới giờ, dường như...

— Tranh chấp vì khác thế hệ mà anh !

Đối với Tân, mấy tiếng đó là một kiểu « chụp mũ ». Anh muốn gật đầu cho qua chuyện. Tiết sống nhờ vả cha mẹ, làm sao nó thông cảm nổi vấn đề cơm áo. Mười giờ rưỡi, Tân cần đến tòa soạn. Biết đâu Tiết đã nói lén : « Nhơn mùa bão lụt này, Tân trúng mối, lợi dụng cơ hội để viết bài về bão ; bão càng to bài càng « ăn khách », tác giả hốt bạc càng nhiều. Tân chợt thấy dưới nền gạch, đôi guốc cao gót của Hường sửa chưa xong. À ! Đó là loại guốc hơn phân nửa chế tạo bằng nhôm. Lần đầu tiên, Tân mới biết điều đó (bấy lâu, anh ngỡ loại guốc cao gót ấy hoàn toàn làm bằng cây). Hường hơi lùn, mang thứ guốc cao hơn 8 phân tây. Tân lại nhớ đến cô tình nhơn học chung lớp hồi xưa, tên là Thư. Thư thuở ấy bé bỏng, thấp như Hường bây giờ. Thư mang guốc bằng cây vông, kẹp tóc, mặc áo bà ba vào năm học Trung học, thi đậu, gặp cơn khói lửa 1945, vẫn tiếp tục học ở bên Pháp, đậu bằng y khoa tấn sĩ, về nước, tham gia vớ vẩn phong trào bảo vệ hòa bình 1954, ứng cử dân biểu hụt, trào bà Ngô đình Nhu. Cách đây mười ngày — lúc chưa xảy ra bão lụt — Thư lái xe, đậu trước cư xá Đại Học. Thư hơi già, chưng diện như con gái, vai gầy nhưng ngực tròn, hơi già tạo Thư gặp Tân đang đi bộ, quần hơi nhầu, tóc dán sát vào da đầu, mặt đẫm nước dưới con gió nhiều mưa ít. Hai người đụng đầu nhau Thư mỉm cười, chào qua loa rồi vậy thôi. Tân vẫn bước nhanh, phía trước mặt. Hai người cùng một thế hệ mà chẳng muốn nhìn. ■

LÀM THƠ Ở Saigon

■ tiếp theo trang 7

ngồi tán dóc với tôi, cho đó là điều bất hạnh mà chúng tôi được thừa hưởng của văn minh phương Tây. Nhưng thôi, hãy tạm gác chuyện ấy.

— Chặng thứ hai của sự vật vả khi làm thơ, là những thứ do quan niệm mới của chúng ta về thơ đẻ ra. Khi không « chơi » nữa, mà là « làm », sự dấn đo, suy tính của kẻ làm tất nhiên phải nặng hơn kẻ chơi. Hôm mới đây, khi ngồi với các anh Lý Hoàng Phong, Kiêm Minh, Trần Lê Nguyễn trong một quán nước, tôi có hỏi thăm anh Kiêm Minh là dạo này có viết được nhiều không. Anh nói khó quá, không viết nổi, bởi « cứ viết được một đoạn, mình lại phải ngừng lại để đọc lại rồi không viết được nữa ». Cái vất vả của việc làm thơ hiện nay, theo tôi thấy, có chỗ giống cái khó mà Kiêm Minh nhắc đến. Một nhà văn hoặc một người làm thơ không viết nổi nữa, tất nhiên còn nhiều lý do khác. Nhưng cái sự kiện « cứ viết một đoạn, lại phải ngừng lại, rồi không viết được nữa », nó bày ra một thảm kịch rùng rợn mà chúng ta nhiều ít đều phải chịu đựng. Đó là cái thảm kịch gây ra bởi sự phân ly cùng cực trong người làm thơ, phân ly giữa tình cảm và lý trí, phân ly giữa khả năng và ý thức, phân ly giữa những thực tế đang tuần hành trong đầu người làm thơ, với cái điểm rung động xa xôi nào đó mà hắn muốn hướng về. Sự phân ly này rất dễ hiểu, bởi ý trí của người làm thơ, nó biết là muốn tử tế phải chọn lấy một, và một thôi, giữa những cái mốc đằng trước để làm một điểm hướng về. Nhưng rồi hoàn cảnh thực tế tác động vào tình cảm và sinh con đẻ cái : « tôi có một người yêu ở xa, tôi nhớ nàng quá, tôi muốn về thăm nàng. Về thì phải đi hoặc bằng tầu bay, hoặc xe lửa. Xe lửa hay bị mìn quá. Mìn. À, tôi có một người bạn vừa chết mìn ở Bình Dương. Hắn có vợ đẹp. Người đẹp hồi này sao ưa đi với Mỹ quá. Ôi, nói gì ta là Mỹ ». Ấy, con đường của tình cảm đi đại khái như thế. Và chỉ cần vậy là cái vận động cần thiết toàn diện và liên tục rung động của người làm thơ đã bị cắt đứt. Tình cảm đi một đường. Lý trí đi một ngả. Cũng thế, khả năng và ý thức của một người viết, khi sáng tác, phải có sự phối hợp toàn diện. Nhưng khả năng của người viết là A. Ý thức của hắn lại là B. « Anh » ý thức không tin « Anh » khả năng, thành thử vừa thực hiện được một đoạn (tức là còn dang dở), thì phần người ý thức trong nhà thơ đã tách rời phần người sáng tác, để đứng riêng ra, phán xét khe khắt đoạn vừa viết. Một cuộc hợp tác thiếu tin cậy như thế, tất nhiên không thể lâu dài hơn thứ hợp tác giữa các chính khách. Và trong hoàn cảnh này, việc phối hợp nhất trí giữa khả năng và ý thức của người làm thơ, thật cực không kém việc thống nhất các đảng phái nước ta.

Cái thảm kịch phân ly cùng cực trong mỗi người trước bàn viết, như mấy ví dụ trên cho thấy, là chặng vất vả thứ hai của việc làm thơ hiện nay.

— Chặng vất vả thứ ba, chặng cuối, và cũng là chặng vất vả nhất, quan trọng nhất, mà theo tôi, mọi người làm thơ hiện nay đều đang bị mắc phải, là cuộc vật lộn tuyệt vọng giữa thơ và thực tại. Thơ, từ khi được chúng ta thổi vào những quan niệm gọi là mới, không còn là một thế giới riêng nữa. Thơ đã bị xách cổ đem vào đời sống, và nó, như chúng ta, cũng đã bị bắt buộc phải đối diện với thực tại. Từ thế giới cũ của thơ, đến cái thế giới mới của thực tại, tất nhiên phải xa cách. Thế là cuộc vật lộn khởi sự. Hôm mới đây, ở nhà riêng Thanh Tâm Tuyền, tôi có hỏi anh dạo này có làm thêm được thơ mới không, anh trả lời rằng không ? Tại sao không ? Khi cùng với Kếu nhắc đến số thơ của những người trẻ hơn hiện đang có mỗi ngày một đông, anh Tâm cho biết là theo anh thơ hôm nay đang đau, đang sốt rét ngã nước, càng ngày càng bị thu nhỏ vào cái vỏ cá nhân. Chính thơ của anh cũng trong cơn đau ấy cũng thu dần vào cái vỏ ấy, và bởi thế anh không làm thơ nữa.

Thơ chúng ta thật quả đang có đau. Đau nặng là khác. Nhưng không chỉ đau ở chỗ « thu nhỏ vào cái vỏ cá nhân » như anh Tâm nói. Theo chỗ tôi thấy, trong những ngày gần đây, thơ các bạn mới, phần lớn, đều đã mở vào những đề tài rộng lớn, như chiến tranh, xã hội. Nhưng, ngay những bài thơ hay và tốt, và mỏng vỏ cá nhân nhất, tôi lại càng nhận ra là thơ chúng ta đang đau nặng hơn: đau ở chỗ càng dấn thân vào thực tại, càng vật lộn với thực tại, thơ lại càng bị thực tại dìm thêm xuống hố sâu tuyệt vọng. Cứ đọc những bài thơ hiện nay thì biết, bài nào cũng đen tối, hằn học. Thét một chập, chỉ còn rất cái đen, cái buồn, cái tuyệt vọng, cái khổ sở ngồi ngang bên nhau đến mất hết ý nghĩa. Một nghìn cái vực sâu giống nhau, sát nhau, nối lăng nhăng với nhau, chẳng có một ngọn núi cao nào, một bờ vực nào để so sánh. Vậy là khu đất do một ngàn cái vực sâu họp lại ấy hết còn là vực sâu mà đã trở thành một thung lũng bằng phẳng. Cảnh tuyệt vọng, buồn phiền của thơ hôm nay mất hết ý nghĩa là thế. Thơ làm sao có thể khỏe mạnh nổi, tiến bộ nổi, khi trong thơ, trong mọi thứ tình cảm của người làm thơ thể hiện ra, không thấy le lói chút lửa của hy vọng nào hết.

Đi từ chặng vất vả này đến chặng vất vả khác, để rồi cuối cùng, khi đã làm chủ được chiến trường để cho thơ ra đời, thì thơ lại rơi tòm xuống cái hố tuyệt vọng.

— Nghe anh Tiết nói lại : bài của ký giả viết hay lắm.

— Ờ... Cái gì Tiết cũng khen hay. Bài báo này chắc em buồn ngủ. Vai kinh nghiệm : cứ 60 năm, mỗi lần tới năm Giáp Thìn, xứ mình thường gặp thiên tai. Giáp Thìn đời Thiệu Trị, đời Thành Thái rồi năm nay. Tôi chép lại để dành.

Tiết cười to :

— Xin lỗi. Sáu chục năm nữa tôi thanh ra ông cụ già 78 tuổi. Nếu làm công chức ở sở Khí Tượng, chắc tôi về hưu rồi. Bài báo của anh, chừng đó, sẽ nát gấy ra từng miếng dính trong tay, như hồi sang. Còn ai sưu tầm bài của anh ?

Phản ứng của Tân khá nhạy. Như vừa tránh né một mũi tên hiểm độc. Mũi tên ấy, Tân chạy được rồi phóng trở ngược về phía đối phương :

— Tiết ơi ! Áo sọc với quần ống túm đó nếu gởi ra miền Trung thì các cậu sống sót sau cơn lụt sẽ mặc để nhảy « tuýt », khi trồng khoai cuốc sỏi đá, dưới thung lũng chim kêu vượn hú.

Hường che miệng mỉm cười :

— Có còn hơn không. Miễn là mình có lòng tốt. Sá gì chuyện bão lụt thời xưa hay kiểu quần áo « đợt sống mới ». Xưa với nay đâu khác gì.

Tân ngẫm nghĩ hồi lâu :

— Hồi xưa hơi khác. Người ta thương yêu nhau nhiều hơn nhưng phương tiện cứu giúp quá yếu kém. Thời nay, phương tiện nhiều...

— Nhưng tình thương ? — Tiết hỏi.

— Thủng thẳng rồi anh trả lời. Còn nhiều nỗi quanh co. Thương nhau nhiều hơn thời xưa, thương tổ quốc, thương toàn thể nhơn loại. Nói thì dễ nhưng khi đụng chạm thực tế phức tạp, người cùng một tấm lòng lại nghi ngờ, cãi vã nhau quá lâu... để lần hồi con tim trở nên nguội lạnh, trống rỗng. Mình ở sát nhau, bên này bên kia đường hẻm, bước là tới vậy mà hồi sáng tới giờ, dường như...

— Tranh chấp vì khác thế hệ mà anh !

Đối với Tân, mấy tiếng đó là một kiểu « chụp mũ ». Anh muốn gật đầu cho qua chuyện. Tiết sống nhờ vả cha mẹ, làm sao nó thông cảm nổi vấn đề cơm áo. Mười giờ rưỡi, Tân cần đến tòa soạn. Biết đâu Tiết đã nói lén : « Nhơn mùa bão lụt này, Tân trúng mối, lợi dụng cơ hội để viết bài về bão ; bão càng to bài càng « ăn khách », tác giả hốt bạc càng nhiều. Tân chợt thấy dưới nền gạch, đôi guốc cao gót của Hường sửa chưa xong. À ! Đó là loại guốc hơn phân nửa chế tạo bằng nhôm. Lần đầu tiên, Tân mới biết điều đó (bấy lâu, anh ngỡ loại guốc cao gót ấy hoàn toàn làm bằng cây). Hường hơi lùn, mang thứ guốc cao hơn 8 phân tây. Tân lại nhớ đến cô tình nhơn học chung lớp hồi xưa, tên là Thư. Thư thuở ấy bé bỏng, thấp như Hường bây giờ. Thư mang guốc bằng cây vông, kẹp tóc, mặc áo bà ba vào năm học Trung học, thi đậu, gặp cơn khói lửa 1945, vẫn tiếp tục học ở bên Pháp, đậu bằng y khoa tấn sĩ, về nước, tham gia vớ vẩn phong trào bảo vệ hòa bình 1954, ứng cử dân biểu hụt, trào bà Ngô đình Nhu. Cách đây mười ngày — lúc chưa xảy ra bão lụt — Thư lái xe, đậu trước cư xá Đại Học. Thư hơi già, chưng diện như con gái, vai gầy nhưng ngực tròn, hơi già tạo Thư gặp Tân đang đi bộ, quần hơi nhầu, tóc dán sát vào da đầu, mặt đẫm nước dưới con gió nhiều mưa ít. Hai người đụng đầu nhau Thư mỉm cười, chào qua loa rồi vậy thôi. Tân vẫn bước nhanh, phía trước mặt. Hai người cùng một thế hệ mà chẳng muốn nhìn. ■

MAI THẢO

TRUYỆN DÀI

12

viên đạn đồng chì nổi

Nữ đứng trong căn vườn nhỏ sau nhà. Buổi chiều đã trở lạnh nhưng còn vương vương ánh nắng. Nữ mặc một cái quần nhiều đen, bộ đùi tròn lẳn nổi hình sau làn vải mỏng, chiếc áo cánh vải phin trắng nõn, cổ áo hình trái tim, ngực áo căng căng. Da thịt Nữ đỏ hồng. Tuổi dậy thì đốt lửa trong thân thể, Nữ không biết lạnh là gì. Nàng chỉ cảm thấy mùa đông, những hơi gió lạnh của mùa đông là một trạng thái ngoại giới tương phản càng làm gia tăng sự rạo rực của những đường máu dồn dầy trong thân. Nữ có cảm giác như gõ ngón tay trên da thịt, da thịt có thể rung lên thành âm thanh. Ngoài tấm áo vải phin trắng nõn, chiếc áo len mầu huyết dụ nổi bật lên nền lá xanh thẫm, nền xám của mái nhà, nền nhạt nhạt của nền trời.

Nữ vừa gội đầu, vừa tắm xong. Tóc còn thơm hương bồ kếp. Hơi nước mát đang mất dần trước sự tỏa bốc của hơi người nàng nồng nàn. Dục tình hiện hữu trong một ý muốn làm đẹp. Dục tình bốc cháy trước tiếng cười ròn rã của người quận trưởng trẻ tuổi trên mặt đê cao, tiếng cười chạm tới Nữ, bao trùm thành một ve vuốt kỳ thú. Nữ ngửa cổ, nhắm mắt, miệng hé mở, như nàng đang muốn uống lấy, uống thật hết tiếng cười vào cổ họng.

Đã hơn một tuần lễ, tâm hồn Nữ, cùng với sự có mặt của người quận trưởng trẻ tuổi, là một mặt hồ phẳng lặng thốt nhiên sao động bởi những giòng nước chảy ngầm. Hình ảnh Vinh ám ảnh tâm trí nàng. Đêm nàng mơ thấy Vinh trong những giấc mơ táo tợn, buổi chiều, nàng ra đứng trong căn vườn sau nhà nhìn lên cái mái ngói đỏ chói của quận lỵ, tưởng tượng ra Vinh đang làm việc, chàng ngồi đó, sau cái bàn giấy lớn, chàng trẻ trung, chàng chững chạc chàng là hình ảnh của nơi thanh lịch sáng ngời ánh đèn bên kia bờ Hồng Hà, chàng ở một giai cấp hoàn toàn khác biệt với cái giai cấp quê mùa cùng khổ tiều tụy của nàng, chàng trở thành niềm mơ tưởng không bao giờ đạt tới, nhưng bởi vậy mà càng thêm nõn nà, càng thêm nung nấu. Vinh có mặt và Nữ thấy nàng hiện hữu. Nàng là đàn bà. Trước, cả những lúc trao thân cho Niệm, chưa từng bao giờ Nữ nghĩ được nàng là đàn bà. Cuộc sống buồn rầu. Những tháng ngày cực nhọc. Chiến tranh với sức tàn phá dữ dội. Những họng súng nghiêng nghiêng trên bờ đê. Những bốt gác hung dữ một cách đe dọa đêm ngày. Những bầy chó bẹc giê gầm gừ nhe những hàm răng nhọn hoắt. Những tiếng giầy đinh cuồng khấu của bầy lê dương, và con người sống dưới những túp nhà tiều tụy của khu xóm lá, thân phận không hơn gì cỏ cây sâu kiến. Nữ không tìm được nguyên nhân, nhưng nàng linh cảm một cách sung sướng như từ ngày Vinh về, nàng có với nàng một thứ mùa xuân kín thầm nào đó, nàng có với nàng một niềm vui kín thầm nào. nàng có với nàng một tâm sự kín thầm nào đó, và ngày ngất sống, mơ màng và đắm say sống với sự kín thầm mới mẻ này. Như trong nàng vừa có một đài hoa nở, một tia nắng dấy, sự sôn sao như một cánh bướm, nghe thấy, cảm thấy nguồn vui là một giòng suối róc rách với những âm thanh sáng láng vô ngần.

Chiều chiều, tự hơn một tuần nay, đã trở thành thói quen, cái việc Nữ ra đầu ngõ ngóng nhìn lên quận lỵ. Đã thành thói quen. cái việc Nữ làm dáng. Trái tim nàng thường xuyên đập một nhịp đập hồi hộp. Tầm mắt Nữ cơ hồ chỉ còn biết hướng về một phía duy nhất. Phía đó mang tên là Vinh. Thần trí nàng cơ hồ chỉ còn là sự chiếm ngự của một ám ảnh không rời. Ám ảnh đó là người đàn ông một

---

nửa đêm

cao thoại châu

ông già chợt tỉnh lúc nửa đêm
thấy đầu mình là cơn lốc xoay tròn
thấy da thịt dần dần băng hoại
và thấy cuộc đời đang cuốn đi nhanh

ông thở dài ngồi như tượng đá
thiếu trẻ thơ nói chuyện tương lai
với hồi tưởng lớn dần theo ngày tháng
ông một mình ôm quá khứ trôi xuôi

Ông lão nghe những tiếng kêu rất lạ
thời của ông không bao giờ có
ông lắc đầu xót xa
mắt như rướm máu.

khi hồi tưởng quãng đời thủy thủ
ngồi đếm sao trên những boong tàu
có bao giờ ông giật mình tự hỏi
ngôi sao nào dành riêng cho tôi

cái giường cái bàn và đôi guốc
sao chúng rất cô đơn
sao chúng lạnh lùng như sóng
vỗ vào hồn ông

khi thấy mình chỉ còn tuổi già
ước vọng âm thầm và bất lực
ông bật thành tiếng khóc
và đập vỡ chiếc ly

tiếng thủy tinh vang trong đêm tối
câu chuyện thật buồn
ông lão làm sao quên
tình yêu và biển cả

này ông lão và chiếc ly bị đập
bọn trẻ bây giờ và sự thật
chúng lớn từ đổ nát
và không thèm chạy trốn

đêm kia đã chiếu đèn vào nàng, giữa lúc nàng đang chống cự lại sự chiếm đoạt tàn bạo của Niệm. Cho nên nghĩ đến Vinh, ở Nữ còn là một biết ơn thầm kín.

— Nữ. Con Nữ đâu.

Tiếng gọi giận giữ của người cha làm Nữ giật mình ra khỏi vùng đắm chìm mơ màng. Vừa thưa, Nữ vừa chạy mau vào trong nhà. Bộ ngực tròn căng nhảy đập theo nhịp chân bước.

Ông lão già ngồi sếp chân vòng tròn trên sập, mặt bừng bừng sắc giận. Giờ đã đến bữa nhậu chưa có. Nữ nhớ ngày là nàng đã mải mơ mộng quên dứt bữa nhậu buổi chiều thường lệ của người cha nghiện ngập.

— Rượu tao đâu ?

Nữ lúng túng:

— Để con dọn ngay bây giờ.

— Mày làm gì từ ban nãy đến giờ.

— Con gội đầu.

— Hừ, suốt ngày chỉ tắm với gội. Mày làm cái gì mà chỉ suốt ngày gương với lược, quần với áo. Con nhà lính mà tính nhà quan Rồi thì chết đói rã họng ra.

Nữ nín thinh quay xuống bếp. Thật may trong chạn còn lại một con mực. Nàng thổi lửa phù phù, nướng thật mau cho chín con mực Một mâm rượu, một cái khay, con mực nằm còng queo trên cái đĩa nhỏ, và bữa nhậu đã được dọn xong trong khoảng khắc. Nữ bưng ngay cái khay lên cho cha. Nàng chỉ muốn được trở lại khoảng vườn, đứng một mình, nhìn vì sao lên, nối tiếp lại giòng mơ mộng đứt quãng.

Ông ba Bảng tợp một ngụm rượu, trongt cái chập choạng của căn nhà đã phảng phất bóng tối Gió bắt đầu thổi mạnh thành tiếng trên những gờ mái sào sạc.Mùa đông đầy trời trên cao, tiếng gió gọi về những khoảng trống heo hút, những cánh đồng không người, rừng phi lao và tiếng than khóc của những hàng cây rũ rượi sõa tóc.

Nữ thắp một ngọn đèn nhỏ, đặt trước khay rượu. Ông lão già nhìn đứa con gái, từ đầu đến chân :

— Thằng Phác đâu.

— Con không biết. Chắc chú ấy ở những quán hàng trên đê.

— Hừ, cái thằng ngu đần, Cứ lên đê cho lắm vào. Thế nào cũng có phen lê dương nó bắn cho mất xác.

— Thầy cứ nói. Thầy làm như quận là xóm Hạ không bằng.

— Hừ, biết đâu đấy. Mày tưởng yên lắm hả. Tao thì tao nghĩ khác Tao lo đêm lo ngày. Không có thể yên được mãi đâu Còn cái thằng Niệm nữa. No thù thế nào nó cũng kiếm chuyện. Nó ở đâu bây giờ ?

Nữ sẵ g giọng :

— Ở đâu làm sao con biết được. Và con xin thầy một điều, từ bây giờ thầy đừng có nhắc đến tên người ấy nữa.

— Tại sao ?

— Chẳng tại sao hết. Tại con không thích. Có thế thôi.

Nữ im lặng như tìm câu nói thích hợp Rồi nàng nói tiếp :

— Cứ coi như nó chết rồi.

Ông ba Bảng không chịu như vậy:

— Láo. Nó như quỷ như ma. Nó chết thế nào dễ dàng như thế được. Mà nó cũng chưa chịu rời xa vùng này đâu.

— Sao thấy biết.

— Gì mà tao chẳng biết. Tao già rồi nhưng cái gì ở cái vùng đèo heo hút gió này mà tao chẳng biết. Nó lẩn quất đâu đó. Nó đang chờ rình một cơ hội nào đó, để làm một chuyện ghê gớm nào đó. Tao biết. Tao biết mà.

Nữ đang bực mình về sự cha già chợt nhắc đến Niệm, cũng phải bật cười :

— Cha cứ làm như gì cha cũng biết hết.

— Nữ, ngồi xuống tao bảo.

— Thầy uống rượu đi.

— Mày định đi đâu mà cứ cuống cả lên thế kia ? Mày làm đỏm làm dáng như thế kia thì mày ngu lắm, ngu quá lắm, thì mày không muốn được yên thân, thì mày sắp gặp chuyện khốn nạn rồi đó.

Nữ tròn mắt :

— Thầy nói gì lạ lùng. Con không hiểu.

— Mở to mắt ra mà nhìn. Lê dương, mũ đỏ ngày ngày xuống xóm mò gái, chúng nó mà tóm được mày thì chỉ có mạt cái đời mày, biết không. Cứ thướn ra, phơi mặt phơi mũi ra, mày tưởng thế là hay lắm sao ?

Nữ cãi :

— Đời nào có chuyện ấy. Thầy khéo lo vớ lo vẩn.

Ông ba Bảng trừng mắt, hơi rượu làm cho mặt mũi ông lão già đỏ sậm :

— Dễ chúng nó tha mày sao.

— Còn có pháp luật chứ. Còn có người nọ người kia, chứ lê dương muốn làm gì cũng được sao ?

— Ai là ai ?

Nữ nghĩ đến Vinh. Nàng buột miệng :

— Ông quận. ■ **còn nữa**

ý nghĩ

vũ đạ khóc

chiều đội một chiếc mũ thủy tinh mỏng
giọt nước mắt mọng như trái nho tươi
lớn dần lên như ngôi sao tuyệt vọng
biết mình vỡ như một loài đá bóng
con ngựa đen mặc áo bước lầm lì
trên những vòng hoa sương làm của hồi môn
cho một người trở về thế giới khác
những miếng da xanh che mắt bầy ngựa kia
ngan chúng thấy mọi người buồn ủ rũ
để chúng ham chơi bước tới nghĩa trang xa
thỏi vàng giải ra như những chiếc nhà xinh
mà người chết để dành cho người sống
vòng bánh xe tang vẽ những giòng nhạc buồn
trên bản hợp ca của những người đưa tiễn
đêm chụp chiếc mũ thủy tinh mượn của buổi chiều
tôi muốn hỏi tôi thiên đàng hay địa ngục
khi ngày lên ngôi bằng những bước chân xiêu
khi bóng mùa đông hiện ra vỡ tan cùng một lúc. ■

hạnh phúc

hoàng lộc

khi điếu thuốc tắt được dòng sông mang đi
ý thức anh vừa bắt gặp số phận
số phận thì nhiều ảo tưởng
ảo tưởng thì bao la
anh xin cài lên tóc em cành hoa vụng dại

người con gái khỏa thân trong phòng kín
nàng thơm tho và nguy nga
đó là vợ tôi
một công chúa còn xót lại
sau những biến chuyển lạ lùng

chỉ mình tôi thấy mình tôi biết
pho tượng cẩm thạch trắng mát ấy
linh hồn đông phương vốn là nàng
đã ngủ ngon khi bàn tay linh thiêng
nhấc ngôi nhà lên vườn địa đàng

cũng chỉ mình tôi gặp nụ cười
vô tư như chim và hoa lá ■

nhìn lại thơ hôm nay

■ Tiếp theo trang 27

Vấn đề lớn là chiến tranh cũng được giới làm thơ ở đây nhắc đến. Nhưng do hoàn cảnh, do chế độ kiểm duyệt của Nhà Nước, họ không nói được đầy đủ, thật ông, cứ phải loay hoay tìm cách che đậy, dùng danh từ và hình ảnh tượng trưng, khiến cho thơ bí hiểm, bưng bít dày đặc. Và thi sĩ xa dần quần chúng và thơ trở thành bức tường ngăn cách giữa người sáng tác và người đọc.

Đó, đại khái thơ của chúng ta hôm nay là như thế. Xã hội thì khô rời, không khí thì mệt nhọc. Một tập thơ in ra giỏi lắm chỉ bán được vài ba trăm cuốn. Xã hội không nuôi nổi thơ, nhưng thơ vẫn cứ đều đều xuất hiện, và càng xuất hiện càng tỏ ra đau ốm, xanh xao vàng vọt.

Tôi còn nhớ thêm một điều Thanh tâm Tuyền nói với Trần dạ Từ : Về hình thức, thơ hôm nay của lớp trẻ có thể gọi là thành công.

Có phải như là ông Tuyền gián tiếp công nhận sự thất bại của nội dung ?

Riêng tôi, đã từ lâu tôi vẫn chủ trương hình thức không đặt thành vấn đề. Thơ, chỉ có thơ hay hoặc dở, thế thôi. Một điều thật đáng buồn, giữa thời chiến như thế này, chúng ta rất hiếm những bài thơ hay. Nếu đem so với thời chiến trước, chúng ta thua hẳn về sinh hoạt, không khí và tinh thần.

những khuôn mặt mới...

(tiếp theo trang 22)

toán học lúc nào cũng mang đến cho tôi những con số không.

Và tôi cũng viết dưới tác dụng của một mối kinh hoàng luôn luôn bám lấy đời tôi ! Nhìn thấy những người mình thương và cũng thương mình, đột nhiên vì lý do này hay lý do khác bỗng hết thương mình

4.– Có, quyển Le Livre Des Apôtres của nữ bá tước de Ségur.

5.– Tôi sẽ nói với ông rằng đó là quyển Luận Về Tuyệt Vọng (Le Traité du Désespoir) của Kierkegaard... nhưng quyển mới nhất, quyển sau cùng, với tôi vẫn là quyển Le Livre des Apôtres của nữ bá tước de Ségur.

6.– Sách của tôi hả ? Khi đọc xong quyển sách đó tôi cảm thấy như mình vừa rời một người mà đáng lẽ mình định nói những điều vô cùng quan hệ và vì bị một thứ cảm xúc kỳ dị, một sự e thẹn không sao bỏ được khiến tôi đã nói những điều khác hẳn. Tôi có cảm tưởng như mình viết một quyển sách đứng đắn và người ta đã coi thường nó. Không, tôi không biết trả lời câu hỏi của ông : Vả chăng khi tôi yêu một người nào hay một vật gì, tôi lúng túng lắm.

Jean-François Josselin

vừa xảy ra đang nói tới ★ vừa xảy ra đang nói tới

(tiếp theo trang 12)

nhà nước Hà Nội phải chịu trách nhiệm về sự khủng bố và phá hoại tại miền nam Việt Nam.

Trong tác phẩm mới nhất của ông, dưới nhan đề *Un Million Dollars Pour Un Vietcong* (Một triệu mỹ kim đổi lấy 1 tên Việt Cộng) được bầy bán tại các hiệu sách ở thủ đô Ba Lê thượng tuần tháng 12 vừa qua. Nhà văn Larteguy có viết : « Chiến tranh tại miền nam Việt Nam luôn luôn do Hà Nội điều khiển. Vì những lý do có tính cách tuyên truyền và một chiến lược chính trị, Việt Cộng muốn làm cho dân chúng tin tưởng sự hiện diện của một phong trào độc lập ở miền nam Việt Nam : « *Mặt Trận Giải Phóng Quốc Gia* ».

Nhà văn Jean Lateguy đã giải thích những chiến thuật của Cộng sản, khi cái mà người ta gọi là Mặt Trận Quốc Gia được thành lập năm 1960 và việc giảm bớt lần lần những đảng viên không Cộng Sản trong Mặt Trận khi Cộng sản nắm quyền chỉ huy. Nhà văn Lateguy cũng còn nhận định rằng uy quyền hiện tại của Việt Cộng tại miền nam Việt Nam dựa vào « sự thuyết phục và khủng bố, cả hai đều được áp dụng một cách khôn ngoan ».

■ Robert Pinget và giải thưởng văn chương Femina tại Pháp.

Hạ tuần tháng 11 vừa qua, nhà văn Robert Pinget đã đoạt giải thưởng văn chương *Femina* tại Pháp năm 1965. Tác phẩm tiểu thuyết được giải thưởng là *Quelqu'un* Giải thưởng *Femina* là giải thưởng văn chương quan trọng vào bậc thứ nhì sau giải *Goncourt*, nghĩa là nhà văn Robert Pinget được một số tiền thưởng là 5000 phật lăng (khoảng 1000 mỹ kim). Và giải thưởng *Femina* do một hội đồng giám khảo gồm các bà có tên tuổi trong làng văn chương tại Pháp. Nhà văn Robert Pinget hy vọng với giải thưởng *Femina* năm nay mà ông vừa đoạt được sẽ khiến cho tác phẩm tiểu thuyết *Quelqu'un* bán được từ 100.000 đến 150.000 cuốn.

Trong khi đó, nhà văn René-Victor Pilhes đoạt được giải thưởng *Medicis* trong năm nay qua tác phẩm tiểu thuyết *La Rhubarbe*. *La Rhubarbe* là tác phẩm văn chương đầu tiên của nhà văn René - Victor Pilhes.

■ Alain Bosquet và giải thưởng văn chương Interallié

Hãng thông tấn Pháp (A.F.P.) hôm 8-12 vừa qua cho biết nhà văn Alain Bosquet vừa đoạt được giải thưởng văn chương *Interallié* 1965 tại Pháp với tác phẩm *La Confession Mexicaine*. Số thăm ông được chọn là 6 thuận và 5 chống. Địch thủ của nhà văn Alain Bosquet trong cuộc bỏ thăm sôi nổi này là Jacques Lanzmann.

những người xa

tiếp theo trang 9

đang lao mình xuống một cái hố để tránh một băng đạn.–Thằng Khải đang co vai trong một cái quán lạnh tận miền cao nguyên đất đỏ để vừa nhấm nháp ly cà phê (thật hiếm) vừa nhớ nhà, nhớ bạn bè và thèm đàn bà... như những lần về phép hắn vẫn kể với tôi... Hay có thể một thằng bạn thân nhất của tôi vừa nằm xuống và sẽ nằm mãi trong đất ngàn đời... Hỡi chúng mày tao là một thằng hèn phải không ? Tại sao tao lại không thể làm như chúng mày ? Tôi đưa tay sờ mặt mũi mình– khuôn mặt mày đó, hai mươi năm vẫn lì lợm, lì lợm như khuôn mặt bê bết của cuộc chiến này. Hỡi những thằng bạn hằng ôm nỗi chết thân thiện như người yêu. Tao sẽ gặp chúng mày trên một vùng rừng núi thật heo hút, thật lạnh, hay dưới các hầm hố lũng thấp sình lầy. Hỡi Hạ, hỡi các em, anh sẽ tìm gặp lại các em. Hỡi những con vi trùng lao đang ở trong phổi tao thân mến, tao cũng sẽ ôm hôn chúng mày...

Tôi trở vào, căn phòng vẫn tối. Tôi mò tay bên tường và bấm đèn. ■

mỗi tuần chân dung một tác giả

TIẾP THEO TRANG 6

một vụ thục két khổng lồ (hàng trăm triệu *lire*,) ông bèn bỏ trốn sang Pháp và sống tại Pháp cho đến năm 1915 thì trở về nước và gia nhập quân đội.

Khi Đệ Nhất ThếC hiến bùng nổ, Gabriele D'Annunzio đã 52 tuổi. Ông ngưng hẳn sáng tác tiểu thuyết, kịch bản làm thơ trong thời gian lưu vong trên đất Pháp. Tại Ý, không ai trách ông về việc ông thụt két. Ông lao đầu vào quân đội. Với khả năng văn chương sẵn có, D'Annunzio đã tổ chức nhưng cuộc diễn thuyết chính trị trước quần chúng. Ông lôi cuốn được họ nhờ tài hùng biện. Ông khuyến cáo mọi người nên chống lại chính quyền khi chính quyền trù trừ trong việc tuyên chiến với Đức. Ông nói : «Giòng máu của các bạn là phải đòi cho được một cuộc tuyên chiến, Mầm mống công phẫn và nổi loạn phải chuẩn bị trong lòng các bạn. Với gậy, với những nắm tay, chúng ta sẽ bảo vệ quê hương chúng ta, chống lại bọn Đức và bọn liếm giầy Đức. Tôi cho các bạn hay ở đây có những kẻ phản bội thối tha. Chúng ta là người Ý, không thể để cho người ta đem bán như súc vật được. «Ông trở thành một sĩ quan trong quân đội. Đâu cũng có mặt ông, từ lục quân, hải quân cho đến không quân. Sau lưng ông là cả một lực lượng thanh niên Ý hùng hậu. Đúng lúc thời cơ của chủ nghĩa phát xít bành trướng mạnh mẽ. Gabriele cũng lao đầu vào. Ông trở thành bạn thân của Benito Mussolini Mussolini coi ông như thủy tổ của nền độc tài. Khi chủ nghĩa vô sản từ Liên sô gia nhập vào lãnh thổ Ý, Gabriele D' Annunzio nhận thức được rằng chủ nghĩa cộng sản không bao giờ được quần chúng Ý chấp nhận, Vì tư tưởng chống đối chủ nghĩa Cộng sản, Mussolini đã bài trừ Gabriele D 'Annunzio ra khỏi quân đội. Vào ngày Giáng Sinh năm 1920, chính phủ Ý quyết định loại bỏ D' Annungio ra khỏi hàng ngũ các chính khách trong nước và phong trào phát xít cũng tẩy chay D' Annunzio Ông chấp nhận sự thất bại của chính mình khi Mussolini vẫn kính phục tư tưởng và đường lối chánh trị của ông.

XEM TIẾP TRANG 33

Sợi tóc tìm thấy

■ DƯƠNG NGHIỄM MẬU

(Tiếp theo kỳ trước)

Tôi nói vâng, chị tôi ra khỏi cửa, Phương và Tuấn ạ tôi rồi chạy ra theo. Phong ngồi xuống chiếc ghế của cha tôi. Tôi ngồi vào chiếc ghế xanh, lấy bao thuốc trên bàn rút một điếu châm hút, tôi không thấy chiếc gạt tàn thuốc để bỏ que diêm vào, lúc đó tôi mới nhớ ra là Phương đã lấy nó ra ngoài sân chơi sau khi tôi rửa nó sạch sẽ để phơi ngoài cửa sổ, tôi ra ngoài, nắng đã lên chói chang, trên bờ rào cây ánh nắng làm tươi những búp non, nắng chiếu trên da tôi gây cảm giác thoải mái dễ chịu. Chiếc gạt tàn thuốc ở đâu, hôm qua tôi thấy Phương dùng nó đựng cát bán hàng, tôi đi men theo hàng rào. tôi đá vào một đống cát nhỏ, tôi đụng phải cái gì cứng, tôi nghĩ chắc đây rồi, tôi cúi xuống lấy tay bới, tôi gặp chiếc ống bơ, tôi bỏ xuống và tiếp tục tìm nhưng không còn chỗ nào đáng khả nghi về chiếc gạt tàn thuốc nữa, trong lúc đó tôi gạt tàn thuốc ra đất, đến khi điếu thuốc cháy hết tôi quăng mẩu thuốc ra ngoài đường gần bên chiếc xe của Phương. Tôi trở vao và đá ngay cái gạt tàn thuốc nơi bậc hiên lên nhà, Phương dấu nó trong đống giấy vụn. Tôi cầm lên tay mang vào nhà lên bàn, Phương đứng lên gạt tàn thuốc vào đó. Phương không ngồi nơi chiếc ghế của cha tôi, Phương đến ngồi vào bàn lấy một tờ nhật báo rồi đọc. Tôi ngồi trở lại chiếc ghế của cha tôi, tôi nhìn thấy lưng Phương.

Đến đồn được đúng một tuần lễ thì con đường độc đạo đưa tới đồn bị cắt đứt. Xưa kia con đường còn đi xa nữa nhưng cây cầu sắt bị phá xập, đầu đường phía bên kia cầu không còn dấu tích từ nhiều năm chẳng hiểu nó đưa tới đâu nếu cây cầu được bắc trở lại. Con đường bị đào nát trong hai đêm liền, biết bị phá hủy nhưng không dám kêu trọng pháo bắn vì biết trong đó đều là dân chúng, những địch thì chúng phục kích hai đầu đường, chỉ còn cách bắn canh chừng, bắn cho chạy. Sáng ngày thứ ba đoàn tuần tiễu vừa ra khỏi cửa đồn khoảng một trăm thước thì bị giật mìn, địch bắn vào đồn liên tiếp thế là chỉ còn nước ngồi chờ viện binh. Chúng nó ở đâu đâu đó chốc bắn mấy phát, ai chịu được cái trò ấy, chung quanh phía trên bản đồ đều ghi là mật khu, ngay sát đồn cũng là vùng sôi đậu. Không hiểu lúc trước chúng nó giữ đồn bót ra sao, chẳng lẽ chúng nhậu lai rai với nhau và cất súng vào kho. Đồn được viện binh tiếp tế thêm lương thực, nhưng rồi con đường vẫn không sao kiểm soát và bảo vệ một cách hoàn hảo, mình vẫn không hiểu tại sao lại có một cái đồn ở chỗ đó, trước kia, thời Pháp, ở đó cũng có một đồn binh chỉ sống bằng thả dù, cái gì cũng dù hết, rồi sau đó đồn không còn là đồn của Pháp nữa mà vẫn được tiếp tế vì trên đồn vẫn treo cờ Pháp .. Nghĩ thực tức cười. Mình phải xin thêm quân nữa, mở một cuộc hành quân, binh sĩ phải ra khỏi đồn và sống ngay trong làng kế cận một tuần lễ... Một hôm Phương xuất hiện với một tay bị băng treo trên cổ, Phương tiếp tục kể lại trận đánh một cách hào hùng. Phương ngồi nghe nói đôi mắt mở lớn có lúc miệng há ra như học sinh những lớp nhỏ ngồi nghe giảng bài. Phương nói, anh kinh thật, thế mà chỉ bị thương. Phương nói chết có số, tôi tin chết có số, ra giữa trận rất khủng khiếp không chết có khi về ngồi trong bàn gấy lăn ra chết. Bọn kia nó vậy rồi kêu hàng, bọn này la lên hăng cái con cật, đánh...

• CÒN MỘT KỲ NỮA

CÁI chuyện cuối cùng tôi mới nói đó, tôi xin kể chuyện bên Tây : thực ra cố ý xuyên tạc cổ nhân hay là giải thích cổ nhân theo ý chủ quan của mình... thì cũng vậy !

Ai cũng biết Michelet là một sử gia lớn của Pháp. Mãi đến năm 51 tuổi, nhà làm sử ấy mới lấy bà Athen-ais Mialaret 23 tuổi.

Khi Michelet chết rồi thì bà vợ quí hóa ấy đã theo nhật ký văn-kiện rời rạc... Michelet để lại, xuyên tạc hẳn đi và viết cuốn Romes rồi ký tên Michelet ...! Giá có ai lại dựa vào tài-liệu ấy viết một số sách khác thì sai một ly, một vài thế kỷ sau, sai mãi sẽ đi.. một dặm — tai hại kể làm sao hết và chân-lý đã biến-thể bao nhiêu lần...?!

Nhưng trường hợp Michelet chưa nguy hiểm bằng Nietzsche ! Người xuyên-tạc nhà triết học ấy là bà em gái của chàng : bà Elisabeth Foerster, người có quyền giữ văn-kiện của Nietzsche ở Weimar bên Đức.. Bà ta đem văn kiện của ông anh ruột ra, xóa, bỏ, cắt, xén, thêm, bớt — và đã làm cho hệ-thống tri-thức, của Nietzsche có một bộ mặt ý-tưởng khác hẳn, nếu không phải là trái ngược ! Trái ngược vì chính bà đã viết một cuốn sách và phát minh ra cái tên Volonté de puissance — trong khi anh bà nằm tại một nhà thương dưỡng-thần-kinh... Và ai cũng đã biết : Kết quả của cuốn Volonté de puissance là gã Hitler và mười năm quốc-xã khủng khiếp ! Tội-nghiệp cho, Nietzsche : bình sinh Nietzche đã từng mắng chủ nghĩa quân-phiệt của Bismarck và bênh-vực các dân-tộc Do-thái, Á rập...

Chứ có đâu lại chủ trương tàn sát dân Do-thái như Hitler... Té ra một phần lớn chỉ vì bà em gái qui hóa ấy mà chủ nghĩa phát-xít ra đời — để hại đến ngày nay cũng còn chình ình ra đó, ai cũng thấy...

THÁNH hiền đã chết rồi : nói cho đúng, ngày nay giải-thích sai thánh hiền một cách rất chủ quan, hay xuyên tạc thánh hiền, hay... đốt sách chôn học trò... thì cũng vậy : cái HẠI chỉ khác nhau ở trình độ mà thôi ! Trên cao cái tội chém giết thánh hiền có Tần-Thủy-Hoàng Phần Thư Khanh Nho... Và dưới thấp nhất có bà vợ Michelet và bà em của Nietzsche— và ngồi bên cạnh cùng một chiếu có những nhà văn giỏi giết Thi-Nại-Am bằng cách viết thêm năm ba chương mới vào bộ Thủy-Hử, làm cho chính kẻ viết bài này ngày xưa đi nghênh ngang cười vào mũi Tống-Giang hơn một lần... Mô Phật !

Qua bao nhiêu thế-kỷ, những yếu-lý của thánh hiền bị xuyên tạc bao nhiêu lần, biến thể đi bao nhiêu lần thánh hiền còn để lại cho đời sau bao nhiêu là chất chân-chính và xác-thực ?

TÌNH trạng đã thế, tại sao người ngàn đời sau lại có nhiều người cứ định rằng chỉ có một mình mình là độc-quyền hiểu thánh hiền hay hiểu danh nhân này, danh nhân nọ ?! Và mỗi sách đem ra tham khảo, chúng ta lại cứ nhất định rằng, chỉ có nó là đúng ! Vấn-đề chân-lý — chân-lý viết thường, không viết hoa — đặt làm sao cho chính xác — để cho một đời sau, hai đời sau, ngàn đời sau... khỏi bị lừa gạt ! Thực ra, nói cho xác cho đúng chỉ có tiếng cái nhận thánh hiền là tự mình hiểu mình : Họ chết rồi, đời sau cái xạ hoa chính chiếu vào, ai có kính mắt của người nấy... Và thực chất của chân-lý thật là mù mù mịt mịt — vì nhà triết-học và nhà khoa-học chưa gặp nhau ...

Mỗi tuần một vấn-đề

TIẾP THEO TRANG 6

Ông Albert : Einstein đứng chứng kiến một việc xảy ra một người thợ đương làm việc ngoài công trường ngã từ lên cao xuống đất... Nhà thông thái đăng trí của chúng ta quên mất số phận của người công nhân, chẳng tìm hiểu coi người thợ có què có gãy hay không, chỉ hỏi mình : « Ủa, người thợ ngã từ trên cao xuống đất, hay là cái nhà từ dưới thấp bay lên cao.... gặp người thợ ? » (Nguyên-văn : est-ce le ouvreur qui tombe ou la maison qui monte ?) Ông đương tìm một định-lý vật-lý đấy ! Nhưng như vậy là ông làm một việc đúng hay sai ? Nếu định-lý ngược định lý thông thường là định lý đúng... thì rồi mới làm sao đây ? Chỉ có những nhà thông thái cỡ Einstein, Oppenheimer, Pontecorvo... mới rõ ! Nhưng ít nhất cử-chỉ của ông Einstein đi làm chúng ta ngờ ngợ về những chân lý, bản chất chân-lý... Một định lý vật-lý có khác định-lý triết-học không, khác thì khác ra sao, đến trình độ nào....? Nhà khoa-học đưa ra một định-đề (postulat) rồi sẽ chứng nghiệm sau để chứng minh giá-trị chân-lý của định-đề. Còn thầy Mạnh-tử chỉ nghiệm một cách phiến-diện về một vài sự kiện rồi đưa ra định-đề tính bản thiện — đến bây giờ vẫn chưa có ai chứng nghiệm một cách khoa học cái lý tuyệt đối của nó. Thầy Tuân-tử lại làm ngược lại và đưa ra một định-đề ngược — cho đến bây giờ cũng mới chỉ có Lý Tư, Thương Ưởng ngày xưa... là chứng nghiệm mà kết quả cũng chỉ có máu và nước mắt chan hòa ..... Trừ Thiên-chúa-giáo phải viện thế-lực một đấng tối cao là Thượng-đế, chỉ có Phật-giáo là nói vô-ký-tính của bản thể thường-tại, là hợp lý — chuyện siêu-cực hóa (extra-polation), dù là trên diện tính-chất của bản thể, chỉ là một chuyện còn để đấy, gác đấy.....

NÓI vậy, nói như tôi nói, thì rồi có bạn sẽ hỏi rằng nếu cứ ngờ vực bản chất của chân-lý thánh hiền đã vạch ra, thì rồi tìm tiêu-chuẩn ở đâu, và lấy gì làm tiêu chuẩn cho mọi hướng lập-luận trong ý-tưởng-giới. Bao nhiêu thế hệ trí-thức đến sau cần phải có bao nhiêu gia tài trí thức ấy để soi hướng tiến hóa đấy chứ ! Thật ra, tôi tưởng cá nhân chỉ còn trông cậy ở lẽ hợp-lý hay phi-lý — bắt nguồn từ sự sáng suốt của chính mình, phát sinh từ cái dung tích thông minh của chính mình cho phép mình phân biệt : mặt trận ý-tưởng và trí thức đã sai biệt đến cực độ rồi Lạc vào ý-tưởng giới, trí thức giới như lạc vào trận mê hồn : làm sao ra ? Sự ngại ngờ ngày nay chỉ là sản phẩm của những biến động lớn của lịch sử : hai trận thế-chiến, mười năm quốc xã của Hitler, mười năm quân phiệt Đại-Đông-Á những trại tập trung Dachau, Buchenwald..., những lò «Four crématoire» thiêu bao nhiêu triệu con người... đã lom cho con hết tin tưởng rồi ! Tin vào Thượng-đế thì Thượng-đế lãnh đạm, mà bỏ Thượng-đế thì cũng đến bơ vơ... dựa vào lịch sử — là quá khứ — tìm ở những giá-trị truyền thống thì những giá trị đã tan vỡ, đồng thời thánh-hiền không có mặt : mạnh ai nấy giải-thích thánh-hiền, mạnh ai nấy chiếm độc-quyền tư-tưởng vậy !

CHỈ còn một cách. Về phương diện những người ngày nay lập ngôn thì họ không được phép tự mình mâu-thuẫn với mình để cho người trẻ tuổi biết đường mà dò, biết đường mà hướng—mà suy

luận... Còn về phương diện những người khảo-luận và san-định mọi thành tố gia-tài trí thức tiền nhân — kể cả danh-nhân hiện-đại — thì họ không được phép sai — chỉ được phép lầm

Nói rằng Tuân-tử là nho-sĩ chính-truyền là lầm — được. Nhưng nói rằng người âu-tây chuộng vật-chất, người Á-đông chuộng tinh thần, hay là ông cha chúng ta là « duy-tâm » còn thế-hệ thanh-niên ngày nay là « duy-vật », thì quả tình là sai — không được ! Lầm là thế. Sai là thế. Xin phép dựng lên một vài ví-dụ như vậy để ăn nói cho rõ !

TRỪ phi là chúng ta loài người ngày nay còn có .. quyền hy-vọng : hy vọng rằng một ngày kia nhà khoa-học và nhà triết-học gặp nhau ở một cái «chất» bất-nhị nào đó — vạch hẳn một hướng luân-lý duy nhất cho cả loài người. Lúc ấy là lúc hai thực-thể vật chất và tinh thần mà thường ngày thiên hạ vẫn cho là một cái thì cụ-thể, một cái là trừu-tượng... và hai thực-thể «chủ» và «khách» hòa vào nhau biến thành một. Một. Một viết hoa : điểm cuối cùng của «hành trình» của bản-thể thường-tịch.

CHỈ có một điều đáng sợ: Khoa-học thì đi nhanh vùn vụt mà tốc-lực của luân-lý thì chậm. Khoahọc gia thì đã đến nguyên-tử-lực rồi mà luân-lý gia thì vẫn con lẹt đẹt lăm le đem sách truyền thống ra... dạy... Một ngày kia triết gia theo kịp được nhà khoa-học thì loài người đã tự-sát mất rồi — mà sở dĩ tự-sát — ôi hài — cũng chỉ vì chính kết quả của khoa-học : thuyết trương-đối và nguyên-tử-lực chẳng phải là điểm cao nhất (tuyệt-đối chưa ?) của khoa-học vật-lý-toán học hay sao ? Loài người tự-sát và sẽ lôi cuốn luôn vào cõi chết nhà khoa-học : lịch-sử thường cho chúng ta thấy người nào phát minh chiến-khí để giết và triệt lẽ hiếu-sinh của trời đất sẽ bị chiến khí ấy quật lại mình trước — những ai đã quên khu vực Pennemude và chàng Guillotine ?

Triết gia và luân-lý-gia, nếu có còn sống sót, sẽ « mồ côi » : ở đời chẳng ai chỉ đơn thương độc mã mà lại làm nên chuyện bao giờ... Và con người ta thông minh lắm : cái gì rồi cũng tò mò biết được hết, làm được hết — kể cả đẳng vân giá vũ, rắc đậu thành binh — duy chỉ có một điều nhất định không biết : ấy là chuyện sau cái ngày bom khinh khí làm cho trái đất thành bãi... tha ma, con người còn không, nếu còn thì còn ai, còn bao nhiêu mạng — hay là không có thể có gì mọc lên được trên mặt đất nữa và lẽ hiếu sinh tuyệt-diệt một lần cuối cùng !

Trong toàn-diện gia tài trí thức tiền nhân để lại cho loài người khai thác cái gì tế-vi nhất cục-diện nhất cũng điều đã có một tác giả nào tiên liệu — kể cả Jules Verne và các tác giả các sách phong thần — riêng có cái điều vừa ghê gớm vừa mầu nhiệm ấy — ôi mầu nhiệm — thắp đuốc mà tìm cũng không thấy dấu vết của một dự-liệu (anticipation) nào của một lời tiên.... tri nào !

TAM-ÍCH

Mỗi tuần chân dung một tác giả

TIẾP THEO TRANG 31

Trong những ngày cuối cùng, Gabriele D' Annuzio trú ngụ tại lâu đài Grada do Mussolini để lại cho ông. Ông sống như một kẻ bị cầm tù. Những ngọn đồi, những dòng suối trong, những rừng cây bao quanh biệt thự đã khiến ông trở lại với nghệ thuật thi ca của một thời quá vãng. Nhưng ông không thể nào trở lại được. Ông chán chường và những ngày gần đất xa trời đã gần kề. Ông từ trần tại lâu đài Grada ngày 1-3-38.

Trong những ngày cuối cùng, Gabriele D'Annunzio có viết : «Tôi sống thường trực trong nỗi hiểm nghèo — kể từ khi còn thơ ấu. Ngày xưa mẹ tôi đã không cho tôi một quả táo trên bàn, tôi đã lấy dao đục khoét suốt cuộc đời khốn khổ này. Chỉ thấy máu mà không có nước mắt. Tôi nhìn rõ cái chết ở trước mặt. Tôi là người đưa quân đầu tiên vào Pola, Cataro, Vienne. Tôi đã sống tại Veliki, Faiti Timavo. Tôi đã từng chiến đấu trên mặt biển và dưới lòng biển. Một đêm tại Buccari tôi đã thề với chính tôi là về giải phóng thành phố Fiume và tôi đã làm trọn được thề đó».

Ngày nay, chúng ta đã từng biết những khuôn mặt độc tài như Hitler, Mussolini, Dachau, Buchenwald, nhưng những khuôn mặt ấy đều bắt nguồn từ những tư tưởng về quốc gia của Gabriele D'Annunzio. Trong các tác phẩm tiểu thuyết cũng như trong những kịch bản, ông đã đề cập đến vấn đề con người và ý thức quốc gia. Có một dạo ông theo đuổi tình yêu, nhưng đó chỉ là thời chưa trưởng thành. Những nhân vật điểm đàng trong kịch bản của ông không phải là những con điếm thực. Ông muốn ám chỉ đến những sự thối nát của một xã hội phân hóa, một xã hội tù túng và không lối thoát. Mãi sau khi ông qua đời, nhà độc tài Hitler mới hiểu rõ rằng Gabriele D' Annunzio là một con người quan trọng, ngoài tư thế một tiểu thuyết gia một kịch tác gia và một nhà thơ. Gabriele, Annunzio đã sống thực với đời mình, không ngụy tạo, không giả trá. Ông đã dẫn dắt quần chúng trên con đường hiểu biết thực tại của xã hội và hiểu biết thực tại của quốc gia. Ngày nay các nhà độc tài Nam-Mỹ như Fidel Castro cũng không quên áp dụng đường lối tư tưởng của D' Annunzio Những điều quan trọng nhất của D' Annunzio vẫn chưa được giới văn học nghệ thuật Ý tiết lộ. Dù cho Gabriele D' Annunzio có sống vào tiền bán thế kỷ thứ 20 đi nữa, người ta vẫn có thể coi ông là người đầu tiên khai sinh cho một nền độc tài quốc gia mà nền độc tài đó có lợi cho nhân dân hơn là cho ngoại bang.

Gabriele D' Annunzio không còn nữa. Gabriele D' Annunzio đã để lại cho nhân loại ngày nay những bài học của nền độc tài có lợi cho quần chúng hơn là cho cá nhân. Và ngày nay, nếu có quốc gia nào chủ trương độc tài thất bại đó là vì không thấu hiểu tư tưởng của Gabriele D'Annunzio. Giữa những luận cứ chính trị, giữa những bài thơ điên cuồng, khao khát dục vọng, giữa những kịch bản trình bày thực tại xã hội, giữa những cuốn tiểu thuyết phơi bày sự thối nát của một giai cấp trưởng giả, Gabriele D' Annunzio đã biết liên kết các thực tại vào với nhau. Ông đã biết dung hòa đường lối của chính trị với văn chương và thi ca.

Tiếng nói của Gabriele là tiếng nói bất khuất của một con người muốn trình bày vấn đề xã hội bằng lý thuyết cũng như bằng hành động. Gabriele đã tìm được tiếng nói đích thực cho chính mình.

BÙI-NGỌC-DUNG

nghệ thuật

TUẦN BÁO RA NGÀY THỨ BẢY

Một số . . . . . 7 đồng
Sáu tháng . . . . . 180 đồng
Một năm . . . . . 300 đồng
Công sở giá gấp đôi
Thư từ bài vở gửi THANH NAM
Tiền bạc, ngân phiếu xin đề Ông TỪ NGỌC TOÀN

VISO LAVE SI BLANC
QU'ON VOIT LA DIFFÉRENCE !

Madame Dumas, en train de faire l'examen-fenêtre à l'une de ses amies, a déclaré :
"Regardez un peu cette serviette au grand jour le blanc VISO est vraiment différent ! Ça saute aux yeux !"

Để đóng giày ở tiệm đóng giày danh tiếng nhất thủ đô hiện nay

GIA

89, Hoàng Diệu — KHÁNH HỘI

- Tất cả những kiểu giầy mới nhất ở các kinh thành thế giới
- Đúng catalogue 100/100

và giầy phụ nữ các kiểu.

nghệ thuật

XUÂN BÍNH NGỌ 1966

● *Những sáng tác đặc biệt về Nguyên Đán của :*

Bình nguyên Lộc — Bùi Ngọc Dung — Cung Trầm Tưởng — Doãn Quốc Sỹ — Duy Thanh — Duyên Anh — Dương Nghiễm Mậu — Đằng Giao — Đỗ Quý Toàn — Đinh Hùng — Hoàng Anh Tuấn — Hoàng Hải Thủy — Hoàng Trúc Ly — Kiêm Minh — Kiệt Tấn — Lê Huy Oanh — Lưu Nghi — Mai Thảo — Mặc Đỗ — Minh Đức Hoài Trinh — Nhã Ca — Nguyễn Đình Toàn — Nguyễn Sĩ Tế — Nguyễn Mạnh Côn — Nguyễn Thụy Long — Nguyễn Xuân Hoàng — Ngọc Dũng Phạm Duy — Phan Lạc Phúc — Phan Tùng Mai — Sơn Nam — Tạ Tỵ — Thanh Nam — Thanh Tâm Tuyền — Thạch Chương — Thái Tuấn — Thái Thủy — Trần Dạ Từ — Trần Đức Uyển — Trần Thanh Hiệp — Trần Lê Nguyễn — Trần Tuấn Kiệt — Văn Quang — Viên Linh — Vũ Khắc Khoan.

Hái những bông hoa mùa xuân tươi thắm nhất trong văn chương

Ernest Hemingway — Albert Camus — Jean[illegible] — Paul Sartre — Williams Faulkner — Françoise Sagan — Alberto Moravia — Alain-Fournier — John Steinbeck

mùa xuân với nghệ thuật trình diễn

Qua những bài tổng kết, phỏng vấn, nhận định mới lạ của tòa soạn Nghệ Thuật

● CÙNG NHỮNG NGẠC NHIÊN MỚI NHẤT CỦA NHỮNG NGƯỜI VIẾT MỚI